Phần Mở Đầu

Kinh Tiểu Bộ - Tập 2 (VNC PHVN, 2021)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Băn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật r r 9

Trong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyên pháp luânỉ'9 nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi
nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ9 tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyên kinh điên, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguôn gôc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "D7 Thảnh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm tâm
gương sáng soi vào tự tâm, lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Dạo pháp - Dân tOc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tôn ở thê gian mà còn góp phân làm cho

X KINH TIÈU Bộ

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ9 hành Như Lai sụ*." Nguyện cầu Phật nhật tăng

huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Ph chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Narrf\ vôn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phâm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nanf \ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Dại tạng kinh" chỉ đề cập đến “Kinh t@ng” (P. Sutta Pitaka. H.)tức kho tàng Chân lý? trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vinaya Pitaka. H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pitaka, H.,Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tuyên tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải? Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhamma, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vìnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhỉdhammaf s. Abhidharma, H.,Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pãli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dĩpavamsă) và Đại sử (Mahãvamsă) đều ghi nhận rằng trong triều đại Vàlagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pãli băt đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy

một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cô, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bô qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3 về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ m6i, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Vỉệt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt độngyào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bắt-nhã. Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Niết-bàn, Pháp Hoa); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bắt-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hàrrí), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hàm), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pãli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi ựội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Păli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pãli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pãli. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pãli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Viet Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tải bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn? khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồnẹ Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ5 có công tông hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã c6, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn

Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt9 làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ? Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quôc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật ệiáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành Kinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tạp 11)/1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 5 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tỉch đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử và Hạnh tạng.

xiv KINH TIỂU Bộ

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh (),có cấu trúc mục lục khác với
các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()(tòu tiên được thực hiện từ năm 1637
đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh (1924-1934) do
các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyên đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã

trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chinh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapanna, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cỉntãmayapannã. Tư tuệ) và trên nên tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiên chỉ, thiên quán (P. Bhãvanãmayapannã. Tu tuệ). Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giảo Vỉệt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

LỜI GIỚI THIỆU XV

Phật giảo Việt Nam. Đông thời, tôi tha thiêt kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận5 si mê5 chấp thủ5 vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và , A 9 r : e 7

tại dây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triên bên vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo VỉệtNam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Viet Nam* Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam băt đâu từ rât sớm và xuyên suôt dòng lịch sử luôn đông hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và

quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng đê chuyên tải nội dung của Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nânẹ cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do VuaAsoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sanghamittã của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagamam Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thể kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thê thê truyên thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Anh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điên Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thể giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pãli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ẩn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triêu Vua Vattagãmanĩ Abhaya vào thê kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihãra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Àn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pãli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, 9 a A .

học thuộc Thánh điên, và nôi tiêng với bộ kinh băng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pãli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pãli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V. Ngoài tạng Pãli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng

tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khăc gô đây đủ đâu tiên của Trung Quôc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983 . Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kỉnh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ5 khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tôn cân trọng tại Hải An tự. Nhật Bản tiêp nhận suôi nguôn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (Taishõ Shinshũ Daizõkyõ.)do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện? gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản? được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gôm nhiêu quôc gia, dân tộc. 0 Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiên sư Bảo Sái phụng chiêu Vua Trân Anh Tông đảm trách công trình cập quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cô đức đã hêt lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch5 ấn hàĩứi Đại tạng kỉnh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phâm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thang, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn5 Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thông, Nam truyên hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam

tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam chuyên tải cả hai hệ thông và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc • - ._ • được giữ nguyên như trong hệ thông Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đôi với Băc truyên, câu trúc được chia thành hai phân: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

XX KINH TIỂU Bộ _____

Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh đỉên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý5 nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân sự? giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam lên một tâm cao mới? đặt một dâu ân cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bí, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập? Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó9 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pãli cũng không ngoại lệ9 khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời dại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn câu, nguôn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiên. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên9 Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

_____ LỜI NÓI ĐẦU xxi

Bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả? nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học? đối khảo các bản dịch? bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo ÍCvăn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất? luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lira bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghi. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước? từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công dức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

VesakLiên Hợp Quổc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Aùguttara Nỉkãya (Kinh Tăng chỉ bộ)
AA. Anguttara Nỉkãya Atthakathã (Chủ giải Kinh Tăng chỉ bộ)
Ap. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)
ApA. Apadãna Atthakathã (Chủ giải Thánh nhăn kỷ sự)
Asl. Atthasãlinĩ (Chủ giải Pháp tụ)
Bvs. BuddhavaTỴisa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Aưhakathã (Chủ giải Phật sử)
CNỈd. CũỊaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. CũỊanỉddesa Atthakathã
(Chu giải Tiêu nghĩa thích / Chú giai Tiêu diên giải)
Cp, Cariyãpựaka (Hạnh tạng)
CpA, Carỉyãpitaka Atthakathã (Chú giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiêu phâm)
Cvs. Cũlavamsa (Tiểu sử)
D. Dĩgha Nỉkãya (Kinh Trường bộ)
DA. Dĩgha Nikãya Atịhakathã (Chú giải Kinh Trường bọ)
Dh Dhammapada (Kinh Pháp củ)

DhA. Dhammapada Atthakathã (Chú giải Kỉnh Pháp cú)
Dhs. Dhammasanganĩ (Pháp tụ)
Dpvs. Dĩpavamsa (Đảo sử)
Gãt. Gãtha (Thera và Therĩ); Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ
It. Itỉvuttaka (Kinh Phật thuyết như vậy)
ItA. Itỉvuttaka Atthakathã (Chủ giải Kỉnh Phật thuyết như vậy)
J. Jãtaka (Chuyện Tiền thân)
Kh Khuddakapãtha (Tiểu tụng)
xxiv KINH TIỂU Bộ

Kkvt. Kankhãvitaraụĩ (Giải nghi) Kv. Kathãvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt) M. Majjhima Nỉkãya (Kỉnh Trung bộ) MA. Majjhima Nỉkãya Atthakathã (Chú giải Kinh Trung bộ) Mhbv. Mahãbodhivamsa (Đại sử vê cầy Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahãvamsa (Đại sử) Miln. Mỉlỉndapanha (Mi-tỉên vấn đáp / Milinda vấn đạo) MNid, Mahãniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahãniddesa Aịthakathã (Chú giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhima Nikãya Tĩkã (Phụ chủ giải Kinh Trung bộ) Mv. Mahãvagga (Đại phẩm) NUL Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NidA. Niddesa Aưhakathã (Chủ giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Nettỉ. Nettỉpakarana (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthãna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhỉdãmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Paịisambhidãmagga Aưhakathã (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) P"g. Puggalapannatti (Nhân thi thiết) r PugA. Puggalapannatti Atthakathã (Chủ giải Nhân thỉ thiêt) Pv. Petavatthu (Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỹ) PvA. Petavatthu Aịthakathã (Chủ giải Ngạ quỷ sự / Chủ giải Chuyện Ngạ quỷ) s. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ) SA. Samyutta Nỉkãya Atthakathã (Chủ giải Kỉnh Tương ưng bộ) Sn. Suttanỉpãta (Kinh tập) SnA. Suttanipãta Atthakathã (Chủ giải Kinh tập) Sum. Sumangalavỉlãsinĩ (Chú giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragãthã Atthakathã (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therĩgãthã (Trưởng lão Nỉ kệ)

BẢNG VIẾT TẮT XXV

ThĩgA. Therĩgãthã Atthakathã (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thũpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kỉnh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udãna Atthakathã
(Chú giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chủ giải Cảm hứng ngữ)
Uj Upãsakcỳanãlankãra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vỉbhanga (Phân tích)
VbhA. Vỉbhanga Atthakathã (Chủ giải Phân tích)
Vỉn, Vinaya Pỉtaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathã (Chú giải Luật tạng)
Vism. Visuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)

Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)

VvA. Vimãnavatthu Atthakathã

(Chủ giải Thiên cung sự / Chủ giải Chuyện Thiên cung)

Yam. Yamaka (Song đối)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Dỉvy. Divyãvadãna (Thiên cung sự)

Mhvu. Mahãvastu (Đại sự)

MPS Mahãparỉnỉrvãnasũtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàn)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-scrỉpt Buddhasãsana Samỉti edition of the Mcyjhima Nỉkãya (Kỉnh Trung bộ, phiên bản tiếng Miến, Nxb. Buddhasãsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giảo Ấn Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm lỷ Đạo đức Phật giảo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhỉdhammatthasangahă) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bọ)

xxvi KINH TIỂU Bộ

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual of Buddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Mỉlinda {Mỉỉỉnda vấn đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dị biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sỉs. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Nỉ kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo) SBE. The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam TTPV. Tam tạngPãỊỉ-Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh ()

N. Nam truyền Đại tạng()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm ()

Tăng./E�four. Tăng nhất A-hàm (,Ekottarỉkãgamă)

Tạp./ SÃ. Tạp A-hàm kinh (,Samyuktãgamd)

Trung./MA, Trung A-hàm kinh (,Mãdhyamãgama)

Trường./D�four. Trường A-hàm kinh (,Dĩrghãgamd)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary {Từ điển Phật giảo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pãlĩ) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pãỉí) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giảo) EPD. Engỉish-Pãỉi Dictionary (Từ điển Anh - Pãlỉ) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pãli-English Dictionary (Từ điển Pãli - Anh)

BẢNG VIẾT TẮT xxvii

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sangãyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (HỘI Thánh điển Pãli) VRI. Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal of Pali Text Society (Tap chí Hội Thánh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tap chỉ Hội HoànggỉaA châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

s. Tiếng Sanskrit p. Tiếng Pãli H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn Nxb. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư sc. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (et cetera) vân vân... (v.v...) f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang

tr.(by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch V. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn vol./ vols. (volume/ volumes) tập? quyển / các tập, các quyển

TỔNG QUAN KINH TIỂU Bộ

1. Khái niệm “Kinh Tiểu b “Kinh Tiểu bộ" Khuddaka Nikãya,dịch sát nghĩa là "Hợp tuyển 9

các tập kỉnh ngăn " The Collection ofLittle Texts, Minor Collection, là tuyên tập nikãyấ điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pãli ẳutta Pitakaf củaPhật giáo Thượng Tọa bol , còn gọi là Phật giáo Nam truyền hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền .Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ5 thi kệ, đoạn kinh ngắn về chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sống và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập. Từ “KhuddakcT trong tiếng Păli có nghĩa là "tiểu"hay "tạp”, tương đương trong tiếng Sanskrit là "Ksudraka^ Trong văn học Hán tạng, chữ "Nikdya" thường được phiên âm là "Ni-khada”,tương đương với từ "Ãgama" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "A-hàm"hoặc "Acấpma". Cụm từ "Khuddaka Nikãyă"được phiên âm trong Hán ngữ là "Khuất-đà-ca Ni-kha-da".Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa gọi Tiểu bộ kinh là uKhuất-đà-ca kinh".1 Bộ tương đương với Khuất-đà-ca kinh gọi là í6Khuất-đà-già A-hm".Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "Khuddaka Nikayc^ trong tiếng Pãli và từ tương đương "Ksudraka Agama" trong tiêng Sanskrit thường được dịch trong tiêng Hán là "Tiểu Ni-kha-da",trong đó "tiểu" có nghĩa

là nhỏ9 "Ni-kha- da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập Buddhạiĩva và Trúc Đạo Sinh trong Ngũ phần luật gọi là "Tạp tạng",2 cbn Ngài Huyền Trang dịch là 'Tạp loại X-cấp-ma" .3

1 Xem 724. 1462.1. 0675bl9-20: I 2 Di-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngũ phần luật)(22. 1421.30. 0191a24) ghi:

3 Xem Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ ký (f.49. 2030. 0014b06): WEnSi,,:

về từ nguyên, "Nikayà" có nghĩa là: (i) Giáo phái (school), bộ phái (,sect), (ii) Đoàn thể (,body, assembly), nhóm (,group)^ (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (collection).45 Trong ngữ cảnh văn học Pãli5 "Nikãyà" được hiêu là tuyên tập các bài kinh Phật (collection of Buddhist suitas). Theo từ điển Pãlỉ-Englỉsh Dictionary, tựa đề Kinh Tiểu bộ phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh Păli.6 Theo tác phẩm Chú giải Tiểu tụng (Paramatthcỳotikã). tựa đề Kỉnh Tiểu bộ là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.7* Phật Quang đại từ điển cho rằng: "S6 dĩ bộ kinh này có tên gọi là Kinh Tiểu bộ vì tuyên tập này tập hợp các truyên thuyêt, kệ tụng và cách ngôn trong bôn bộ kinh Pãli gôm Kỉnh Trường bộ, Kỉnh Trung bộ, Kỉnh Tương ưng bộ và Kinh Tăng chi bộ thành các bài kinh ngan.,s Quan điêm này chỉ đúng một phân, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong Kinh Tiểu bộ hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản Milinda vấn đạo (trong ấn bản TTTĐPGVN này) của Kinh Tiểu bộ là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pãli, chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.9 Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của Kinh Tiêu bộ trong văn học Kinh tạng Pãli. 2. Thể tài văn học của Kinh Tiểu bộ về thể loại, Kinh Tiểu bộ là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (, miscellaneous collection) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (gãthã, ,verse). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ? bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc săc, thê hiện tính văn học và triêt học Phật giáo sâu săc. Các tập kinh trong Kỉnh Tiểu bộ có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

4 Xem mục từ ííNikãyâ>' trong Từ điển Pãli- Hớ"()cha Bhikkhu Mahãnãno, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp ()hiệu đính. 5 Xem mục từ ^Nỉkãyâ^ trong từ điển Pãli-English Dictionary của Hội Thánh điển Pãli (Pali Text Society) và tương tự mục tư ííNikãyă,'f trong từ điển Concise Pãỉi-English Dictionary của A. p. Buddhadatta Mahathera, tr. 170. 6 Nguyên tác: "The name Khuddaka Nỉkãya is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikyas." The Anagatavamsa (JPTS. 1886), p. 35; The Gandhavamsa (JP7X I886)p. 57. 7 Xem H. Smith, (ed.), The Khuddaka-Pãtha Together with Its Commentary Paramatthcỳotỉkã I (London: PTS, I9l5),p. 12. ^Nguyen tác:

9 Hirakawa Akira, A History ofIndian Buddhism, tr. and ed.
by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "It has been suggested that the Khuddaka Nỉkãya was the repository for materials that were left out of the four Nikãyas (the Dĩgha Nỉkãya, Majjhima Nỉkãya, Samyutta Nikãya and Anguttara Nỉkãyà) and thus included both early and late texts?9

là Tiêu tụngf chưa đây 10 trang Pãli trong ân bản của PTS, trong khi Chuyện Tiền thân với 547 câu chuyện có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhưng cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pãli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao. 3. Vị trí của Kinh Tiểu bộ trong các thể tài kỉnh Tam tạng Pãli Tipitaka phân loại 9 thể tài kinh,1011 *vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 thể tài kinh S. dvãdaảãnga-dharma-pravacand^1 vốn bắt nguồn từ Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự 12 và được chấp nhận trong Pháp Tạng b,s. Dharmaguptaka, p. Dhammaguptaka, Hóa Địa bộ s. Mahĩáãsaka, p. Mahisãsaka và Đại Chúng b0 S Mahãsariìghika, P Mahãsaỏghika. Thứ tự về 9 thể tài kinh13 và 12 thể tài kinh14 được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau: 1. Kinh s. Sũtra, p. Sutta hoặc Khế kinh hay Trường hàng phiên âm là Tu-đa-la chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng. 2. Trùng tụng s. Geyaf p. Geyyă còn dịch là ứng tụng , phiên âm là Kỳ-dạ ,loại kệ tụng có nhiêu câu được lặp lại.

10 Còn gọi là 9 phận giáo ,9 bộ kinh ;9 bộ phAp ,9 kinh .Tham chiếu danh mục chín thể tai kinh trong Phật Quang đại từ điên: 11 Còn gọi là thập nhị bộ kinh ,thập nhị phần giáo ,thập nhị phần Thánh giáo ,thập nhị phần kinh .Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong Phật Quang đại từ điên: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ truy cập ngày 11/02/2021. Tham chiếu: Thanh tịnh r.01. 0001.17. 0074bl9-23; r02. 0125.49.1. 0794bl4; £>677JFZ luận ww^f.25. ,1509.33. 0306c 17-19:, ,Ề
,each dung ngu khong chính xác trpng cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiêu độc giả khi chưa hiểu bản chất cua 9 hoặc 12 thể loại van học. 0.24. 1451.38. 0398C25-27:,
Mazha-tang-ky0.22. !4g5L 0227b 11:•
3I : N?_7Luật
tạngPãli như SO !, : ;,
IZhg.BCr.Ol 0099.1138. 0300c05: 2....
,, 7*50*
/ ,;,,I', E
; ,...? ,.Tronẽ Ngữ phần
ỉuật^T22. 1421.1: 0001b25: lặ,,wiiw,,, ,

3. Ký thuyết s. Vyãkarana, p. Veyỵãkarand còn gọi là Thọ ký nE, phiên âm là Hoa-già-la-na hay Hòa-già-la-na ,bao gồm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai. 4. Kệ-đà s=p. Gãthã thường dịch là Phúng tụng hay Ký chú ,gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước. 5. Tự thuyết S=P Udãnd còn gọi là Vô vấn tự thuyết hoặc Tán thán kinh ,phiên âm là Ưu-đà-na ,gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu. 6. Nhân duyên ,S Nidãnă còn dịch là Quảng thuyết ,phiên âm là Ni-đà-na ,gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp. 7. Thí dụ ,s. Avadãnă còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh t,phiên âm là A-ba-đà-na ,gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ9 ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn. 8. Như thị ngữ s. Itivrttaka, p. Itivuttakă còn gọi là Bổn sự kinh phiên âm là Y-đế-mục-đa-già gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai. 9. Bổn sanh kinh S=P Jataka. phiên âm là Xà-đà-già gồm các bài kinh nói về tiền thân của đức Phật Thích-ca. 10. Phương quảng còn gọi là Phương đẳng s. Vaipulya, p. Vedaỉỉă hoặc Quảng kinh ,phiên âm là Tỳ-phật-lược ,gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đổi, giảng giải, triển khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ. 11. Vị tằng hữu s. Adbhutadharma, p. Abbhutadhammă còn gọi là Hy pháp ,phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma ,gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được. 12. Luận nghị s. Upadeảă còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh ,phiên âm là Ưu-ba-đề-xá ,gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học. Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pãli gồm có: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại “Nhân duyên,, thứ 6, "Thí dụ" thứ 7 và aíLuận nghj" thứ 12 như trong văn học Phật giáo Đại thừa. Kỉnh Ví dụ con rắn'\ số 22, trong Trung bộ và một số kinh khác trong Tăng chi bộf Luật tạng và Luận tạng đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh Sutta, ứng tụng Geyyă, Ký thuyết Veyyãkaraụà, Kệ tụng Gãthã, Cảm hứng ngữ Udãna, Như thị ngữ Itivuttakà, Bôn sanh ụãtaka. Vị tăng hữu pháp Abbhutadhamma, Phương quảng Vedallà515

15 Xem 4 II. 6, 103, 177; Vìn. III. 8; Pug. 43.

CÓ thể nói, văn học Kinh Tiểu bộ bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này Các thể tài văn học "Nhân duyên", “Thí dq" và uLuận nghi,9 tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pãli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng định rằng 16 tập trong Kinh Tiểu bộ có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa. 4. Niên đại và tác giả của Kinh Tiểu bộ Đại Chúng bộ9 Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa Kinh Tiểu bộ vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pãli. Ở chừng mực nào đó9 Kỉnh Tiểu bộ của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiểu tạng (Khuddaka Piíaka)}6 Dựa vào văn bản học, chúng ta có thê truy nguyên

niên đại của Kinh Tiêu bộ gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.16 17 Sáu tuyển tập của Kinh Tiểu bộ được ra đời trong giai đoạn đầu gồm Kinh Pháp củf Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ. Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm Chuyện Thiên cung, Chuyện Ngạ quỷf Diễn giải (Nghĩa thích), Phân tích đạo (Vô ngại giải đạo), Thánh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng, Tiếu tụng và sau nhất là Milinda vấn đạo. Riêng Chuyện Tiền thân có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau. về niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho rằng Kinh Tiểu bộ được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.18 Kinh Tiểu bộ được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua hình thức khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (The Third Buddhist Council) vào thế kỷ III TTL tại Pãtaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.19 Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh pli" (pancanekãyikă) trên các chỉ dụ vào thế kỷ III TTL, gián tiếp chứng minh rằng Kỉnh Tiểu bộ ra đời vào thế kỷ III TTL.20

16 Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, A History ofIndian Buddhism, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: “Though Buddhist schools such as the Mahisãsaka, Dharmaguptaka and Mahãsamghika included a Khuddaka Pitaka in their canons, the Khuddaka Nỉkãya of the Theravãda school is the only extant example of such a Khuddaka Pitaka^ 17 Giáo sư Oliver Abeynayake, "4 Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikãyd' (Phân tích phương diện lịch sử và văn bản của Kỉnh Tiểu bộ) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận điêm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: t4The Khuddaka Nỉkãya can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts Sutta Nipãta, Itivuttaka, Dhammapada, Therĩgãthã, Theragãthã, Udãna and Jataka belong to the early stratum and the texts Khuddakapatha, Vìmãnavatthu, Petavatthu, Niddesa, Patisambhida, Apadãna, Buddhavamsa and Cariyapitaka can be categorized in the later stratum.,, 18 Xem Oliver Abeynayaka, A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nỉkãya (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116. 19 Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, Sarvãstỉvãda Buddhist Scholasticism (Handbuch Der Orientalistik) (Leiden: Brill, 1998), p. 45. 20 Xem T. w. Rhys Davids, Buddhist India (London: G. p. Putnam9s Sons, 1903), p. 168.

Vê tác giả, phân lớn các học giả Phật giáo Nam truyên đêu cho răng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccãna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 1821 do Ngài Nãgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nếu bốn bộ kinh điển Pãli là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc Kinh Tiểu bộ do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết giảng hoặc biên tập.22 Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của Kinh Tiểu bộ rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết

giảng hoặc biên tập.2324 5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc Kinh Tiểu bộ Có bốn phân loại chính về Kinh Tiểu bộ\ Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo Thiện Kiến luật Tỳ-ba-sa ()quyển 1, Kỉnh Tiểu bộ chỉ có 14 tập, không bao gồm Tiểu tụng (Khuddakapãtha,).24 Căn cứ theo Chú giải Luật tạng (Samantapãsãdikã) bản Pali, cũng như lời tựa của bản Chủ giải Kinh Trường bộ (Sumangalavilãsinĩ) bản Pali, do có bổ sung Tiểu tụng nên Kinh Tiểu bộ gồm có 15 tập.25 số lượng tuyển tập này tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan ().Theo Etienne Lamotte, Kinh Tiểu bộ gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhất có đầy đủ Kinh Tiểu bộ.26 Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong Chủ giải Kinh Trường bộ do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ Y các nhà đọc tụng Kinh Trường bộ (JDigha-bhanaka,)chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong Kỉnh Tiểu bộ. trong khi các nhà đọc tụng Kỉnh Trung bộ {Mạjjhỉma-bhãnakaf

21 Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, Tiểu bộ có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là Chỉ đạo luậnhãy còn gọi là Cam nang học Phật (Nettipakaranã) và tập 17 là Tạng thích hay còn gọi là Chủ thích Kỉnh tạng (PeỊakopadesã). 22 Xem Oliver Abeynayaka, A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikãya (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "It is believed that the first four Nikayas contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the Khuddaka Nỉkãya are compositions of the disciples.,, 23 Xem A. K. Warder, Indian Buddhism (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03. 24 Thiện Kiến luật Tỳ-bà:sa (r.04. 1462,1 0676a07-10):. ;à ; :,Ĩ:X

25 Tác phẩm Samantapãsãdỉkã, còn có tên khác là Parqjikakanda-atthakatha (pathamo bhãgò). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: 4tKhuddakapatha-dhammapada-udana-itivuttaka-suttanipata- vimãnavatthu-petavatthu-theragãthã-thengãthãjãtaka-niddesa-patisambhidã-apadãna-buddhavamsa-cariyãpitakavasena pannarasappabhedo khuddakanikãyoti.,^ Bản Han dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tu*như vậy. Xem Nhất thiết Thiện Kiến luật chủ tự -(N..0036.1.0019a06-08): .
,ĘÍ,Trong đoạn này cũng có sự nhầm lân nhỏ, dịch giả xưa đã thêm "Tiểu kinh"()vào danh sách Kỉnh Tiểu bộ này, và gộp "Trưởng lão Tăng kệ' và "Trưởng lão Nỉ kể' thành một. 26 Étienne Lamotte, (1956) í4Problèmes Concemant les Textes Canoniques Mineurs'\ Journal Asiatique, số 244, tr. 249-64.

)liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong Kỉnh Tiểu bộ. Bản Chủ giải Luật tạng (Samantapãsãdikã)21 giới thiệu Kinh Tiểu bộ gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm Chủ giải A-tỳ-đạt-ma (AtthasãlinT)12, đề cập chỉ có 14 bản văn, không có Tiểu tụng (Khuddakapãtha).27 28 29 Chú giải vê Lời tựa Kỉnh Trường bộ băng tiêng Pãli cho răng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc? hoàn toàn không khác biệt về nội dung của Kỉnh Tiểu bộ. Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong Kinh Tiểu bộ là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng Kinh Trường bộ và Kinh Trung bộ có khuynh

hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng Kinh Trường bộ đề cập đên việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ Tiêu tụng, Thánh nhân kỷ sự, Phật sử và Hạnh tạng). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản văn trước.30 Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, Kinh Tiểu bộ có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gồm "Chí đạo luậrỉ" hay còn gọi là "Cẩm nang học Phậf (Nettippakarana,)và "Tạng thicW hay "Giải thích kinh" (Petakopadesa,).Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập Mỉlindapaĩĩha (Milinda vấn đạo), tức bản tiếng Hán "Di-lan vương vấn"()hay Di- ỉan-đà V(í)n©n Kinh Tiểu bộ của Miến Điện gom 18 tập?1 Ấn bản Kỉnh Tiểu bộ gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 5 (Paĩicamasamgãyanã, The Fifth Buddhist Council) tại thành phố Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.32 Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (Chattha Sangãyanaf The Sixth Buddhist Council) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành phố Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pãli được thống nhất một lần nữa, từ đó Chattha Sangãyana Tipitaka (CST) chính thức ra đời, và Kỉnh Tiểu bộ cũng có 18 tập.

27 J. Takakusu and M. Nagai (eds.), Samantapãsãdikã'. Buddhaghosa s Commentary on the Vinaya Pitaka, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15. 28 Edward Muller (ed.), The Atthasalim: Buddhaghosa s Commentary on the Dhammasangim (London: PTS, 1979), p. 26. 29 Xem Oskar von Hinuber, A Handbook ofPali Literature (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42. 30 Tham chiếu: T. w. Rhys Davids, J. E. Carpenter and w. Stede (eds.), The Sumangalavilasinr. Buddhaghosa s Commentary on the Dĩgha Nikãya, vol. I. (London: PTS, 1886-1932), p. 15. 31 Trong tác phẩm An Introduction to Pali Literature (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, s. c. Baneiji cho rằng: "Kinh Tiểu bộ theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) Milindapanha^ 2) Suttasamgaha, 3) Petakopadesa, 4) Netti hay Nẹttỉpakaraụay Phật Quang đại từ điển cũng cho rằng ấn bản Kinh Tiểu bộ của Phật giáo Miến Điện gồm có 19 tập ( ),tưc lằ tính thêm bộ Suttasamgaha ().Tham chiếu tại đtrơng dẫn: http://buddhaspace.org/dict/ fk/data/ (truy cập ngày 13/01/2Ó21). 32 Xemr thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, Sangha and State ỉn Burma (Tăng đoàn và Nhà nước tạỉ Miến Điẹn), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ff.

Tựa tiếng Việt, Pãli, Hán Tiếng Anh Ấn bản
PTS, Tích
The Short Lan, Thái Lan,
1 Tiểu tụng Khuddakapãtha,
Passages Miến Điện,
CST, CBETA
2 Kỉnh Pháp cúphammapada, Verses on Dhamma -nt -

3 Kỉnh Phật tự thuyết Udãna, Inspired Utterances -nt -

4 Kinh Phật thuyết như vậy
Thus It Was Said -nt -
Mvuttdka,
Group of
5 Kinh tập Suttanipãta, -nt -
Discourses
6 Chuyện Thiên cung Stories ofHeavenly -nt - Vỉmãnavatthu, Abodes

Stories ofHungry Chuyện Ngạ quỷ Petavatthu, -nt - Ghosts

Verses of the Male
8 Trưởng lão Tăng kệ Theragãthã. -nt -
Elders
Verses of the
9 Trưởng lão Ni kệ Therĩgãthã, -nt -
Female Elders
10 Chuyện Tiền thân ụãtaka, Birth Stories -nt -

11 Diễn giải Niddesa, Exposition -nt -

12 Phân tích đạo Way ofAnalysis -nt - Patisambhidãmagga,

13 Thánh nhân kỷ sự Apadãna. Legends -nt -

Lineage of the 14 Phật sử Buddhavamsa, -nt - Buddhas

15 Hạnh tạng Cariyapitaka, Basket of Conduct -nt -

PTS, Tích 16 Chỉ đạo luận Nettipakarana, The Guide Lan, Miến Điện và CST

TÔNG QUAN KINH TIỂU BỘ xxxvii

PTS, Tích (17) Tạng thích (JPetakopadesa,) Pỉịaka Disclosure Lan, Miến Điện và CST

(18) Mỉlỉnda vấn đạo Questions of PTS, Miến (Milindapafiha.) Mỉlỉnda Điện và CST

Kế thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản Kinh Tiểu bộ của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản Kỉnh Tiểu bộ thuộc Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam có 16 tap, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay. 6. Dịch giả, băn dịch và nguyên tác Kỉnh Tiểu bộ Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm- Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda. (1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: Tiểu tụng, Kỉnh Pháp củ, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kỉnh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ và 120 câu chuyện đầu của Chuyện Tiền thân. Đối với Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ. Hòa thượng dựa vào bản Chủ giải (Atthakatha) của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "Psalms of the Early Buddhisf do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909

(Psalms of the Sisters) và 1913 (Psalms of the Brethren). (2) Cư sĩ Nguyên Tam Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyến tập Chuyện Thiên cung (Thiên cung sự)f Chuyện Ngạ quỷ (Ngạ quỷ sự) và 427 câu chuyện tiền thân còn lại từ nguyên tác tiếng Anh, vốn được dịch từ Chú giải. về bản dịch Chuyện Thiên cung và Chuyện Ngạ quỷ. dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimãna Vatthu: Stories of Mansion, Peta Vatthu: Stories of the Departed của Jean Kennedy và Henry s. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bản năm 1942. Tập Chuyện Tiền thân đức Phật (Bổn sanh) gồm 547 câu chuyên, được Robert Chalmers, w. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bằn năm 1895. Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pãli của Hội PTS ấn hành. Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành

để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong tập Chuyện Tiền thân của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thê văn vân như trong nguyên tác vôn có, đê giữ được tính thi ca trong văn học Pãli, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm? sai sót. (3) Vị thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pãli này là Tỳ-khtru Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.33 Đối với Kinh tạng của bộ TTTĐPGVN này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khiru Indacanda được đưa vào: Diễn giải (Đại diễn giải và Tiểu diễn giải). Phân tích đạof Thánh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng và Mỉlỉnda vấn đạo, Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pãli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả. Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam.

Cẩn chí,

Mùa An cư PL. 2565 - DL. 2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

33 Xem các bản dịch Tam tạngPãỊi-Việt của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center),

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Chúng tôi bắt đàu dịch tập Jataka (Bổn sanh hay Chuyện Tiền thârỉ) này, theo cách phân loại, đây là tập thứ 10 trong bộ Khuddaka Nikãya (Kinh Tiểu bộ). Những kinh đã được dịch là: Dhammapada (Kinh Pháp củ. sô 2); Udãna (Kinh Phật tự thuyêt. sô 3); Itỉvuttaka (Kinh Phật thuyêt như vậy. sô 4); Suttanipãta (Kinh tập, số 5); Theragãthã (Trưởng lão Tăng ke, số 8); Therĩgãthã (Trưởng lão Ni kệ, số 9); nay dịch tập Jãtaka (Bổn

sanh, số 10). Theo tập Jataka bằng chữ Pãli, thời con số cuối cùng là 547 mẫu chuyện. Nhưng ở bản dịch tiếng Anh ghi là 550 chuyện, chia thành 22 chương (nipãta). Phân loại này phần lớn dựa trên số kệ (gãthã) trong mỗi chuyện. Ví như chương một có 150 mẫu chuyện, mỗi mẫu chuyện có một bài kệ. Chương hai gồm 100 mẫu chuyện, mỗi mẫu chuyện có hai bài kệ. Chương ba, chương bốn, mỗi chương gồm 50 chuyện, mỗi chuyện có ba và bốn bài kệ. Cho đến chương hai mươi mốt có 5 câu chuyện, mỗi chuyện có 80 bài kệ. Chương hai mươi hai có 10 câu chuyện, với một số kệ nhiều hơn. Mỗi Jataka (Bổn sanh) gồm có bốn phần: 1) Paccuppannavatthu (Câu chuyện hiện tại): Một câu chuyện được xem là xảy ra trong thời đức Phật tại thế, nên gọi là câu chuyện hiện tại, và vì câu chuyện này, đức Phật kể ra một câu chuyện quá khứ. 2) Atĩtavatthu: Câu chuyện quá khứ có liên hệ đến những nhân vật trong câu chuyện hiện tại. Trong câu chuyện quá khứ, luôn luôn có sự hiện diện của Bồ-tát (là tiền thân của đức Phật) trong một vai trò nào đó. Có một hay nhiều bài kệ, khi thì do Bồ-tát nói, khi thì do đức Phật n6i, phần lớn dưới hình thức một bài dạy đạo đức. 3) Veyyãkaranã: Giải thích bài kệ hay một vài danh từ trong câu chuyện quá khứ. 4) Samodhãna (Phần kết hợp): Đức Phật kết hợp hai mẫu chuyện hiện tại và quá khứ, có khi thêm một bài thuyết pháp5 kết quả của bài ấy và cuối cùng là phân nhận diện Bôn sanh, chỉ rõ sự liên hệ giữa những nhân vật chính trong hai câu chuyện quá khứ và hiện tại. Theo truyền thống Tích Lan, câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, lời giải thích và phân kêt hợp gôm thành tập Jataka A tthakathã (Bôn sanh sớ giải).

xl KINH TIÊU Bộ

Tập này được dịch sang tiếng Sinhala (Tích Lan), trừ các bài kệ vẫn giữ tiếng Pãli. Tập Jãtaka Aịihakathã bằng tiếng Sinhala lại đượ̣c dịch qua tiếng Pãli với danh từ là Jatakassa Atthavannana, mà nay chúng tôi đang dịch ra tiếng Việt. Truyền thống cho rằng chính Buddhaghosa đã dịch từ tiếng Sinhala ra tiếng Pali, nhưng truyền thống này chưa được các học giả đồng ý. Chúng tôi không dịch phân III, Veyyãkaranã, vì phân này có tánh cách sớ giải. Vì chỉ mới dịch có 120 mẫu chuyện..., nên chúng tôi chỉ có thể dựa vào số 120 mẫu chuyện này để phân tích và đưa đến một vài kết luận hay nhận xét cho riêng 120 mẫu chuyện mà thôi... Trước hết là nhận xét về trú xứ của câu chuyện hiện tại và câu chuyện quá khứ: Dựa theo những công trình của các vị học giả đã nghiên cứu trước, chúng ta nhận thây các câu chuyện quá khứ được xảy ra phân lớn vê phương Băc và phương Tây nước Ản Độ. Còn các câu chuyện hiện tại được xảy ra phần lớn về phương Đông Ấn Độ. Ví dụ? trong các câu chuyện quá khứ, Ba-la-nại được đề cập đên 428 lân, Gandhãra 25 lân; còn trong câu chuyện hiện tại? Kosala được đề cập 428 lần và Magadha 58 lần... Riêng trong 120 mẫu chuyện hiện được phiên dịch, trong các câu chuyện hiện tại, Kỳ Viên được nói đên 83 lân5 Trúc Lâm io lần, Xá-vệ 6 lần, v.v... Jataka hay Bổn sanh là những mẫu chuyện diễn tả các đời sống trước (tiền thân) của đức Phật và danh từ dùng trong các câu chuyện quá khứ là Bồ-tát. \ 9

Chúng ta phải xác nhận ở nơi đây, danh từ Bô-tát trong các chuyện Bôn sanh chỉ cho tiền nhân của đức Phật trong những đời sống quá khứ5 khi làm chư thiên, khi làm thú vật, khi làm vua, khi làm hoàng tử, V.V. Trong các câu chuyện quá khứ, nhân vật nổi

bật nhất luôn luôn là Bồ-tát, thường đóng vai trò linh động nhất hay quan trọng nhất. Phân tích 120 câu chuyện quá khứ đầu tiên..., chúng tôi xin ghi nhận nơi đây những vai trò Bồ-tát đã đóng như sau: 26 lần Bồ-tát làm chim làm thu: l lần làm chó5 2 lần làm ngựa, 4 lần làm bò đực51 lần làm voi, 2 lần làm cá, 5 lần làm nai, 3 lân làm khỉ và 8 lân làm chim. Vê các loài chim: ngông trời 1 lân, cun cút 3 lần, chim trĩ 1 lần, chim chúa 2 lần, chim bồ câu 1 lần. Bô-tát làm vua 6 lân5 làm con vua 6 lân, làm đại thân 7 lân, làm triệu phú 10 lần, làm địa c 1 lầnàm Bà-la-môn 4 lần, làm vị Hiền trí 11 lần, làm Sư trưởng 8 lần, làm ẩn sĩ 6 lần. Bồ-tát hành nghề cũng rất rộng rãi và đa dạng: làm trưởng đoàn lữ hành 3 lần, làm nghề đi buôn 2 lần, làm người cày ruộng 1 lần, làm người đánh trống 1 lần, làm người thổi tù và 1 làn, làm thầy thuốc 1 lần, làm thợ hớt tóc 1 lân, nghê nhào lộn 2 lân, làm con trai một gia đình 2 lân. Ngoài ra, chúng ta còn ghi nhận thêm: Bồ-tát làm chư thiên 5 làn5 làm thần cây 8 lần.

Nhìn chung, chúng ta cũng thây vai trò của vị Bô-tát thật là đa dạng, thật là phong phú, và vì đóng vai trò tiền thân của đức Phật, phong cách đạo đức của Bồ-tát thật hoàn toàn tuyệt diệu từ lời nói, từ suy tư cho đến việc làm. Mỗi chuyện tiền thân có một bài kệ? phần lớn do Bồ-tát nói, có khi đức Phật nói. Những bài kệ này có thể là một lời phê bình khi nhận xét những sự việc đã xảy ra, có khi là một lời cảnh cáo những nhân vật trọng yếu, sai trái, có khi là một lời khuyên giáo đạo đức, dựa trên câu chuyện đã xảy ra. Nghiên cứu các bài kệ này cũng là một nguồn cảm hứng đặc biệt, và các bài kệ được xem là phần cổ kính nhất của tập Bổn sanh này. Phân tích 120 câu chuyện hiện tại trong Bôn sanh này, chúng ta nhận thây những đề tài được đề cập liên hệ trực tiếp với đức Phật, với các vị Trưởng lão kề cận đức Phật, với các vị Tỷ-kheo? và một số cư sĩ liên hệ nhiều với đạo Phật. Ngoài ra, có đề cập những đề tài thông thường như đồ ăn cho người chết, lễ cúng dường khi cầu nguyện, các chòi lá bị cháy, v.v... Đề tài sau này chiếm tỷ lệ rat thấp. Những đề tài liên hệ trực tiếp đến đức Phật như thần thông song hành (29), Devadatta luôn tìm cách hại Phật (11, 21, 26, 57, 58, 72, 113), nữ Bà-la-môn Cincã vu oan đức Phật (120), đức Phật nhập Niết-bàn (95). Tiếp đến là một số Trưởng lão thân cận với đức Phật như Ãnanda (92, 95), Răhula (số 16), Sãriputta (37, 69), Cullapanthaka (4), Lãludãyĩ (5), v.v... Tiếp đến nữa là đề cập một số Tỷ-kheo có các hạnh không được tốt đẹp và cần đức Phật giáo giới, đề tài này có thể nói là chiếm đa số. Như Tỷ-kheo thối thất tinh tấn (2, 3, 23, 24, 51, 52, 55), Tỷ-kheo có nhiều đồ vật (6, 32), Tỷ-kheo khó nói (15, 43, 48, 59, 60, 82, 104, 116), Tỷ-kheo bị ái luyến (30, 61, 63, 66, 85, 106), Tỷ-kheo nói khoác (80), Tỷ-kheo ném con ngỗng trời (107), Tỷ-kheo làm ồn phi thời (119), Tỷ-kheo uống nước không có lọc (31). Tiếp theo là các đề tài liên hệ đến các đệ tử cư sĩ của đức Phật hay của các vị Trưởng lão. Ông cấp Cô Độc được nói đến khá nhiều (1, 40, 45, 83, 90, 103), đệ tử của Sãriputta (25, 39). Lại có một số đề tài có thể xem là không liên hệ đến đạo Phật như đồ ăn cho người chết (18), 13 cúng dường khi cầu nguyện (19), làm lợi ích cho bà con (12), cái chòi lá bị cháy (36), các cơn mộng (77) và đề tài liên hệ đến nữ nhân (61, 62, 63, 64, 65, 66, 67). Dựa trên các đề tài được đề cập trong các câu chuyện hiện tại, chúng ta có thể nói, những đề tài phần lớn đề cập đến Giáo hội trong thời đức Phật còn tại thế và khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn,

nhất là một số tệ trạng các Tỷ-kheo gặp phải sau khi đạo Phật được truyền bá khắp xứ Ấn Độ và khi bậc Đạo sư không còn nữa. Các đề tài và các mẫu chuyện cũng giúp chúng ta hiểu được một số nét về tình trạng xã hội đương thời. Ở đây, một vấn đề cần phải được đặt ra là: "Ai là tác giả các tập Jataka này?" Tuy bộ này được phân loại vào Khuddaka Nikãya (Kinh Tiểu bộ), tức là

một trong năm bộ Nikãya (Kinh tạng), và mỗi câu chuyện đều được diễn tả như là đức Phật đã kể lại, chúng ta có những lý do xác đáng để khẳng định tác giả các tập này phải là các vị Tỷ-kheo, hoặc sống trong thời đức Phật, hoặc sau đó khoảng vài chục năm. Vì chỉ có những vị này mới thông hiểu được tổ chức của Giáo hội và hiểu được những mẫu chuyện dân gian của Ấn Độ. Vì chỉ những người am hiêu dân tình, đông quê xứ sở An Độ mới có thê ghi nhận và trình bày được. Bài giới thiệu không cho phép chúng tôi đi sâu vào vấn đề tác giả của các mẫu chuyện Bổn sanh này. Nhưng căn cứ trên ngôn ngữ học, trên cách hành văn, trên các danh từ được dùng trong các câu chuyện, các giáo lý được đề cập, đức Phật được diễn tả, pháp môn được tu tập, v.v... chúng ta có những lý do để khẳng định tập Jataka này mở một kỷ nguyên mới trong văn học Phật giáo và trong cung cách truyền bá đạo Phật, được diễn ra sau khi Phật nhập Niết-bàn. Tuy vậy, chúng ta phải xác nhận răng nên văn học Jãtaka này có tác dụng rât lớn, ảnh hưởng đên nên văn học Phật giáo, ảnh hưởng đên việc truyên bá đạo Phật, trong quá khứ cũng như trong hiện tại, ở Ấn Độ cũng như ngoài Ân Độ, không những trong lãnh vực văn học mà còn lan rộng đến lãnh vực nghệ thuật, kiến trúc,... đời sống xã hội nhân dân. Trước hêt, một sô mâu chuyện Jataka được khăc trên những tác phâm điêu khắc tại các chùa5 các tháp như ở Sanchi, Amaravatĩ, đặc biệt Bharhut, Ấn Độ. Tại đây, tên các Jãtaka được khăc rõ ràng. Ngày nay, một sô công trình điêu khắc ấy vẫn còn được giữ khá nguyên vẹn tại các di tích Phật giáo Ấn Độ. Những công trình điêu khăc ây chứng tỏ các câu chuyện tiên thân đã được biết đến rất nhiều vào thế kỷ III TTL. Pháp Hiển, nhà chiêm bái Trung Quốc, khi đên thăm Tích Lan vào thê kỷ IV, đã chứng kiên tại ngôi chùa Adhayagiri, sự trình diễn 500 chuyện tiền thân của đức Phật khi Ngài còn là Bồ-tát9 dưới hình thức con voi, con nai, v.v... Chúng tôi khi còn ở Tích Lan, nhân ngày Phật đản, có chứng kiến các tấm pandal rất lớn về các mẫu chuyện Jataka để dân chúng đến xem và chiêm ngưỡng. Và tại các pandal ấy, có diễn xuất các vở kịch mẫu chuyện Jataka nữa. Vì vậy, ngày lễ Phật đản ở Tích Lan là ngày mà rất đông dân chúng đi từ pandal này qua pandal khác, vừa dự lễ vừa xem diễn các vở kịch vê Jãtaka\ dân chúng vui chơi một đêm trong ngày hội lớn. Các mâu chuyện này cũng được dùng làm đê tài thuyêt pháp trong các dịp lê, dân chúng đến nghe suốt đêm, nghe các vị sư Tích Lan kể chuyện tiền thân Jãtaka mà không biết mệt. Một ảnh hưởng nữa mà các câu chuyện này đem lại, nhất là các mẫu chuyện vê súc vật, nhiêu khi vượt qua biên giới tôn giáo An Độ và trở thành những chuyện cổ tích dân gian, nửa thần thoại, nửa thực tế, không lệ thuộc tôn giáo nào hay xứ sở nào. Chúng tôi tin rằng có một số chuyện cổ tích Việt Nam được bắt nguồn từ những chuyện Jataka này như chuyện Tấm Cám chẳng hạn. Những mẫu chuyện cổ tích này đã trô thành gia tài chung của nền văn hóa dân gian,

phản ánh được những tính chât bình thường của dân chúng dưới mọi chân trời, trong đời sông hăng ngày của dân chúng, khi phải tiêp xúc với những gì tôt hoặc xấu của cuộc đời. Chính vì vậy mà các tập Jataka này rất được phổ biến, không những trong giới Phật tử mà còn lan tràn khắp mọi địa phương, mọi dân tộc. Qua việc dịch tập Jãtaka. chúng tôi gặp phải một thể văn hoàn toàn khác r r 9y _ 2 với các bản Nikãya. danh từ khác lạ, rât phong phú, rât nhiêu chữ mới. Đó là thê văn kể chuyện, trực tiếp ghi chép các cuộc đối thoại, nên vừa dài vừa linh động, dịch cho gọn và cho sát với nguyên bản thật là cả một vân đê.

Mùa An cư năm 1980 - Canh Thân Tỷ-kheo Thích Minh Châu (Viện trưởng Viện Phật học Vạn Hạnh)

DẪN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN Chuyện Tiền thân ựãtakă). còn được gọi là Bổn sanh ()là tuyển tập thứ 10 trong Kinh Tiểu bộ gồm 16 tập thuộc Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Chuyện Tiên thân khơi dậy cảm xúc tích cực và hiên thiện trong tâm hôn của người nghe cũng như người đọc, đông thời xây dựng, củng cô niêm tin nơi Phật pháp và làm cho những thông điệp về từ bi và trí tuệ của Phật giáo lan xa tỏa rộng. Mặt khác, Chuyện Tiên thân còn là nguôn tư liệu giá trị vê đời sống kinh tế, chính trị, tập quán, văn hóa, tôn giáo và xã hội của đất nước và con người Ấn Độ thời cổ đại.1 L NHỮNG NÉT LỚN 1. Từ nguyên Từ "Bổn sanh" hay "Tiền thân" có gốc Pãli và Sanskrit là Jataka. Ngữ căn “JdtcT có nghĩa là "đã được sanh ra" + ""có nghĩa là uliên quan đến việc đã được sanh ra." Jataka có ba nghĩa: (1) "Câu chuyện,, được tìm thấy trong những tập sách có trước thời Phật. Trong phạm vi ngữ nghĩa này, Jataka là câu chuyện kê lại kiêp sông trong quá khứ của đức Phật, một mâu người hiên trí của đời trước; (2) Câu chuyện của kiếp quá khứ, trong những kiếp đó, tiền thân của đức Phật có thể trong hình hài của bất kỳ một sinh thể nào, từ con người cho đến con nai hay con chó rừng, v.v... Theo nghĩa này, các câu chuyện tiền thân được tìm thấy không nhiều trong 4 bộ Nikãya đầu tiên, nhưng lại có mặt nhiều ở Bharhut, một di tích cổ kính hàng đàu của Phật giáo có niên đại vào khoảng thế kỷ III TTL, và có mặt hầu hết trong mỗi câu chuyện của tập Jătaka\ (3) Jataka là tựa đề của tuyển tập thứ io trong Tiểu bộ gồm 547 câu chuyện.2 Trong các thể loại văn học, Jataka là một trong 9 thể loại ấy34và được đức Phật thỉnh thoảng sử dụng trong quá trình giáo hóa. vê mặt từ vựng, Ananda Salgadu Kulasuriya có một bài nghiên cứu chuyên sâu hơn về thuật ngữ Jãtaka^

1 Kanai Lal Hazra, Pali Language and Literature, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p.311. ' 2 T. w. Rhys Davids & William Stede, Pali-English Dictionary (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1921), p. 281. 3 Tham chiếu: HT. Thích Minh Châụ (dịch), Kinh Trung bộ trong TTTĐPGVN 2), (Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2020), tr. 161: một số ứiiện nam tử học phajp như Kinh, ứng tụng, Ký thuyết, kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu iphap, Phương quang.,, 4 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia of Buddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 3-7.

2. Cấu trúc của một câu chuyện tiền thân T. w. Rhys Davids cho răng câu trúc của một Chuyện Tiên thân gôm có 4 mục: "Tnróc hêt chúng ta có một khung ngoại vi gôm (1) một đoạn giới thiệu và (2) một đoạn nhận diện tiền thân. Bên trong khung ngoại vi chúng ta có (3) câu chuyện tiên thân đơn thuân "câu chuyện của quá khứ" như cách mà nó được gọi trong văn học Pãli. Câu chuyện đó, chúng ta lại có trong tập Jataka đang có mặt trong Chảnh tạng. (4) hạt nhân của toàn thể, khổ kệ tụng."5 Lại có cách phân loại khác, cho răng câu trúc của một Chuyện Tiên thân hoàn chỉnh gồm 5 mục, hay 6 mục: (1) Câu chuyện hiện tại (Paccuppannavatthù) là duyên để đức Phật kể lại chuyện kiếp trước; (2) Câu chuyện quá khứ (Atĩtavatthu) được đức Phật kể lại; (3) Kệ tụng (Gãtha) là một thành tố của câu chuyện quá khứ nhưng cũng thường xuyên là thành tố của câu chuyện hiện tại; (4) Chú giải (Veyyãkarand) làm sáng tỏ hơn ý nghĩa của những từ ngữ trong mục kệ tụng; (5) Môi liên quan (Samodhãnă) thường được gọi là mục nhận diện tiên thân,5 6 trong đó đức Phật nói về những nhân vật trong câu chuyện hiện tại đã từng là nhân vật nào trong câu chuyện quá khứ;7 (6) Tựa đề.8 Tuy có các cách phân chia như vậy nhưng khuôn mẫu 4 mục gồm 2 mục ngoại vi và 2 mục cốt lõi mà T. w. Rhys Davids chủ trương đã phản ánh đúng thực tê và có tính thuyêt phục cao. 3 Cấu trúc của tuyển tập Jataka Nhìn tổng thể, tập Jataka tiếng Việt hiện tại là một bộ sưu tập gồm 547 câu chuyện tiền than phân bố thành 22 chương hay tiểu tập (nipãta) với 6.644 khổ kệ.9 Nguyên tắc phân bố mang tính số học? chương I có 150 câu chuyện tiền thân, trong đó mỗi câu chuyện có 1 khổ kệ. Chương II có 100 câu chuyện, mỗi câu chuyện có 2 khổ kệ. Cũng vậy, chương III có 50 câu chuyện, mỗi chuyện có 3 khổ kệ... cho đến chương 22, theo nguyên tắc sẽ hàm chứa những câu chuyện có 22 khổ kệ. Chương số hiệu lớn dần thì số lượng chuyện tiền thân trong chương ấy càng nhỏ dần. Tuy phần lớn sự phân bố tuân theo nguyên tắc nhưng vẫn có độ linh hoạt nhất định. Ví dụ như chương VI, câu chuyện ít nhất có 6 khổ kệ và nhiều nhất 18 khổ kệ; chương XXI tuy là chương 80 kệ nhimg số khổ kệ dao động từ 81-124. Chương XIV gọi là "Tạp ke”, có câu chuyện ít

5 uMỗi một hạng mục như vậy có một lịch sử riêng biet" là điều được nhấn mạnh. Xem T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 194. 6 Cũng có tnrờng hợp ngoại lệ, như Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta, số §514, không có phần nhận diện tiền than nay. 7 Kanai Lal Hazra, Pali Language and Literature, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 31 y Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. Ill; G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 13. 8 Oskar von Hinuber, A Handbook of Pali Literature (New Delhi: Munshùam Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 56. 9 Xem Phụ lục 3: Thống kê và đối chiểu số kệ Chuyện Tiền thân giữa 3 bản (CST, PTS và Tích Lan).

kệ nhất là 16 và nhiều nhất là 48 khổ kệ. Riêng chương XXII có 10 câu chuyện, chuyện ít nhất có 122 khổ kệ và nhiều nhất có 786 khổ kệ. Trong một số trường hợp thì khổ kệ

được gắn vào câu chuyện tiền thân theo cấu trúc chung gồm 4 mục mà không phải là thành tố hữu cơ mật thiết với mạch lạc của câu chuyện.10 4. Các phiên bản của tuyển tập Jãtaka Con số 55011 chuyện tiền thân chỉ là phiên bản chính của bộ sưu tập. Có khoảng thời gian tập Jãtaka ấy thất lạc 3 câu chuyện nên còn lại 547. Cặn kẽ hơn, con số 547 cũng không phải là con số chính xác nên Maurice Wintemitz đã cẩn thận khi dùng cụm từ utrên 500 Jãtakcf\ bởi vì có trường hợp, nhiều câu chuyện được ghép lại với nhau, có trường hợp chỉ là những dẫn chiếu đến các câu chuyện tiền thân sau đó, cũng có trường hợp cùng một câu chuyện nhưng xuất hiện nhiều lần dưới hình thức dị bản.12 Theo Chủ giải Luật tạng của Theravãda, Ngài Buddhaghosa (Phật Am) trong phân mở đâu của Parajikakanda-atthakatha (pathamo bhãgo) có nói rằng: "Apannakcỳãtakãđĩnỉ pannãsãdhỉkãnỉ panca jãtakasatãnỉ jatakanti veditabbam" nghĩa là nói chính xác về tập Jataka thì có khoảng 505 Jataka hoặc có mối liên hệ với Jãtaka được biết đến. Ngoài phiên bản 500 câu chuyện tiền thân, còn có nhiều phiên bản khác,13 như 560 hay 56514 câu chuyện cùng với những thông tin liên quan. Phiên bản có thể xem là nhỏ nhất của Jãtaka có mặt ở Sài Gòn15 năm 1954 tựa là La Version Mône du Nãrada Jãtaka (Bản dịch tiếng Mône về chuyện tiền thân Nãradă) do École Franẹaise dfExtrême Orient xuất bản.16 Từ lâu Jataka đã trở thành một hình thái, bộ loại hay thể loại văn học riêng với những quy phạm và đặc săc riêng có. Ngoài bản Jataka này, chúng ta còn có một bộ sưu tập Jataka nôi trội tên là Jãtakamãỉa (Bốn sanh man,)nghĩa là Tràng hoa những câu chuyện tiền thân với 34 câu chuyện; một phiên bản khác có 35 câu chuyện và một phiên bản lớn hơn có 100 câu chuyện.17

10 E. B. Cowell (ed.), The Jataka or Stories of the Buddha "s Former Births (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxili; Bimala Chum Law, A History of Pali Literature (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 274; Kanai Lal Hazra, Pali Language and Literature, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311-12; Oskar von Hinuber, A Handbook ofPali Literature (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 54. 11 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 24. 12 Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119. 13 E. B. Cowell (ed.), The Jataka or Stories of the Buddha s Former Births (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxii; G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20. 14 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia of Buddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20 và p. 24. 15 Ngày nay là một khu vực lớn thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh. 16 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20. 17 Pierre Dupont, La Version Mône du Narada-Jataka (Saigon: Ecole Franẹaise d'Extrême Orient, 1954); G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 24. -

Phiên bản 100 câu chuyện có từ câu chuyện kê vê hành trạng của một vị Đạo sư thuở xa xưa tên là Ãryaáũra (Thánh Dũng,)dq sỉr gia Tăranãtha18 kể lại. Thuở ấy, những

câu chuyện tiền thân được lưu truyên băng nhiêu cách như nghe người khác kể? ghi nhớ, tích tập trong ký ức và thuật lại. Tât cả những phương thức ấy đều thuần là truyền khẩu. Truyền thống Jãtaka chữ viết bắt đầu bằng câu chuyện Đạo sư Ãryaốũra lập dự án cho công trình chọn lọc và viết xuống thành văn tự những câu chuyện tiền thân để tôn vinh mười Ba-la-mật của đức Phật. Mỗi một Ba-la-mật được tôn vinh bằng mười câu chuyện, như vậy tổng số sẽ là 100 câu chuyện. Tiếc thay, khi viết xong câu chuyện thứ 34 thì Ãryasũra mệnh chung. Một thân tích kê răng trong thời gian viêt Jãtakamãla. Aryasũra quán chiêu về hạnh bố thí của vị Bồ-tát? cụ thể là vị Bồ-tát Thái tử Mahã Satva (Ma-ha Tát- đỏa9)đã hy hiến thân thể của mình cho bầy hổ đói. Khi quán chiếu như vậy, Ãryaáũra khởi phát tâm cao thượng hướng đến Ba-la-mật và nhận ra rằng hạnh bố thí như vậy không quá khó, ngay bản thân mình cũng có thể thực hiện được. Lúc ấy, Ãryaáũra thấy một con hô mẹ và bầy con đang đói lã, sắp chết. Thoạt dầu, Ãryaáũra chưa quyết định hy hiến cho đến khi phát khởi độ thâm tín viên mãn và mạnh mẽ nơi đức Phật, khi ấy cũng là lúc Ngài đang sử dụng dòng máu của bản thân để viết xuống những câu chuyện tiền thân. Việc dùng máu làm mực đã là nếp quen của mỗi ngày, song giờ đây, Ãryaốũra cũnệ dùng chính dòng máu của bản thân ấy nhưng không phải đê viết tiếp mà là đê bố thí cho những con hổ đói khát. Lúc ấy, những con hổ tỉnh dần và hồi phục sức lực thì cũng chính là lúc Ãryaáũra hy sinh thân thể. Tập Jãtakamãla vì vậy mà kết thúc với 34 câu chuyện thay vì 100 câu chuyện như dự án ban đầu của Ãryaắũra.1920 Nơi phát tích của những câu chuyện tiền thân đầu tiên là Bắc An, cụ thể hơn là ở một xứ sở có tên là Madhyadesa (Quốc độ trung tâm),2và từ đó trải rộng tầm ảnh hưởng rộng khắp nhiều châu lục, liên tục bổ sung từ nhiều nguồn văn học qua việc giao thoa chia sẻ với và được chia sẻ từ các nền văn hóa khác nhau. Các học giả hàng đâu đêu nhận định răng hâu hêt những câu chuyện tiên thân đều có nguồn gốc từ văn học dân gian lưu hành ở Bắc Ấn.21 Mặt khác, bộ sưu tập Jataka này không bao hàm hết những câu chuyện tiền thân đanệ hiện hữu ngay trong thời kỳ nguyên sơ của Phật giáo Bắc Ấn.22 Trên thực tê, bản Jãtaka không bao gồm những câu chuyện tiền thân được ghi lại trong Trường

18 Tãranãtha, History of Buddhism ỉn India, tr. by Lama Chimpa, Alaka Chattopadhyaya (from Tibetan), ed. by Debiprasad Chattopadhyaya (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Tác phẩm này cũng được V. Vasifev dịch sang tiếng Nga và Schiefner dịch sang tiếng Đức xuất bản năm 1869. 19 Các học giả không dễ dàng đồng thuận với con số 34 Jataka theo cách như vậy. 20 Bimala Chum Law, A History of Pali Literature (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 237; Kanai Lal Hazra, Pali Language and Literature, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311. 21 Bimala Chum Law, A History ofPali Literature (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 274. 22 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 8.

bộ như Kỉnh Cứu-la-đàn-đầu (số 5), Kinh Đại Thiện Kiến vương (số 17) và trong Trung bộ như Kinh Ghatikăra (sô 81), Kỉnh Makhãdeva (sô 83). Từ lúc phát tích đến lúc định

hình vững chắc và cho ra đời những bộ sưu tập như chúng ta thấy ngày nay là một quá trình kéo dài hàng ngàn năm. Xuất phát là những câu chuyện đầu tiên có mặt ngay thời đức Phật còn tại thế, sau đó là những câu chuyện xuất hiện trong hình thức phù điêu và những dòng chữ được chạm khắc vào đá ở di tích Bharhut và Sanchi có niên đại vào thế kỷ III TTL, cuối cùng là số lượng lớn những câu chuyện nằm trong những bộ sưu tập, cụ thể là bộ sưu tập vào thế kỷ V tức bản Jataka này,23 Công trình kéo dài cả ngàn năm như vậy được thực hiện bởi những người học thuộc lòng và kể lại, những người phiên tả, nhfnig tác gia, những nhà sưu tầm, biên tap, sao chép, dịch thuật... thuộc nhiều thế hệ, có khoảng cách khác biệt rất xa với nhau về thời đại, bối cảnh đời sống và về nhiều phương diện khác. Những người tham gia góp phần vào công trình này thuộc nhiều thành phần khác nhau, có cả tu sĩ lẫn cư si, sống và làm việc trong các môi trường địa lý9 chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng và xã hội khác nhau. Những khác biệt ấy đã để lại dấu vết trong bộ sưu tập được đưa vào Chảnh tạng, đó là tập Chuyện Tiền thân mà chúng ta đang có. 5. Các thể loại câu chuyện tiền thân trong tuyển tập Jãtaka Trước hết chúng ta cần nhận thức rằng những đoạn văn vần trong Chuyện Tiền thân cổ kính hơn so với những thiên sử thi hay thể loại trường ca cùng loại. Tuy nhiên, sự cẩn trọng trong nghiên cứu cho biết rằng chúng ta không thể xác quyết độ cổ kính của những câu chuyện ngang qua hình thái câu chữ có khớp với thời gian thật trong lịch sử hay không.24 Chuyện Tiền thân với hơn 500 câu chuyện chứa đựng trong đó tất cả hình thái, bộ loại, thể thức của dòng thơ ca. Maurice Wintemitz cho rằng có 5 thể loại25 như sau: 1) Dạng phổ quát là một mạch chuyện dưới dạng văn xuôi, thỉnh thoảng được ngắt quãng bằng những đoạn văn vần. Có khi mạch chuyện được dừng lại để đan xen vào một bài thơ ngụ ngôn hay những khổ kệ kể chuyện đời xưa. Cũng có khi mạch chuyện được điểm xuyết bởi một câu nói đạo lý thâm trầm. Thế nên, thơ và văn xuôi, chuyện đang diễn ra và chuyện đã diễn ra đan bện và tông hòa vào nhau tạo thành một thực thê thâm mỹ vừa cô kính vừa thanh tân. 2) Dạng kịch thơ, như Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta (số §514)26 với tựa đề gốc là "Ai hậu mắt nhung đẹp tuyệt trân" có đoạn đàm thoại bằng thơ giữa nhà Vua và Hoàng hậu Subhadda như sau:

23 Sđd. tr. 7. 24 Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119. :Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: MotilalBanarsidass, 1983), p. 119-20; G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 15. 26 M. L. Feer năm 1895 đã nghiên cứu cặn kẽ Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta dựa trên việc so sánh 5 phiên bản khác nhau: 2 phiên bản Pãli, 1 phiên bản Sanskrit và 2 phiên bản chữ Hán.

1 KINH TIỂU Bộ _____

Khi nghe tin nàng bị bệnh, Vua vội vào hậu cung ngồi bên vương sàng vuốt nhẹ lưng nàng và ngâm vần kệ đầu tiên: Ai hậu măt nhung đẹp tuyệt trăn, Nàng xanh xao quá, dáng đau buôn, Như tràng hoa dưới chân giày xéo, Vì cớ sao nàng héo ủa dân? Nghe lời này, nàng liền đáp bằng vần kệ thứ hai: Dường như chuyện thấy ở trong mơ, Thần thiếp hằng mong mỏi thiết tha, Mộng ước hão huyên e khó đạt, Cho nên lòng thiếp mãi

buồn lo. Vua nghe thế lại ngâm vần kệ nữa: Những lạc thú nào ở thê gian, Con người khao khát tận tâm can, Điều gì mong tram đem ban tặng, Hãy nói tram nghe ước nguyện nàng! Ở thể thức kịch thơ, người đọc cần phân biệt hai loại thơ kệ. Một, những dòng thơ đàm thoại như vừa nêu ở trên. Hai, những dòng thơ của người kể chuyện. Người kể chuyện ở đây chính là đức Phật, danh xưng trong câu chuyện là bậc Đạo sư. Trong câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói lên bài kệ về cái hố và mũi tên mà con người giăng ra đê chờ băt con voi trăng như sau: Che hố trước tiên đậy ván dày, Bước vào, cung nam ở trong tay, Vừa khi bạch tượng đi qua đó, Kẻ ác cho tên dữ vút bay. 3) Dạng chuyện dài bắt đầu bằng thể văn xuôi và nối theo bằng thơ, cũng có khi mạch chuyện theo thể văn xuôi được ngắt nhịp bằng những khổ thơ kể chuyện hay những khổ thơ đàm thoại; trong trường hợp như vậy thì mạch văn • 9 e : __ \

xuôi không thê không có. Tuy nhiên, mạch văn xuôi trong Chuyện Tiên thân thuộc dạng thứ ba này27 không phải nguyên gốc xa xưa mà vốn là đã được viết thêm và hiệu đính nhiều lần với những đoạn chú giải được chèn vào. 4) Dạng chùm những câu châm ngôn về một chủ đề nào đó. 5) Dạng trường ca hay một phân khúc của trường ca. Trong hai dạng 4 và 5, Maurice Wintemitz cho răng phân văn xuôi hâu hêt là những chú giải thừa thải và nhạt nhẽo.28 Người viết lại cho rằng, nhiều câu chuyện văn xuôi cũng rất thú vị và lý giải sâu sắc và tinh tế được nội dung được trình bày trong thi kệ.

27 Tên gốc trong tạng Pãli là Jatakatthavannana (Chủ giải Chuyện Tiền thân). 28 Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 120.

6. Nội dung của các câu chuyện trong tuyển tập Jãtaka Tổng quan về nội dung, Maurice Wintemitz29 liệt kê 7 mục như sau: (1) Chuyện ngụ ngôn, hầu hết đều giống với ngụ ngôn Ấn Độ nói về những điều khôn khéo trong cuộc sống thế gian, chỉ có một ít chuyện mang thiên hướng đạo đức trong hình thái thơ kệ của những vị ẩn sĩ. Còn lại là những chuyện ngụ ngôn nguyên chất Phật giáo. (2) Chuyện thần tiên hay cổ tích, trong đó nhân vật lả những con vật5 hầu hết đều có sắc thái tương tự như những chuyện thần tiên lưu hành rộng rãi ở châu Âu, không liên hệ nhiều đến Phật giáo. Một số chuyện được bổ sung thêm ý hướng của Phật giáo hay cải biên thành chuyện nhà Phật. Một số chuyện khác dĩ nhiên là những sáng tác thuần chất Phật giáo. (3) Những đoản cú hỏm hĩnh hay ứng đối chớp nhoáng linh mẫn nhưng không liên hệ nhiều đến Phật giáo. (4) Chuyện ngắn, chuyện dài hay tiểu thuyết, những câu chuyện này có khi kể lại những chuyến phiêu lưu, có khi chứa đựng một số ít hay nhiều những câu chuyện khác đan kết lại với nhau. Đó là những câu chuyện không liên quan nhiều đến Phật giáo ngoại trừ nhân vật chính diện là vị Bồ-tát. (5) Những câu chuyện đạo lý. (6) Một số câu châm ngôn. (7) Một số thần tích nói về tấm lòng chí thành chí kính trong giới Phật giáo, số nhiều hơn là những thần tích khác thuộc về nền thơ ca của giới ẩn sĩ Ấn Độ. IL KÉT CẤU LÕI VÀ KHUNG NGOAI VI PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH MỘT CHUYỆN TIỀN THÂN CHUẨN 1. Cấu trúc bốn phần của một Chuyện Tiền thân 7 r Một trong những Jataka chuân mực là Chuyện con nai Nigrodha (sô §12) gôm 4 phân được đánh

sô (l) đên (4) như sau: (1) Sau sự cố một vị Tỷ-kheo-ni có thai và bị Đề-bà-đạt-đa tẩn xuất, đức Phật làm mọi chuyện trở nên rõ ràng và chứng minh rằng vị Tỷ-kheo-ni ấy Phạm hạnh thanh tịnh. Để làm nổi bật đạo lý trong câu chuyện ấy, Thế Tôn kể lại câu chuyện quá khứ. (2) Thuở xưaf khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nạif Bô-tát sanh làm một con nai. Khi từ bụng mẹ sanh raf con nai có màu săc vàng, măt của nó giông như hòn châu bảu, sừng màu trắng bạc, miệng đỏ như tấm màn nhung, mỏng chân láng trơn như màu sơn màif đuôi giống như đuôi con trâu rừng, thân to lớn bằng con nghé. Nó sống trong rừng, được vầy quanh với năm trăm con nai và được gọi là ifnai chúa Nỉgrodha,Không xa bao nhiêu, có một con nai

29$/,tr. l202l.

lii KINH TIÊU Bộ

khác với năm trăm con naỉ tùy tùng và được gọi là nai Sãkha, nai này cũng màu sắc vàng. LÚC bây giờf vua xứ Ba-la-nạỉ thường hay săn băn nai, không có thịt nai thì không ăn cơm. Hàng ngày, vua triệu tập tất cả dân chúng từ thành thị đến nông thôn lại, đình chỉ công việc của mọi người vì khoanh vùng cho vua đi săn bắn, Mọi người suy nghĩ: “Nay vua đình chỉ công việc của chủng ta; chủng ta hãy gieo bẫy mồi và đặt nước uống cho các con nai trong vườn, đuổi nhiều nai vào trong ây, đóng cửa lại và băt dân chủng đên vua." Như vậy, họ gieo cỏ làm bây môi, đặt nước uông khăp vườn, cho săp đặt cửa, đem theo những người trong thành, tay cầm côn, gậy và các loại bỉnh khí khác đi vào rừng tìm nai; họ bao một vòng vây khoảng độ một do-tuần để bắt đàn nai bị vây ở giữa, và như vậyf họ vây quanh cho ở của đàn nai Nigrodha và đàn nai Sãkha. Khi thây đàn naif họ băt đâu lây gậy đập cây, đập bụif đập đât đuôi đàn nai ra khỏi cho ở của chúng, khua động các loại vũ khỉ như gươm, giảo, cung, la hét và đuổi đàn nai vào khu vườn. Rồi họ đóng cửa lạif đi đến gặp vua và thưa: Thưa Đại vương, vì luôn luôn đi săn nai, Đại vương phá hoại công việc của thần dân. Nay chúng thần đã dẫn đàn nai rừng vào đầy cả khu vườn của Đại vương, Từ nay trở đi, Đại vương có thế ăn thịt chúng. Sau khỉ thưa như vậy, dãn chủng bỏ đi. Nhà vua nghe họ nói, đi đến khu vườn, nhìn các con nai, thấy hai con nai vàng, liền tha chết cho chúng. Từ đấy về sau, có khi nhà vua tự đi bắn một con nai rồi đem về, có khỉ người đầu bếp đi đên băn nai rôi đem vê. Các con nai thây cây cung liên run rây vì sợ chêt nên bỏ chạy. Nhimg khi bị hai, ba vết thương, chủng mệt mỏi, bị bệnh và bị giết. Đàn nai bảo sự việc như vậy lên Bồ-tát. Bồ-tảt cho gọi Sãkha và nói: Này bạn, nhiều con nai bị hại, dầu thế nào chúng cũng phải chết. Bắt đầu 9 9

từ nay trở đi, chớ đê các con nai bị tên băn một cách vô ích. Hãy đê các con nai thay phiên nhau đi đên chô phải chêt. Một ngày là phiên đàn nai của tôif một ngày là phiên đàn nai của bạn. Con nai nào đến phiên của mình cứ đi đến, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ phải chết. Làm vậyf các con nai khác khỏi bị thương, Con nai Sãkha chấp thuận. Từ đấy trở đi, theo phiên mình, một con nai đi đênt năm xuông đặt cô vào chô bị giêt. Người đâu bêp đênf băt con nai năm đấy rồi đem đù r Một hôm, đên phiên một con nai cải có mang ở trong đàn nai Sãkha. Con nai cái đến gặp Sãkha và thưa: Thưa chúa tể, tôi có thai, sắp sanh con, như vậy đàn có hai mạng sống đến phiên, hãy cho qua phiên

của tôi! Nai Sãkha nói:

_____ DẪN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN liii

Không thể bảo những con nai khác thế phiên cho ngươi được. Ngươi hãy chịu những gì sẽ đến với ngươi, hãy đi đi! Con nai cải ây không được nai Sãkha châp thuận, liên đi đên Bô-tát và trĩnh bày sự việc. Bồ-tảt nghe xong liền nói: Được, hãy đi đi! Ta sẽ bỏ qua phiên của ngươi. Rồi nai chúa tự mình đỉ đến, đặt đầu vào chỗ chết nằm chờ. Người đầu bếp thấy vậy liền nói: -Con nai chúa đã được tha khỏi chêtf nay lại năm ở chô chêt này. Sự việc này ỉà cớ sao? Rôi kẻ ây đi báo cho vua hay. Nhà vua lập tức ngự lên xef đi đên với đoàn tùy tùng đông đảo, thây Bô-tát liên nói: -Này bạn nai chúa, ta đã tha khỏi chêt cho ngươi, Sao nay ngươi năm ở đây? Thưa Đại vương, một con nai cải đến gặp tôif yêu cầu một con khác thay 2 r r phiên cho nó. Tôi không có thê băt một con nào khác chịu đau đớn vì bị chêt được. Tôi quyêt định cho con nai cải ây mạng sông của tôi, nhận lây cái chêt thay cho con nai cải nên nằm ở đây, Đại vương chớ có nghi ngờ gì khác! Vua nói: -Hỡi nai chúa sắc vàngf từ trước, ta chưa bao giờ thấy giữa loài người, CÓ ai đây đủ kham nhân, hòa ải, từ bi như ngươi, Do vậy, ta thật băng lòng với ngươi. Hãy đứng dậy, ta sẽ cho ngươi và con nai cải ấy thoát khỏi sợ hãi! Thưa bậc Nhân chủ, có hai con nai được thoát khỏi sợ hãif đàn nai còn lại thì thể nào? Này nai chủaf ta sẽ cho đàn nai còn lại thoát khỏi sợ hãi Thưa Đại vương, như vậy, các con nai trong khu vườn này được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các con nai khác thì sao? Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi. Thưa Đại vương, các con nai được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các loài sinh vật bốn chân khác thì sao? Này nai chúa, ta cũng cho chủng thoát khỏi sợ hãi. Thưa Đại vương, các loài bổn chân được thoát khỏi sợ hãi nhưng các đàn chim thì thế nào? Này nai chủaf ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi. Thưa Đại vương, các loài chim như vậy được thoát khỏi sợ hãi nhưng còn đàn cá sổng ở trong nước thì thế nào?

liv KINH TIÊU Bộ _____

Này naỉ chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi. Như vậyf con nai chúa đã xin vua cho tất cả chúng sanh được thoát khỏi sợ hãi; đứng dậy, khuyên nhà vua thọ năm giới và nói: Thưa Đại vương, hãy sống theo Chánh pháp! Hãy xử sự đủng Chảnh pháp đôi với cha mẹf đôi với con trai, con gái; đôi với Bà-la-môn, gia chủ; đôi với dân chúng thành thị và nông thôn, Hãy tự mình sổng đúng Chánh pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thủ, thiên giới, cõi đời này. Sau khỉ thuyêt pháp cho vua với uy lực kỳ diệu của vị Phật, Bô-tảt sông tại khu vườn trong một vài ngày đê khuyên giáo vua, rôi cùng với đàn nai vây quanh đi vào rừng. Con nai cái đẻ ra một con nai đực đẹp như một nụ hoa. Nai con này đi chơi với đàn nai Sãkha. Thấy nai mình đi chơi với đàn nai Sãkhaf nai mẹ khuyên con mình, bắt đầu từ nay chớ đi tới Sãkhaf nên đi tới Nigrodha và nói lên bài kệ: (3) Sống với Nỉgrodha, Chớ sống với Sãkha, Chêt với Nỉgrodha, Hơn sông với Sãkha. Từ đẩy trở di, các con naỉ thoát khỏi sợ hãi khỉ ăn ỉủa của dân chủng. Và dân chúng nhớ rằng, các con nai được thoát khỏi sợ hãi, nên không dám đánh 9 r đập hay đuôi chủng đi. Họ tụ họp tại sân vua và bảo lên vua biết. Vua nói: Do ta băng long, ta đã cho nai Nỉgrodha một đặc ân. Ta thà măt nước chớ không

bỏ lời đã hứa. Hãy đi đif trong quốc độ của taf không con nai nào bị đánh cả! Nai Nigrodha nghe tin này, liền họp đàn nai lại và bảo: Bắt đầu từ nay, chớ ăn lúa của người khác! Sau khỉ bảo chúng hứa như vậy, nai Nỉgrodha bảo tin cho dân chúng biết: r 2 y 2

-Băt đâu từ nay, những người trông lúa chớ rào ruộng lạỉ đê bảo vệ lủaf chỉ làm dấu bằng cách cột lá lúa lại. Băt đâu từ đây, theo tin đôn, khởi lên tục lệ cột lá lúa lại giữa các đông ruộng. Băt đâu từ đây, các con nai không vượt qua đông ruộng có lả lúa cột ỉạL Đây là nhờ Bô-tảt khuyên giáo chủng như vậy. Sau khi khuyên giảo đàn nai, Bô-tảt sông ở đây cho hêt tuôi thọ, rôỉ cùng với đàn nai đi theo nghiệp của mình. Còn nhà vua nghe lời khuyến giáo của Bồ-tát, suốt đời làm các công đức, rồi sau đó mạng chung đi theo nghiệp của mình. (4) Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

-Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới bảo vệ Trưởng lão Ni và Kumãra Kassapa mà thuở trước Ta cũng bảo vệ như vậy. Rồi Ngài thuyết giảng bổn sự thật, nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kêt luận băng cách nhận diện tiên thân như sau:

_____ DẢN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN Iv

Thời ấy, con nai Sãkha là Devadatta, đàn nai là tùy tùng của Devadattaf nai cái là Trưởng lão Ni, nai con là Kumãra Kassapa, vua là Ầnanda, còn nai chúa Nỉgrodha là Ta vậy. Theo cách trình bày của T. w. Rhys Davids, bố cục hay kết cấu của một câu chuyện tiền thân gồm có 4 thành phần chính: Hai thành phần thuộc khung ngoại vi để trang hoàng bên ngoài của câu chuyện và hai thành phần thuộc căn cốt của câu chuyện được lồng vào nhau. Câu chuyện tiền thân Chuyện con nai được thuật lại và đánh số từ (1) đến (4) để minh họa. Nỉgrodha trên đây3031 Khung ngoại vi của một câu chuyện tiền thân gồm phần giới thiệu, đoạn (1), và phần nhận diện tiền thân, đoạn (4). Bên trong là phần căn cốt hay uCâu chuyện quá khứ9\ đoạn (2). Ở giữa đoạn (2) chứa đựng yếu tố hạt nhân hay tinh hoa của toàn câu chuyện; trường hợp mâu như chúng ta đã thây ở trên, phân kệ tụng tức là đoạn (3). Bàn thảo thêm về quá trình hình thành tập Jãtaka mà chúng ta đang có, T. w. Rhys Davids nhân mạnh răng, môi một thành phân như vậy có lịch sử hay câu chuyện của riêng nó. 2. Cấu trúc đơn thuần của một câu chuyện tiền thân cổ xưa Hình dạng cô xưa nhât mà bât kỳ Jataka nào cũng có một cách tự nhiên là hình dạng của câu chuyện ngụ ngôn hay dụ ngôn đơn giản và không có khung ngoại vi. Trường hợp Chuyện con nai Nigrodha trong hình dạng nguyên sơ sẽ không có đoạn (1) và (4), đồng thời cũng không có đoạn (3) tức phần kệ tụng. Câu chuyện ngụ ngôn trong bài kinh Kỉnh Con chìm ưng (Sakuụagghisuttăỷ1 thuộc Kinh Tương ưng bộ được đơn cử như là một hình dạng gôc hay cô xưa nhât của một Jãtaka\ này các Tỷ-kheof con chim cút bị con chim ưng mái băt, than khóc như sau: Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi vào cho không phải hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Neu tôi đi trong cho hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôỉf thời 9 r

con chim ưng này không thê hơn tôi, nêu phải đánh nhau. Này chim cútf thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi? -Là vạt đất được lưỡi cày xới lên, y r

Rôi này các Tỷ-kheof con chim ưng mái không có siêt mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cut rồi nói:

30 Một bức phù điêu ở tháp Bharhut phác họa nhiều phân cảnh từ câu chuyện tiền thân này. 31 Phiên bản trong J. II. 58, Chuyện chìm diều hâu (Sakunagghịịãtakà), số §168.

Ivi KINH TIÊU Bộ

Hãy đif này chim cut. Sau khi đi tại chỗ ấyf ta sẽ không thả ngươi. Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đât lớn, đứng trên ây và nói với con chim ưng: r -Này, hãy đên ta, chim ưng! Này, hãy đên ta, chim ưng! Rôi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái siêt mạnh sức mạnh của mìnhf bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cảnh, thình lình vồ lấy con chim cut Này các Tỷ-kheof khỉ con chim cut biết được: "Ccưĩ chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta ”, liền nấp sau hòn đất ấy, Này các Tỷ-kheof ở đây, con chim ưng bị bể ngực. Cũng vậy, này các Tỷ-kheof đối với ai đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, Do vậy, này các Tỷ-kheof chớ có đi đến cho không phải hành xứ của mình, cho cảnh giới của người khác. Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khácf thời Ac ma năm được cơ hội, Ac ma năm được đôi tượng. Này các Tỷ-kheof chỗ nào không phải hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công dức.."32 Câu chuyện ngụ ngôn ở trên với chức năng dẫn khởi để đi đến lời khuyên răn đạo đức là một câu chuyện đơn giản, chỉ có thành phần căn cốt mà thôi. Ở dạng này, câu chuyện không có khung ngoại vi (câu chuyện dẫn khởi ở đoạn 1 và phần nhận diện tiền thân để kết thúc ở đoạn 4 và cũng không có kệ tụng). Do vậy9 đây chưa phải là một Jataka chuẩn định. Thê nhưng, một trong những yêu tô định hình một Jataka chính là câu chuyện ngụ ngôn ấy, phần lớn là khớp với nhau từng lời từng chữ. Câu chuyện sau đó được trang hoàng bằng một khung ngoại vi gồm câu chuyện dẫn khởi và phân nhận diện tiên thân... Đâu là phiên bản cô kính hơn không còn là câu hỏi. Câu chuyện tiền thân đã trích xuất từ Kỉnh Con chim ưng. bài kinh chứa căn cốt của câu chuyện Jataka trong kho tàng Chảnh tạng đã có từ trước. Nói cách khác, trong nhiều trường hợp, những nhà phát triển truyền thống Jataka đã chọn ra và sử dụng một cái lõi hay cái căn cốt dưới hình thức một dụ ngôn, một câu chuyện ngụ ngôn, hay một minh dụ có sẵn trong Chảnh tạng; sau đó trang hoàng phần căn cốt ấy bằng một khung ngoại vi rồi đặt một khổ kệ tụng làm điêm nhân và cũng là chủ đê của toàn bộ câu chuyện. Như vậy9 một Jataka mới được hình thành. Đây không phải là trường hợp cá biệt. T. w. Rhys Davids đã liệt kê thêm 9 trường hợp khác. Bng 01:

32 HT. Thích Minh Châu (dịch), Kinh Tương ưng bộ, Kinh Con chim ưng (Sakunagghisutta), TTTĐPGVN, tập 3 (Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 20), tr. 1106-7.

Dựa trên bản dịch Đối chiếu với STT So Jataka tiếng Việt của Fausboll Chánh tạng PTS 1 1. Apannakojataka M(ỳjhỉma II. 342 Chuyện không lỗi ỉầm 2 9. Makhãdevcỳãtaka Majjhima II. 75 Chuyện Vua Makhãdeva 3 10. Sukhavỉhãrịịãtaka Vìnaya II. 183 Chuyện Trưởng lão Sukhavỉhãrỉ 4 37. Tỉttircỳãtaka Vìnaya II. 161 Chuyện con chìm trĩ 5 91. Littíỳãtaka Dĩgha II. 348 Chuyện đã được thoa 6 95. Mahãsudassancỳãtaka Dĩgha II. 169 Chuyện Vua Đại Thiện Kiến 7 203. Khandhạịãtaka Vìnaya III. 1095 Chuyện tu tập từ tâm 8 253. Manikanthajataka Vinaya III. 145 Chuyện vua ran Manikantha Mạjjhỉma I. 328 9 405. Bakabrahmcỳãtaka Chuyên Phạm thiên Baka Sarnyutta I. 142

Những nhân vật chính diện trong Chuyện Vua Makhãdeva (số §9) và Chuyên Vua Đại Thiện Kiên (sô §95) đã có săn trong những bản kinh xưa hơn3334 và được nhận diện là tiền thân của đức Phật ở cuối câu chuyện. Một số trường hợp như Chuyện đã được thoa (số §91) và Chuyện Phạm thiên Baka (số §405), phần kệ tụng cũng đã có săn. Những câu chuyện tiên thân còn lại trong bảng danh sách trên đều thiếu cả phần kệ tụng lẫn phần nhận diện tiền thân. Ở trên là những trường hợp dựa vào kinh điển cổ kính hơn để có phần căn cốt rồi gia công thêm phần khung và phần kệ; Ket quả là một chuyện tiền thân hoàn chỉnh với đầy đủ những thành phần thiết yếu. Nói cách khác, những nhà phát triển Jãtaka đã khai thác nguồn tư liệu xưa hơn, phát hiện những chuyện tiền thân chưa hoàn chính, làm cho hoàn chỉnh và đưa vào tập Jãtaka. Kế đến là những trường hợp gần như ngược lại, trong nguồn tư liệu cổ kính đã có sẵn những chuyện tiền thân hoàn chỉnh và đã có đầy đủ các thành phần. Thế nhưng những nhà phát triển Jataka vì lý do nào đó lại không đưa vào tập Jataka. Điều thú vị là trước khi có một bộ chuyện được đặt tên là Jataka, những câu chuyện trong trường hợp trên đã có tên là Jataka. Kho tàng kinh điển nhà Phật từ xưa đã được xếp thành 12 thê loại, xưa hơn nữa xếp thành 9 thê loại. Cách phân chia thành 9 thể loại được ghi lại trong Trung bộ. Tăng chi bộ và Luật tạng}4 Trong cả hai trường hợp đều có thể loại tên là Bổn sanh (Tiền thân). Thể loại này bao gồm những đoạn kinh kể về những chuyện xa xưa ở kiếp trước, những đoạn kinh ấy phải có trước rồi sự phân chia thể loại mới có sau. Như vậy, thể loại Bổn sanh không phải chỉ cho tập Chuyện Tiền thân, đơn giản là vì tập Jataka chưa có mặt. Điêu quan trọng chúng ta cân ghi nhận, không có trường

33 D. 17, Kỉnh Đại Thiện Kiến vương (Mahãsudassanasutta); M. 83, Kỉnh Makhãdeva (Makhãdevasuttà). 34 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 196ÍĨ.

phát, không phải trải qua hai lần dịch xuôi và ngược như phần văn xuôi. Tiểu kết: Phần kệ tụng xa xưa hơn, xuất hiện trước và có mặt trong Chánh tạng trước. Chỉ có phần kệ tụng được chọn ghi chép vào Chánh tạng phiên bản đầu tiên, còn phần xuôi thì không. Lý do được nêu lên là vì phần kệ tụng đã được xác định như vậy, vững chắc và ổn định, cứ như vậy được viết xuống, trong khi phần văn xuôi bất định hơn. Nói

cách khác, sở dĩ phần văn xuôi bất định hơn vì tùy vào phong cách thuyết giảng và vốn sống của từng vị giảng sư khác nhau, hình thành nên kỹ năng kể chuyện khác nhau, mạch lạc dẫn dắt câu chuyện khác nhau, thậm chí thay đôi, thêm hoặc bớt những chi tiêt trong câu chuyện. Trái lại, như là một truyền thống cố định, khi kể chuyện gặp những đoạn kệ tụng, các vị giảng sư thường có ý hướng giữ gìn chính xác từng câu, từng chữ và ngâm nga lại những câu chữ ấy, thậm chí với những làn điệu trầm bổng như nhau. Vì vậy, phần kệ tụng có được sự thống nhất, tính đồng thuận cao nhất và được đưa vào Chánh tạng ngay từ đầu. Phần văn xuôi không được như vậy vì bị tùy thuộc nơi ý hướng và cảm xúc thường là rất khác nhau của từng vị giảng sư khi thuyết giảng. 2. Jãtaka trong phiên băn kệ tụng và văn xuôi Mặc dù bản Chánh tạng đàu tiên của Jataka chỉ có phần kệ tụng nhưng điều này không có nghĩa là những câu chuyện tiền thân ở thời nguyên sơ có mặt trong Kinh tạng và Luật tạng hay trong nền văn hóa dân gian chỉ có kệ tụng. Cân phải nhận thức răng thuở nguyên sơ ây, Jataka là những câu chuyện vừa có văn xuôi vừa có kệ tụng đan xen vào nhau. Đó là thể thức phổ quát và được ưa chuộng trong nên văn học An Độ, là nên tảng mà trên đó nên văn học Phật giáo hình thành và phát triển. Người Ấn Độ thời cổ đại khi kể chuyện bằng văn xuôi, thỉnh thoảng đệm vào những câu kệ làm cho câu chuyện thêm sống động và dậy men cảm khái nơi người nghe. Những câu kệ ấy có khi là một tiểu kết ngắn gọn cho những nội dung đã diễn dạt, có khi là một bài học đạo lý rõ ràng và súc tích. Mặt khác, khi muốn ngâm nga một câu kệ9 người xưa sẽ sử dụng câu văn xuôi đê mào đâu như một kỹ thuật trân thiêt khung cảnh trước, hay như một dạng tiền trạm rồi mới đưa những câu kệ vào. Ananda Salgadu Kulasuriya40 đã kết luận rằng mặc dầu mối quan hệ giữa phần văn xuôi và phần kệ tụng có mức độ chưa rõ ràng nhưng chúng ta đừng quên rằng phần kệ tụng cổ điển hơn và quan trọng hơn so với phần văn xuôi ở chô phân kệ tụng đặt nên móng cho một Jãtaka và là một thành phân thiêt yêu của câu chuyện. 3. Phân loại chi tiết các nhóm câu chuyện tiền thân Ong Ananda Salgadu Kulasuriya cũng cô găng làm rõ hơn môi tương quan của hai thể loại văn xuôi và kệ tụng thông qua việc xếp Jataka thành những

40 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 10.

nhóm khác nhau như sau: 1. Nhóm Jataka là những càu chuyện văn xuôi với một hoặc hai khổ kệ, hoặc nhiều hơn, được dùng để chuyển tải bài học đạo lý hay nêu lên đại ý của câu chuyện. Nhóm này giữ gìn ở nhiều mức độ nội dung của câu chuyện xa xưa. 2. Nhóm Jataka là một thể thơ ca tên là camp với mạch lạc của câu chuyện được kể khi thì bằng văn xuôi khi thì bằng kệ tụng. Nhóm này chuyển tải một nguyên bản văn xuôi đầu nguồn. 3. Nhóm Jãtaka trong phiên bản ngọn nguôn xa xưa chỉ gôm có phân kệ tụng. Dạng này lại được chia thành những chùm nhỏ hơn: a) Chùm kịch thơ theo thể thức đối thoại bằng kệ tụng. b) Chùm kịch thơ gồm hai thể thức kệ tụng kết hợp với nhau: Kệ tụng dẫn chuyện và kệ tụng đối thoại. c) Chùm những thiên trường ca hay những phân đoạn của thiên trường ca. d) Chùm những câu nói đạo lý xâu kêt lại theo

một chủ đê nào đó. Trong tât cả trường hợp này, phân văn xuôi chỉ là diên giải. 4. vết tích của Bà-la-môn giáo trong Jãtaka Ngoài những điều trên, T. w. Rhys David đã đi thêm một mức và gợi ý rằng, nhân vật của 10 Jãtaka như đã đề cập trong bản 01 vốn đã có mặt từ trước trong hình dạng nguyên sơ đã cho chúng ta thấy vết tích của lịch sử thuộc thời kỳ tiền Phật giáo. Trong 10 câu chuyện không có chứa điều gì đặc nét Phật giáo, không có nhân vật nào là thuần túy Phật giáo, ngay cả đạo lý mà 10 câu chuyện này chuyên tải cũng là đạo lý An Độ, tât cả đêu được cải biên đê ít nhiêu phù hợp với đạo đức nhà Phật.4142 Ngay cả câu chuyện của Vua Đại Thiện Kiến, mạch chính vẫn là một thần thoại của Ấn Độ về tín ngưỡng thờ mặt trời. Chín câu chuyện còn lại đều nằm trong kho tàng chuyện kể dân gian Ấn Độ. Chuyện dân gian đầy những yếu tố mê tín dị đoan. Phật giáo loại bỏ những yếu tố ấy. Thế thì dấu ấn Phật giáo nằm ở đâu? Câu trả lời là nằm ở cách lựa chọn? nằm ở Sự cải biên. Như đã nói? sau khi chọn lựa, những nhà phát triên Jataka cũng ra sức gia công để nâng cấp câu chuyện về cả hình thức văn chương lẫn nội dung tư tưởng. 5. Jãtaka trong các bức điêu khắc bằng sa thạch Nhìn vào một bức điêu khắc chứa nhiều phân cảnh của một chuyện tiền thân, đối với một người chưa từng biết qua câu chuyện bằng văn xuôi, T. w. Rhys Davids cho rằng người ấy hoàn toàn không thể hiểu nổi. Trường hợp ngoại lệ là một bức phù điêu không còn nguyên vẹn có khắc dòng chữ: "Yam

41 Campu là tiếng Sanskrit dùng để chỉ cho một thể loại thơ ca. Xem G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 19. 42 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 197.

bãmano avãyesi Jataka'^3 Đây là những chữ khởi đầu trong bài kệ của câu chuyện tiền thân Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng, số §62. Tên gọi của một câu chuyện tiền thân cũng có những biến đổi. Từ năm 1880, T. w. Rhys Davids cho rằng cùng là một chuyện tiền thân nhirng được gọi bằng một tên khác khi nằm trong tập chuyện Jãtaka chuẩn định. Ngay cả trường hợp của những bức phù điêu vô cùng xa xưa, có khi cũng điêu khắc hai tên gọi khác nhau cho cùng một câu chuyện. Một mẫu điêu khắc minh họa cho câu chuyện thần tiên về con mèo và con gà. Câu chuyện này được gọi cả hai tên trong tiếng Pãli: "Chuyện Tiền thân con mèo" và "Chuyện Tiền thân con gà trốngy4344 Lý do tại sao một câu chuyện tiền thân có thể có nhiều tên cũng đơn giản. Trường hợp của câu chuyện tiền thân kể về con sư tử và con chó rừng45 để chỉ cho sự ưu thắng của một đức tính tốt, câu chuyện cần có một tên gọi ngắn và được gọi là ^Chuyện Tiền thân sư tử" hay được gọi bằng một tên khác là "Chuyện Tiền thân chó rìrngl thậm chí cũng được gọi bằng một tên khác nữa là ^Chuyện Tiền thân về đức tính tốty Khi câu chuyện tiền thân kể về một con rùa để chuyển tải đạo lý hậu quả của thói lắm lời,46 câu chuyện ấy được gọi tên là "Chuyện Tiền thân của kẻ huyên thuyên^, hoặc còn được gọi bằng tên "Chuyện Tiền thân con rùa^ Thế là chỉ có một câu chuyện mà có đến hai tên gọi khác nhau. Nhận thức thông thường cho chúng ta biết rằng rất khó nếu không nói là không thể trong một khoảnh khắc mà đặt định được một tên gọi nêu bật được đạo lý

và hành vi của nhân vật khiến cho đạo lý ấy được chuyển tải. Như vậy, những tên gọi khác nhau được đặt định và chúng có thể hoán đổi cho nhau. Cũng không có gì ngạc nhiên khi chúng ta thấy trường hợp những từ vựng trọng yếu của phần kệ tụng được sử dụng làm tựa hay tên gọi cho câu chuyện Jataka. May mắn lớn nhất vẫn là việc những từ trọng yếu ấy vẫn còn hiện hữu trên đời dưới dạng những dòng chữ khắc trên đá ở thế kỷ III TTL. 6. Giả thuyết về Jãtaka được đưa vào Chánh tạng và tác giả Một điêu nữa cân được quan tâm là phiên bản gôc hay bản đâu nguôn của tập Jataka khi được đưa vào Chánh tạng như thế nào. Bản gốc ấy47 rất hiếm hoi, hiếm hoi ngay cả dưới dạng bản cảo nguyên sơ chưa biên tập. Vô cùng thú vị là việc khám phá ra được tập Jataka phiên bản tinh tuyền, và chúng ta hãy xem trong phiên bản ấy có nói gì về tên gọi hay tựa đề của Jãtaka hay không, có chứa dị bản nào của phần kệ tụng hay không.

43 Pãli của ấn bản CST: ^Yarn brãmano avãdesi Jãtaka. ” 44 Theo ấn bản Tạm tạng^của chúng ta^đang thực hiện, chỉ có Chuyện con mèo (BỈỊãríỳãtakà), số §128. Xem J. I. 460. Rất cố the ^Chuyện Tiền than con gằ trống^ xuất hiện trên các bản điểu khắc. 45 J. II. 23, Chuyện công đức (Gunajataka), số §157; T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd. 1903), p. 199. 46 J. II. 175, Chuyện con rùa (Kacchapcỳãtakà), số §215. 47 Tập Jataka thuộc Thánh điển ấy trong phiên bản tinh tuyền đến độ chífhứa kệ tụng, vì vậy mà người đọc hay người nghe không thể híeu được khi thiếu phần chú giải hay diễn giải.

Phiên bản của tập Jataka nôi tiêng do Giáo sư Fausboll biên tập, cung câp cho chúng ta phân chú giải nhưng không cho biêt vê niên đại. Điêu mà chúng ta biết là trước thế kỷ V, không hề có dạng chú giải viết xuống dưới dạng kinh văn như vậy, tất cả đều ở dưới dạng truyền khẩu.48 Phần chú giải này có thể có cùng niên đại, tức là vào thế kỷ V. Người biên soạn đã tự giới thiệu một chút về bản thân trong dòng kệ tụng khởi đàu nhung vẫn không giới thiệu đạo hiệu hay danh tánh. Thay vì nói tên của mình, người biên soạn ấy đã nói tên ba người thúc đẩy ông dấn thân vào công trình biên soạn, và nói thêm rằng công việc này kế tục theo truyền thống Jatakaạ,àõBĐt3Bt3S5ê"MqỈU

48 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 200-01. 49 T. w. Rhys Davids đã bàn thảo về chi tiết thú vị này năm 1902 trong một bài viết nhan đề: "Người cuối cùng xuất gia” (The Last to Go Forth) đăng trong JRAS, vol. 33, kỳ 4/10 năm 1901. 50 T. w. Rhys Davids không nghĩ như Giáo sư Childers. Xem T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 201. 51 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 202.

đề cập đến vương triều kia và không nhận thức gì về những vương quốc lớn phủ trùm toàn bộ hay phủ trùm những khu vực mênh mông của Ấn Độ. số lượng đáng kê là những vương quôc mà nhà vua

cảm ơn từ chuyên ngành lịch sử Ấn Độ. Truyền thống Jãtaka đã bảo tồn thông tin về xã hội và chính trị theo ánh nhìn của những người thuộc thế hệ xa xưa hơn. Phần kệ tụng trong Jataka, dĩ nhiên, có độ khả tín cao nhất, dụng ngữ của nó thuộc về thời kỵ xưa hơn vài ba thế kỷ về trước. Phần văn xuôi từ trước đến nay hẳn là phần đống hành xuyên suốt với phần kệ tụng53 và được các bức phù điêu minh họa như thể đó là chuyện đương nhiên. Chúng ta cần nhìn nhận giá trị của phần văn xuôi ấy một cách tương xứng.

53 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 204. 54 Dĩ nhiên là không thể nào trễ hơn thế kỷ III TTL. 55 Cần ghi nhận rằng khung ngoại?vi như đã nói chỉ là công cụ thiết yếu trong tay của những nhà phát triển truyền thống Jataka dung để ưang hoàng cho một cau chuyện xưa rồi dựa theo đó ma đưa câu chuyện vào truyen thống Phật giáo. 56 M. Senart đã đề cập điều này trong bài viết của ông đăng trên Journal Asỉatique (France: Paris Publisher, 1902). 57 T. w. Rhys Davids, Buddhist India

tụng. Vì vậy, những câu chuyện ấy không chỉ thuộc về thời kỳ tiền Phật giáo mà chúng còn là di sản văn hóa được kế thừa từ những thời kỳ rất xa xưa, có thể nói là quá khứ của quá khứ. Mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng chính phương thức có tính tập tục được sử dụng trong việc truyên tải những câu chuyện hay những thân tích từ thê hệ tiên hiền xuống thế hệ hậu bối cũng là phương thức của thời tiền Phật giáo. Phật giáo dựa trên phương thức ấy mà truyền thừa di sản Jataka, đó là những mạch chuyện truyên miệng băng thê loại văn xuôi, chỉ có phân hội thoại băng thê loại văn vân hay kệ tụng. Nói cách khác, di sản tập chuyện Jataka chỉ là một thí dụ nữa tuy mang tâm vóc lớn hơn của hình thái tiên trường ca (pre-epic) văn vân thuộc một nên văn học cô đại. Trong nên văn học ây, có rât nhiêu mảnh di sản khác ngăn hơn được lưu giữ trong kinh văn thuộc giai kỳ sớm hơn trong Chánh tạng.5S 9. Đúc kết của đại học giả Rhys Davids về Jãtaka T. w. Rhys Davids tóm tắt những điều ông nói về Jataka trong 15 điều: (1) Tập Jãtaka trong Thánh điên chỉ thuân là kệ tụng được biên soạn trước thời Asoka ở Bắc Ấn tại Madhyadesa. Tập Jataka này vẫn chưa xuất bản. (2) Chắc chắn rằng tập Jãtaka thuần kệ tụng ngay từ đàu đã được truyền thừa song song với tập Chủ giải. Tập Chủ giải ấy chủ yếu là gồm những câu chuyện truyền khẩu bằng văn xuôi. Sở dĩ như vậy là bởi vì nếu không có những câu chuyện đi kèm theo, người ta không thể hiểu được những câu kệ tụng. (3) Một số những câu chuyện trên đã được những bức phù điêu của thế kỷ III TTL minh họa. Không những vậy, một trong những bức phù điêu ấy còn ghi lại phân nửa của một khổ kệ. (4) Có những câu chuyện tiền thân nằm trong Thánh điển, chúng xa xưa hơn những câu chuyện tiền thân nằm trong tập Jataka. (5) Những câu chuyện tiền thân xưa nhất còn giữ được là những dụ ngôn, những ngụ ngôn, hay những thần tích; chúng thường không có khung ngoại vi và cũng không có kệ tụng. (6) Tập Jataka mà chúng ta đang có không phải là tập Chảnh tạng Jataka mà là tập Chủ giải Jãíaka; tập Chủ giải này hẳn là đã được viết xuống vào thế kỷ Vở Tích Lan, tác giả khiếm danh. (7) Tập Chú giải này gồm tất cả những khổ kệ tụng và những câu

chuyện bằng văn xuôi với những khổ kệ tụng được đan xen vào. Mỗi một câu chuyện như vậy được thêm vào một khung ngoại vi gồm một đoạn giới thiệu (cho biết thời gian, địa điểm và nhân duyên đức Phật kể lại) và một đoạn nhận diện tiền thân (nhân vật trong các câu chuyện được nhận diện là đức Phật và những người đồng đại với Ngài trong kiếp trước).58

58 Sđd, tr. 206.

Ixvi KINH TIỂU Bộ _____ .

(8) Tập Chủ giải này là một bản dịch sang tiếng Pãli từ một tập Chú giải truyền thừa ở Tích Lan. Bản gốc của tập Chủ giải trong tiếng Sinhalese (Tích Lan) trừ những khổ kệ tiếng Pãli và đã bị thất lạc. (9) Những câu chuyện trong tập Chú giải tiêng Pãli mà chúng ta đang có đã giữ trọn vẹn truyền thống Jataka của thế kỷ III TTL. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp vẫn có những cải biến đã bị phát hiện. (10) Khi gián tiếp đụng chạm đến tình hình chính trị xã hội, hầu hết những câu chuyện tiền thân ấy đều dẫn chiếu tới tình hình ở Bắc Ấn Độ thời Phật và trước thời Phật. (11) Khi tập Jataka gốc đang trong quá trình tiệm tiến định hình, hầu hết những câu chuyện được khai thác nguyên dạng từ kho tàng văn học dân gian Bắc An Độ. (12) Việc xác định niên đại tương đối của những câu chuyện thời ấy phần nào đã tiến triển. Những câu chuyện trong tập VI là những câu chuyện dài nhất và trễ nhất. Trong đó, một số câu chuyện đã được chọn ra để minh họa bằng những bức phù điêu của thế kỷ III TTL. (13) Tất cả những câu chuyện tiền thân ấy đều có kèm theo kệ tụng. Trong một vài trường hợp, những khổ kệ tụng nằm trong khung ngoại vi mà không nằm trong bản thân câu chuyện. Những câu chuyện không có kệ tụng ấy có lẽ đã giữ lại hình dạng gốc [của nó] trong kho tàng chuyện dân gian Ấn Độ. (14) Trong một số trường hợp, những khổ kệ tụng mặc dầu thuộc về câu chuyện lại chỉ là một dạng đồng ca, không tham gia vào làm một phần của mạch chuyện. Trong những trường hợp này, chúng ta có thể đi đến kết luận tương tự [như kết luận ở (13)]. (15) Tập Jataka này là bộ sưu tập cổ xưa nhất, hoàn chỉnh nhất, đáng tin cậy nhất của kho tàng chuyện cổ tích dân gian mà chúng ta còn giữ được trong nền văn học thế giới.59 IV. GIAO THOA, TIẾP BIẾN VỚI CÁC NỀN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY 1. Ảnh hưởng của các nhà hoằng pháp Phật giáo đối với Jãtaka Trải qua dòng lịch sử của gần một ngàn năm khởi phát và truyền thừa, bổ sung và chuẩn hóa ngang qua nhiều địa tầng văn hóa? văn học truyền khẩu và văn chương bác học của những nền văn minh Đông Tây tạo cho Jãtaka có diện mạo mà chúng ta thấy hôm nay, đa dạng về thể loại, phong phú đến kinh ngạc về nội dung. Jãtaka chứa đựng nhiều nội dung đậm đà bản sắc Phật giáo, có khi nhạt hơn, thậm chí có khi thiếu hẳn. Câu hỏi đặt ra: Tại sao phong phú, đa dạng và có sắc thái Phật giáo ở những mức độ cao thấp không đều như vậy? Câu trả lời là Phật giáo truyền đến đâu sẽ dung hòa hay dung nhiếp những yếu

59 Sdd, tr. 206-08.

_____ DẪN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN Ixvii

r A 9

tô văn hóa ở đó. Thân thánh của những địa phương xa lạ cũng được cải biên đê trở thành các vị thần hộ pháp; những câu chuyện dân gian của các xứ sở xa xôi cũng được cải biên đê trở thành những câu chuyện Phật giáo. Đó là điêu không hề hiếm thấy trong nhãn quan của các học giả chuyên ngành đã từng nỗ lực soi rọi vào những lớp trầm tích văn hóa cổ xưa. Những nhà hoằng pháp Phật giáo thường có nguôn gôc xuất thân

Ixviii KINH TIỂU Bộ _____

Ta tên là Dhammika (Như Pháp). Sao Tôn giả không đứng trên bốn chân mà chỉ đứng một chân thôi? Nếu ta đứng bốn chân thì trái đất không thể chở nổi? do vậy9 ta chỉ đứng một chân. Vì sao Tôn giả đứng lại há miệng? Ta không ăn gì khác, ta chỉ ăn gió mà thôi. Tại sao Tôn giả đứng hướng mặt về phía mặt trời? Ta đảnh lễ mặt trời. Thốt ra những điều phi thường, siêu việt, con chó rừng lừa được con chuột đầu đàn và lựa thế ăn thịt từng con chuột trong đàn. Mỗi lần ăn xong, nó chùi miệng sạch sẽ rôi vê đúng vị trí, đứng trên một chân và há miệng như cũ. Đàn chuột vơi dần, sinh nghi, con chuột đầu đàn chủ động đi tìm hiểu và biết rõ sự tình. Một trận đối đầu đầy kịch tính diễn ra, bộ mặt thật của con chó rừng, kẻ làm xấu đi hình ảnh ngọn cờ Chánh pháp bị phơi bày: Ai yêu cờ Chánh pháp, Bỉ mật làm điều ácf Dụng ỷ để lường gạt, Các loài sinh vật khác, Giới câm kẻ như vậy, Được gọi thói con mèo. Kết thúc có hậu. Con chó rừng gặt hái những gì mà nó đã gieo. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Thời ấy, con chó rừng là Tỷ-kheo lừa đảo, còn chuột chúa là Ta vậy. 3. Giao thoa với tác phẩm Tantrãkhyãyika thuộc nền văn hóa Ấn Độ cổ đại và Hy Lạp61 Chuyện lời gièm pha (Sandhibhedcỳãtaka, sô §349) nói vê tình bạn giữa một con sư tử và một con bò mộng sẽ vô cùng bền vững nếu không có con chó rừng xuất hiện. Thuở ấy, con chó rừng rơi vào tình trạng không có thức ăn nên muôn ăn thịt con sư tử và con bò mộng băng cách gây bất hòa giữa hai bên. Nó tới hầu hạ hai con kia và nói những lời gièm pha. Hai con vật cãi vã và đấu nhau chí mạng. Chờ cho đến khi cả hai đều chết, con chó rừng thong thả ăn thịt cả hai. Nhà vua nói lên bài kệ: ... Xảo gian thủ thuật khéo bày, Phần chia bằng hữu lâu ngày kết thản, Thủ kia hèn kém nhất trần, Nhưng bò, sư tử phải thành môi ngon... Sau đó, nhà vua nhặt lấy bờm, da? móng, răng của sư tử rồi quay về kinh thành. Bậc Đạo sư châm dứt bài thuyêt giảng và nhận diện tiên thân: Bây giờ, Ta là vị vua nọ.

61 Sđd.

_____ DÃN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN Ixix

uCáo mượn oai hùm,, là một điển tích mà thời nào cũng có, trong thực tiễn và cũng hầu như không có biên giới giữa các nền văn hóa, tuy có nhiều phiên bản khác nhau. Chuyện tâm da sư tử (Sĩhacammcỳãtaka, sô § 189) nói vê một con lừa khoác lên limg bộ da sư tử và có lợi thế được ăn uống. Không may, một khi cất tiếng kêu, nó liền bị phát hiện, bị đuổi đánh gãy xương và tử vong. Tiếng hỉ này không phải, Tiếng sư tử hay cọp, Cũng không phải tiêng beof Con vật ti tiện này, Dù trùm da sư tửf Cũng chỉ hỉ tiếng lừa. Sau bài pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Lúc bấy giờ, con lừa là Kokãlika

(một người tự khen mình), người nông phu hiền trí (người đã nhận ra đấy là con lừa) la Ta vạy. Phiên bản Jãtaka thì đó là da con sư tử, ngoài ra còn có những phiên bản khác của phương Đông cũng như phương Tây. Cụ thê, trong Tantrãkhyãyika đó là da con báo đen, trong Pancatantra và Hỉtopadeảa đó là da con hổ. Điều thú vị, Aesop là một người sống ở Hy Lạp vào thế kỷ VII TTL, chuyên kể những câu chuyện ngụ ngôn và có một bộ chuyện ngụ ngôn cùng tên với ông vào thời Hy Lạp cổ đại. Tác phẩm Ngụ ngôn của Aesop ấy lại có chứa một phiên bản rất gần với phiên bản Jãtaka\ Con lừa khoác lên mình bộ da con sư tử. Mô-típ uba-chọn-mộf, gần như không có biên giới giữa các nền văn hóa. Nói rõ hơn: Trong ba người thân chỉ được chọn ra một người để cứu. Ở đây, câu trả lời khôn ngoan của người phụ nữ đã cứu mạng được cả ba. Tác phẩm Rãmãyaụa thuộc văn hệ Bà-la-môn có điểm nhấn là một tục ngữ Ấn Độ: "Trên đời mọi thứ khác đều dễ có hơn so với một người anh em ruột.95 Ta có thể nhận diện khoảng giao thoa và tiếp biến văn hóa qua câu chuyện của Herodotus trong nền văn học Hy Lạp kể về người vợ của Intaphemes và câu chuyện của Sophocles về nàng Antigone.62 Chia sẻ cùng một mô-típ ấy, Chuyện người đàn bà thôn quê (Ucchangcỳãtaka, số §67) nói về vua xứ Kosala đang chuẩn bị hành quyết ba người nông phu bị cáo buộc là đã cướp phá dân làng, bỗng có chuyện khác thường xảy ra: Một người phụ nữ chạy đến hoàng cung khóc kể thảm thiết xin một cái gì đó để che thân. Vua sai cho cô ấy một tấm áo, cô ấy không nhận tấm áo mà lại muốn một tấm chồng và nói rằng người chồng mới thực sự là vật che thân cho đàn bà; còn người đàn bà nào không có chồng, dù cho nàng ấy mặc áo quần đáng giá cả ngàn đồng tiền cũng chẳng khác gì mình trần thân trụi. Chẳng khác dòng sông suối cạn khôf Cũng vậy, mình trần thân lại trụi, Vì không tùng, trúc cạnh đào tơ, Nhìn xem quả thật nàng trơ trọi, Dù có mười anh ruột một nhà.

62 Maurice Wintemitz, History of Indian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 131.

Khi nàng nhận diện được ba người thân đang bị nhà vua bắt là người chồng, anh trai và con trai, nhà vua ban cho nàng một ân sủng là nàng được chọn để cứu một trong ba người kia. Thật hài hước, người mà nàng chọn để cứu không phải là tâm chông như mới đây nàng khóc lóc thảm thiêt một mực xin cho được, mà người nàng chọn lại chính là người anh trai. Đối thoại với nhà vua, nàng trình bày lý lẽ rằng hai người kia có thể thay thế, nhưng anh trai thì không bao giờ có nữa. Rồi nàng lại ngâm nga: Tìm kiếm chồng con thật dễ dàngf Tha hồ chọn, họ đứng đầy đường, Song tìm đâu được người anh nữa, Dù kho đau cho đến đoạn trường? Kết thúc có hậu. Nhà vua đẹp ý phán: Nàng ấy nói chí lý! Vua ra lệnh giao ba người đàn ông kia cho nàng, nàng liền đưa cả ba người ra về. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Người đàn bà và ba người đàn ông ngày nay cũng là người đàn bà và ba người đàn ông ngày trước và Ta chính là vị vua ấy. 4. Sự sâu sắc của Jataka và sự gặp gỡ các chuyện cổ tích Đông Tây Hài hước, thâm trâm, u mặc trong câu chuyện dưới đây năm ở chô thê giới của loài người được nhìn băng đôi măt của con khỉ. Chuyện đáng chỉ trích (Garahỉtạiãtaka. số §219) nói về một con khỉ chúa vốn là vua của một bầy khỉ hoang dã, bị bắt, bị giam lỏng và phải

phục vụ nhiều chục năm trong hoàng cung. Một hôm nọ, nhà vua thả tự do cho nó. Nó quay lại rừng, cả đám khỉ bê tôi vây quanh khỉ chúa và hỏi thăm sự tình như thê nào trong thê giới loài người trong ngần ấy năm dài. Con khỉ chúa lắc dầu, xua tay, nó không muốn nói nhưng cuối cùng vì áp lực của bầy khỉ nên nó phải nói một vài việc mà loài người hay làm như sau: "Loài người dù là Sát-đế-lỵ hay Bà-la-môn đều hay nói: 'Đây là tài sản của tôi!5 Họ không hiểu tính vô thường làm cho mọi vật biên hoại. Các bạn hãy nghe hành động của những kẻ mù lòa ngu si ây!" Rôi nó nói lên bài kệ: Vàng ròng là của tôi! Ngọc quý là của tôi! Như vậy suốt ngày đêm, Chúng rêu rao lớn tiêng, Những người ngu si ấyf Không nhìn đến Chánh pháp. Trong nhà có hai chủf Một chủ không có râu, Vủ dài, có tóc bện, Hai tai có đâm lỗ, Được mua với nhiêu tiên, Làm khổ đau mọi người. Nghe đến đấy bọn khỉ hết hồn chạy tán loạn, vừa bịt tai vừa hét lên: í4Chớ nói nữa, chớ nói nữa, chúng tôi vừa nghe điêu không đáng nghe!" Kết thúc có hậu, sau bài pháp thoại ấy, vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Lúc bấy giờ, đàn khỉ là hội chúng của Như Lai, còn khỉ chúa là Ta vậy.

DÂN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN Ixxi

Câu chuyện trên cho thấy thấp thoáng chút u mặc của phong hóa Ấn Độ, phảng phất chút trầm tư của sắc thái Hy Lạp, quả thật việc xác định Đông hay Tây, Ấn hay Hy,63 đâu là gốc của câu chuyện là một việc không dễ dàng chút nào. Tuy nhiên, văn hóa phương Đông trên đại thể vẫn là nền văn hóa chủ đạo của Jataka. Một chỉ dấu rõ nét khác của nền van hóa Ấn Độ là một số nhân vật của nền văn hóa cổ kính ấy xuất hiện và tái xuất hiện trong nền văn học Jãtaka. Chuyện thiên nữ Alambusã (Alambuscỳãtaka. số §523) và Chuyện Công chúa NỉỊỉnikã (Nilinikãịãtaka. số §526) kể lại chuyện chàng thanh niên ẩn sĩ Isisinga thuần khiết thanh tân, từ nhỏ đến lớn chưa hề biết đến nữ nhân.63 64 Lại có một nàng thiên nữ Alambusã xinh đẹp, tài năng và khôn khéo. Cả hai nhân vật đã có mặt trong thiên trường ca lịch sử Mahãbhãrata và Purãna thuộc thể loại kịch thơ của nền văn học Bà-la-môn cổ đại65 tái xuất hiện trong hình thái kệ tụng và được lồng vào trong những câu chuyện tiền thân. Isisinga là một cậu bé sanh ra từ một con nai trong rừng núi trùng điệp hoang vu. Isisiồga được vị ẩn sĩ nuôi lớn và truyền dạy các pháp thiền định. Vì sanh ra và lớn lên giữa chốn núi rừng hoang vắng, chỉ lo công phu thiền định khong co một ý niệm gì ve người khác giới nên dù đã thành niên, ân sĩ Isisiồga vẫn là biểu tượng cao nhất của sự trong sáng, tinh khôi và thanh khiết đúng nghĩa trong thế giới của những vị ẩn sĩ. Uy lực của sự trong sáng, tinh khôi và thanh khiết ấy66 gây chấn động, đặc biệt sự chấn động đã vượt lên mấy tầng trời, làm rung chuyển và lay động ngai vàng của Vua trời Đế-thích. Cảm thấy bị thách thức, Đế-thích ra lệnh cho thiên nữ Alambusã xuống phá hoại công hạnh của chàng thanh niên. ... Vậy nàng quả thật đóa hoa khôỉf Hãy bước lên đường, tổ nữ ơif Dùng lực thần kia là mỹ sắcf Buộc hiền nhân nọ phục oai trời... Thê là giai nhân tuyệt săc Alambusã nhận nhiệm vụ phải tiêp cận và chinh phục thanh niên ân sĩ Isisinga. Alambusã được trang điêm lộng lẫy và tinh tế của một tuyệt thế giai nhân với sự yểm trợ của đoàn tùy tùng thiện nghệ, am tường và thuần thục trong nhiệm vụ này. Trong rừng núi trùng điệp hoang vu, từ buổi sáng tinh mơ vị ẩn sĩ già đã đi vào rừng thiêng hái thuốc. Isisiiìga còn

63 Jataka còn có mặt trong nền văn chương Ả-rập. Xem G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia of Buddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 10. Phần dẫn khởi câu chuyện cho chúng ta thấy mẹ của cậu là một con nai. Câu chuyện này có niên đại rất xa xưa, nó đã xuất hiện trên bức phu điêu ơ di tích Bharhut. Một con nai cái sanh em bé và vị ẩn sĩ nhặt về nuôi. Niên đại cua bức phù điêu này vào khoảng thế kỷ III TTL. 65 Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 142. 66 Uy lực của người thật tu được Đế-thích tiết Ị ộ để Vua Brahmadatta biết qua câu thoại trong Chuyện Công chúa NiỊinikãr(số §526): 44Trên vùng Tuyết sơn, này Đại vương, có một ẩn sĩ tên là Isisinga. Vị này hành trì khổ hạnh hết sức khẵc nghiệt, khi trời sắp mưa, ông giận dữ nhìn lên trời khiến mưa ngưng lại..

lại một mình thiền định giữa chốn thảo lư. Chuyện gì phải đến đã đến. Isisinga và Alambusã chạm mặt, nữ nhân đầu tiên mà ẩn sĩ Isisiồga gặp được. Một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ và đầy sức mê hoặc đối với vị thanh niên ẩn sĩ xưa nay sống và tu luyện trong cảnh trí hoang sơ, với tất cả sự hồn nhiên, trong sáng, tinh khôi và thanh khiết. Những phút giây gay cấn bắt đầu? mỗi một tình tiết, mỗi một diễn tiến là mỗi một sự hồi hộp cho người nghe. Isisinga ngâm kệ hỏi thiên nữ kiều diễm Alambusã: ... Ai đó như tia chớp sáng ngờif Rõ ràng như thế ánh sao mai, Đôi tay đeo ngọc, hoa tai điếm, Lấp lảnh từ xa rực cả trời? Như phấn chiên-đàn tỏa ngát hương, Huy hoàng chẳng khác ánh triêu dương, Yêu kiều vóc liễu thanh thanh dáng, z r r

Tuyệt săc cho ai ngăm ngăm nàng.
Dịu dàng, trong trắng với lưng thon,
Nhún nhảy nhịp nhàng, nhón gót son,
Yeu điệu thân nàng bao diễm lệ,
Làm ta say đắm cả tăm hồn,..67
Trong muôn loài giữa cõi trần gian, ọ r
Ta chăng thây ai sảnh kịp nàng, Thân phụ là ai cùng quỷ tảnhf Ta mong nàng thố lộ cho tường. Trong lúc vị ẩn sĩ tán tụng nàng Alambusã từ bàn chân lên đến đỉnh đầu không sót đường tơ kẻ tóc nào, nàng vẫn giữ yên lặng. Và khi nghe chàng nói lời lẽ dài dòng như vậy, nàng nhận biết tâm trạng của chàng đã dao động đến mức nào rồi5 bèn ngâm nga bài kệ: ... Sao chàng mãi hỏi chỉ vơ vân, 9 _

Chăng phải đôi ta chỉ một mình?... Mạch lạc của câu chuyện lúc êm đềm du dương, lúc kịch tính, lúc vỡ òa. Diễn tiến của câu chuyện đang tiết điệu nhịp nhàng bỗng chuyển biến rẽ hẳn sang hướng khác. Kết thúc của câu chuyện ý nhị và thâm trầm như thế nào chỉ có người đọc trực tiếp, nghe trực tiếp thiên trường ca này mới cảm được. Tuy nhiên, mẫu số chung vẫn là một kết thúc có hậu với phần nhận diện tiền thân: Đến dây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại dành cho vị Tỷ-kheo kia và cuối phần giảng giải các Thánh dế, vị Tỷ-kheo ấy đắc Sơ quả (Dự lira). Lúc bấy giờ, Alambusã chính là người vợ trước kia, Isisinga là vị Tỷ-kheo có tâm bất mãn .2 " 9 này và đại ân sĩ cha chàng chính là Ta. Câu chuyện Alambusã ở trên là một điên

67 Những câu kệ kế tiếp vì sắc thái phồn thực cổ đại quá phô bày nên không trích dẫn ở đây.

hình cho việc chuyển thể những câu chuyện có sẵn trong nền văn hóa chủ lưu Bà-la-môn thời bấy giờ68 thành câu chuyện Phật giáo và đưa vào Thánh tạng. 5. Jãtaka mang chức năng như một diễn đàn CÓ những Jataka tạo điêu kiện hay làm nên cho những cuộc hội luận vê triết học trong Upanisads (Ao nghĩa thư), những cuộc hội luận về lịch sử trong sử thi Mahabharata, một trong hai bộ sử thi bằng tiếng Sanskrit nổi tiếng nhất của nền văn học Bà-la-môn thời cổ đại. Nói cách khác những Jataka này chỉ có chức năng đơn thuần và duy nhất là khung sườn cho một diễn đàn hội luận đê các nhân vật xuất hiện trò chuyện, tranh luận và giảng thuyêt. Chuyện bậc Đại trí Nãrada Kassapa (Mahãnãradakassapcỳãtaka, số §545)69 kể lại chuyện Vua Ariigati của xứ Videha triệu tập ba vị đại thần để tham vấn. Đại tướng quân Alãta chỉ vẽ một cuộc chiến dữ dội và hài hước. Đại thần Sunãma lại bảo rằng không cần thiết phải có một cuộc chiến, tốt hơn là nên thưởng thức những tiếng đàn hát du dương, ngắm nhìn những vũ điệu nghê thường và còn có bao nhiêu là lạc thú. Đại than Vijaya lại gợi ý rằng nhà vua nên nghe những lời đạo lý từ một vị ẩn sĩ tinh thâm hay một vị Bà-la-môn nói lên. yới những điều mà Đại tướng quân gợi ý? nhà vua cùng triều thần đến gặp vị ẩn sĩ lõa thể Guna Kassapa. Guna Kassapa tuyên bố thẳng thừng về giáo lý duy vật: "Không có quả báo của hành vi thiện ác, không có đời sau, không có đời trước, không có sư trưởng, mọi người đều bình đẳng và giống nhau, không có người đáng được kính lễ cũng như không có kẻ phải kính lễ người khác, không có các đức tính dũng mãnh hoặc can trườïiệ trong đời này, số phận đã an bài từ trước, không có bố thí." Alãta tuyên bố rang ông tín thọ những lời giáo huấn ấy và nói: “Ta nhớ lại những kiêp xa xưa khi ta là một đô tê? một người thợ săn và đã giêt rât nhiều sanh mạng, thế màkiếp này ta lại sanh vào một gia đình danh giá được kính trọng và hiện giờ đang là một vị đại tướng." Đồng thuận với Alãta, một người nô lệ tên BTjaka đang có mặt ở đó nói: "Trong một kiếp quá khứ tôi là một người tốt và rộng lượng, thế mà tôi lại tái sanh làm con trai của một kỹ nữ và giờ đây là một người nô lệ. Tôi đã thua canh bạc kiếp người, Alãta đã chiến thắng vì đã khôn khéo khi chơi canh bạc này." Vua Amgati bị thuyết phục bởi những lời như vậy nên khởi sự một cuộc sống hưởng thụ mọi sự sung sướng, và tâm lúc nào cũng nghĩ đến lạc thú nên đã để vương quốc cho những người khác cai trị. Một nhân vật khác lại xuất hiện, đó là Rujã, cô con gái tốt bụng và thành tâm của nhà vua. Rujã tuyên dương Chánh pháp: "Người nào nghe theo kẻ xấu quấy, người đó trở thành xấu quấy. Giống như chiếc thuyền của một thương nhân chở quá nặng chìm xuống nước, cũng vậy một người chìm xuống địa ngục khi đã gánh vác một gánh

68 Jan Knappert, Indian Mythology (London: Diamond Books, 1995), p. 209-10. Trong tác phẩm này, Jan Knappert đã trình bày một phiên bản thú vị khác của câu chuyện về Isisinga. Đây la một phiên ban mang phong vị thuần túy Ấn Độ cổ đại, không mang sắc thái Phật giáo. 69 bM CST số 545. Bản Tích Lan và PTS số 544.

quá nặng vì chất đầy tội lỗi. Rồi Sujã kể lại kiếp quá khứ là một người thanh niên trẻ tán tỉnh nhiều phụ nữ5 sau đó tái sanh nhiều lần vào thế giới của người nam, của những loài thú và rơi vào địa ngục, chịu đựng hình phạt khốc liệt. Lúc ấy, từ trên cõi trời, vị thiên tên là Nãrada hiện xuống, và như Rujã? tuyên thuyết Chánh pháp: "C6 nghiệp và có thế giới khác." Tuy nhiên, nhà vua nói: “Nếu có thế giới khác, ngươi hãy đưa cho ta 500 thỏi vàng và ta sẽ trả lại cho ngươi 1000 thỏi vàng trong thế giới khác d6." Nãrada trả lơi: "Ta chắc chắn sẽ đưa cho ngài 500 thỏi vàng nhimg ai sẽ bảo đảm với ta rằng ngài sẽ hoàn trả lại cho ta khi ngài còn phải ở trong địa ngục? Ngay cả trong đời này? người ta chỉ cho người đáng tin cậy mượn tin." Rồi Nãrada miêu tả cặn kẻ cảnh địa ngục và những hình phạt trong đó? kết luận bằng một minh dụ rằng thân thể con người như một cỗ xe. Cuối cùng, Nãrada cảm hóa được nhà vua quay về với Chánh pháp. V. JATAKA TRONG PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ sự BẢN ĐỊA HÓA 1. Hình ảnh Bồ-tát trong Jãtaka với Phật giáo Đại thừa Mối liên quan giữa Jataka và Phật giáo Đại thừa hay Phật giáo phát triển đã thu hút sự chú ý của những học giả như Bimala Chum Law và Ananda Salgadu Kulasuriya. Sự chú ý này phần nào có thể đã được khơi gợi từ ánh nhìn của Edward Bytes Cowell vào cuôi thê kỷ XIX. Tập chuyện Jataka do E. B. Cowell biên tập năm 1895 viết: "Bản thân Jataka dĩ nhiên là có tác dụng gây phân chân vì đó là những biêu mâu đặc biệt của nên văn học Phật giáo, nhimg điêu gây phân chân hơn cả lại năm ở môi liên quan rât riêng giữa Jataka và văn hóa dân gian."7Phấn chấn ở đây có nghĩa là một dạng cảm xúc tôn giáo, một dạng năng lượng tích cực và hướng thượng cần được nuôi dưỡng hay huân tu thường xuyên. Giáo lý dễ trình bày, dễ hiểu, dễ tín thọ và dễ phụng hành nhất chắc chắn không phải là giáo lý Tánh không (Sũnyatã) hay Trí tuệ Bát-nhã (Prạịnãpãramitã) mà là giáo lý Nhân quả được triển khai từ nguyên lý Nghiệp {Karma), thông qua những hành vi đạo đức (sĩlă) cụ thể. Hành trạng của vị Bồ-tát (P. Bodhisatta, s. Bodhisatva) trong những kiếp sống xưa kia được xem là mẫu mực về đạo đức và trí tuệ. Trên cuộc hành trình dài nhiều A-tăng-kỳ kiếp, để đạt đến Phật quả, vị Bồ-tát sanh vào đời dù ở hoàn cảnh nào, vị thứ xã hội ra sao vẫn thể hiện được những phâm chât như hy sinh, can đảm, tôt bụng9 thông minh hay trí tuệ đã đạt đến đọ siêu phàm. Vị hành giả trong Jãtaka không canh cánh trong lòng lý tưởng A-la-hán với mục tiêu cần đạt đến là cảnh giới Niết-bàn theo nghĩa truyền thống. Vị hành giả trong Jataka hướng về lý tưởng Bồ-tát, cụ thể là cứu cái khổ mà vị ấy đang*

70 E. B. Cowell (ed.), The Jataka or Stories of the Buddha fs Former Births (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. XXV.

tiếp XÚC, cái khổ đang xảy ra trong thực tế cuộc sống của vạn loại sanh linh, nhà Phật gọi là chúng sanh. Thính chúng hay đối tượng của dạng Phật giáo Đại thừa hay dạng Phật giáo phát triên phân nào phản ánh qua hình ảnh của đôi tượng mà vị Bồ-tát cứu độ trong câu chuyện tiền thân nên mặc nhiên đã hình thành mối dây cảm xúc tuy vô hình mà vững chắc. Đức độ được thể hiện qua những hạnh lành của vị Bồ-tát đều đạt đến độ viên mãn nên còn được gọi là Ba-la-mật (Pãramỉtã)', tuy nhiên, hạnh bố thí vẫn

nổi bật nhất và dễ lay động lòng người nhất, đặc biệt đối với những người bình thường của mọi tầng lớp xã hội. Điều này góp phần giải thích lý do tại sao Phật giáo trong Jãtaka không mặn mà với tiêu chí nguyên chât hay thuân khiết mà lại thiên về dạng Phật giáo phát triển theo thời đại và quốc độ với lý tưởng được thể hiện bằng tiêu ngữ: "Phục vụ chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phat." Hai câu chuyện tiêu biêu cho đỉnh cao của hạnh bô thí là Chuyện Đại vương Sivỉ (Sivyãtaka, số §499) và Chuyện Đại vương Vessantara (Vessantarcỳãtaka. số §547). Thính chúng của Phật giáo dân gian là một tập thể bao gồm những nhóm người vô cùng đa dạng về bối cảnh xuất thân9 về nền văn hóa được un đúc sẵn, về ngành nghề chức nghiệp và về địa vị xã hội. Tất cả đều là những biến SÔ lớn và vô cùng phức hợp. Đê đáp ứng được yêu câu càng lúc càng cao của thính chúng, những nhà phát triển Jataka đã tăng dần về số lượng và độ dài của những câu chuyện. Càng về sau những câu chuyện càng dài và số kệ tụng cũng theo đó mà gia tăng với những con số đáng kinh ngạc. Chuyện Đại vương Vessantara có đến 786 khổ ke, nếu tính mỗi khổ kệ

vị Bồ-tát đều đã trải qua trước khi Ngài được tái sanh lần cuối vào hoàng cung dòng họ Thíchca."72 Ananda Salgadu Kulasuriya đã liệt kê những dạng nhân vật mà Bồ-tát tái sanh vào: Vua chúa, hoàng tử, quan đại thần, thương nhân, gia chủ, nông dân, người phiêu lưu hồ hải và vị khất sĩ du phương; các loài chim, các loài thú và các dạng thần rừng, quỷ, thần, hồn ma sống trên cây và dưới hồ nước, hiện thân của chân lý và trí tuệ của các thời đại.72 73 2. Jãtaka với Phật giáo quần chúng Phật giáo dân gian không ưa chuộng các kiêu lập luận, học thuyêt này hay triết thuyết kia, không ưa chuộng các mạch suy tư về giáo lý khúc chiết cao siêu. Trái lại, Phật giáo dân gian ưa chuộng hình ảnh thực tế, cách diễn bày trực tiếp để tạo nên cảm xúc thánh thiện và thiêng liêng. Đó chính là chỗ đắc địa của nghệ thuật tạo hình. Truyền thống Jãtaka đã cung cấp cho nghệ thuật tạo hình các đề tài đa dạng khác nhau, các hình tượng nhân vật phong phú từ muôn thú đên cỏ cây và đủ loại côt truyện đê các nghệ nhân thỏa sức miêu tả và biêu đạt. Mục tiêu là giúp con người có thể rời khỏi những thứ bình phàm thường nhật, hướng tâm hồn đến cảnh giới thiện lương siêu vượt. Tác động ngược lại, nghệ thuật đã làm cho những câu chuyện tiền thân có hình dáng và đường nét, màu sắc và phong thái, ắt hẳn là sống động hơn để khách hữu duyên vừa thưởng lãm cái đẹp của nghệ thuật vừa thấm dần những bài học đạo lý. Nói gọn, Jataka dưới hình thái những câu chuyện được ghi nhớ và kê lại vôn là công cụ chuyên tải đạo Phật một cách hữu hiệu; giờ đây Jataka lại được nghệ thuật tạo hình chắp cánh nên càng trở nên trực quan và hữu hiệu hơn. r Các ngành nghệ thuật như phù điêu, bích họa, tạo tượng... cho chúng ta thây chỉ dấu của việc bản địa hóa ngay trong giai đoạn xuất phát của dòng lịch sử phát triên của Jataka. Nhiêu Jataka vôn là những câu chuyện năm săn nhiêu đời trong kho tàng văn học của những nền văn minh lớn, cụ thể là nền văn minh Ấn Độ. Phật giáo đã kê thừa, tiêp biên và khai thác từ kho tàng chung ây như chúng ta đã biết khi nói về những khoảng giao thoa nơi mà đạo lý Phật giáo vốn là đạo lý Ấn Độ, câu chuyện Phật giáo vốn là câu chuyện Ấn Độ. về phương diện minh triết, Phật giáo đã nâng đạo lý trong những câu chuyện ấy lên tầm cao mới, đạt đến độ viên mãn và vì

vậy mà trở thành giáo lý đặc trưng của nhà Phật, về phương diện câu chuyện, ngay từ khâu chọn lựa, Phật giáo đã có những tiêu chí nhất định. Kho tàng chung ấy chứa đầy những yếu tố mê tín, ma quái và thần quyền, như đã nói, khi Phật giáo chọn lựa để thừa tiếp, những yếu tố ấy bị Phật giáo loại bỏ. Sau khi chọn lựa, những nhà phát triên Jataka cũng ra sức gia công đê nâng câp câu chuyện vê cả hình thức văn chương lẫn nội dung tư tưởng. T. w. Rhys Davids trong tác phẩm Buddhist

72 Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 109. 73 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 19.

India xuất bản lần đầu năm 190374 đã trình bày mở rộng những điều mà ông đã nói năm 1878:7576 "Tập Jataka mà chúng ta đang có chỉ là một phân của những gì được lưu giữ. Tập sách này không chứa tất cả câu chuyện tiền thân đã từng liru hành trong cộng đông Phật giáo thời kỳ đâu của nên văn học Jataka. Chăc chăn là như thế. Nhưng tôi (T. w. Rhys Davids) mạo muội đi xa hơn một chút và gợi lên rằng nhân vật trong lo câu chuyện Jataka đầu tiên này, trong hình dạng của phiên bản tiền Jataka. cho phép chúng ta truy ngược dòng lịch sử đến chỗ vượt ngoài phạm vi của toàn bộ nền văn học Phật giáo. Không có nhân vật nào mang đặc nét Phật giáo. Có lẽ, tất cả đều được cải biến ít nhiều cho phù hợp với đạo đức Phật giáo. Hầu hết những câu chuyện khác đều như vậy, ngay cả câu chuyện Vua Đại Thiện Kiến, mạch lạc chính cũng đơn giản là một than tích nói về việc thờ phụng mặt trời. Những mạch chuyện còn lại thuộc về chuyện dân gian tiền Phật giáo. Không có gì đặc nét Phật giáo ngay cả đạo lý mà những câu chuyện này truyền đạt. Như vậy, khi nói về chất Phật liên quan tới những câu chuyện ấy, trong hình dạng xa xưa nhất của chúng, chỉ nói về cách chọn lựa được thực hiện. Nhiều lắm những câu chuyện dân gian khác dĩ nhiên là đầy ắp sắc thái mê tín, sắc thái không được Phật giáo chọn lựa. Đạo lý dĩ nhiên thuộc dạng rất giản dị. Đó là sữa cho các em bé. Câu chuyện này rõ ràng có gốc là thần tích Vua Đại Thiện Kiến. Trong hình dạng Jataka sau này, câu chuyện có trọng tâm là tính chất vô thường của tất cả các pháp thế gian, là bài học cổ xưa về tính phù phiếm của thế giới. Trong hình dạng xa xưa hơn, dạng (nằm trong) Thánh điển, câu chuyện còn có trọng tâm là những thiền chứng (ịhănd). có lẽ thuộc thời tiên Phật giáo và các Phạm trú (Brahma vihãra), chăc chăn là đặc nét Phật giáo (mặc dù ý niệm tương tự cũng có mặt trong Yoga Sũtra thời kỳ sau). Đây là những nội dung sâu xa và khó nắm bắt hơn nhiều?576 3. Jataka vói nghệ thuật tạo hình Những câu chuyện tiên thân ây đi vào thê giới của nghệ thuật tạo hình, chúng ta lại thấy chỉ dấu của việc bản địa hóa. Việc chọn nội dung cho những bức phù điêu không chỉ là chỉ dấu của việc bản địa hóa mà còn là chỉ dấu của tâm thái cận nhân tình trong mối tương tác giữa Phật giáo với người dân khi thực hiện những công trình tín ngưỡng. Tất cả đều có chủ hướng là phục vụ cho mục tiêu truyền bá Chánh pháp, đem lại an vui hạnh phúc cho số đông sanh loại, hữu hình và vô hình. Xa xưa nhất còn ghi nhận được là những bức phù điêu ở di tích Bharhut và Sanchi thuộc Ấn Độ cổ đại. Những ngôi tháp cổ được bao bọc bởi rào chắn làm băng đá nguyên khôi lớn

và kiên cô với nhiêu bức phù điêu miêu tả những

74 In lại tại Ấn Độ năm 1997. 75 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 189. 765^/.tr. 196-97.

phân cảnh trên đó có tựa đê của những câu chuyện tiên thân được viêt băng tự dạng của thế kỷ III TTL. Những phù điêu khác không có tựa đề nhưng những dòng chữ có cùng tự dạng. Có 27 phù điêu được nhận diện là những phân cảnh minh họa cho tập chuyện Jataka đang hiện hành thời ấy và 23 phù điêu chưa nhận diện được, trong đó chắc chắn có những phù điêu minh họa cho những câu chuyện tiền thân được lưu hành trong dân chúng thuộc địa bàn nhưng không được đưa vào Thánh tạng.77 4. Jataka trong các bức phù điêu tại di tích Bharhut và các noi khác Năm 1903, T. w. Rhys Davids đã liệt kê đề tựa của 28 phù điêu ở di tích Bharhut được khắc nổi và tên của Jãtaka tương ứng trong tập Jataka Pãli. Chúng ta cũng biết thêm rằng trước đó vào năm 1897 một bảng liệt kê tương tự cũng đã được công bố.78 Thông tin chi tiết về 28 bức phù điêu gồm (1) số hiệu của phù điêu theo nhà khảo cổ học Cunningham, (2) tựa đề được khắc trên phù điêu, (3) số Jataka theo phiên bản Fausboll, (4) tên câu chuyện theo PTS. Khi (5) tựa Jataka bằng tiếng Việt tương ứng được đưa vào, chúng ta có bản liệt kê như dưới đây: Bng 02

Tựa trên SỐ stt Số hiệu Tựa theo PTS Tựa tiếng Việt phù điêu hiệu

Vìtura Punakỉya Vìdhura Pandỉta Chuyện bậc Đại trỉ
1 XVIII 545
Jataka Jataka Vìdhura
Nigrodhamiga Chuyện con nai
2 XXV Fig. 1 Miga Jataka 12
Jãtaka Nìgrodha
3 2 Nãga Jataka 267 Kakkata Jãtaka Chuyện con cua

Episode ỉn Câu chuyện đàn bò
Yavamcỳhakỉya
4 3 546 Mahãummagga trong Chuyện đường
Jãtaka
Jataka hầm vĩ đại
Mugapakaya Mũgapakkha Chuyện Vương tử
5 66
4 538
Jataka Jataka què câm
6 XXVI 5 Latuvã Jãtaka 357 Latukikã Jãtaka Chuyên chim cút
6
Chadanatỉya Chaddanta Chuyện tượng vương ở

7 6 514
Jãtaka Jãtaka hồ Chaddanta
77 Bimala Chum Law, A History ofPali Literature (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 279.
78 T. w. Rhys Davids, Buddhist India (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 209.

Chuyện thiên nữ
8 66
7 Isisingiya Jataka 523 Alambusa Jataka
Alambusã
Yam bamano Andabhiita Chuyên cô gải trên lầu
9 8 62 avayesỉ Jataka Jataka bảy tầng
Kurungamiga
10 XXVII 66
9 206 Chuyên con nai núi
Jataka
Sandhibheda
11 10 349 Chuyện lời gièm pha
Jataka
12 66 11 Hanasa Jataka 32 Nacca Jataka Chuyện múa ca

Candakinnara Chuyện đôi ca
13 12 Kinara Jataka 485
Jataka thần Canda
Chuyện Hoàng tử
14 66 66
13 181 Asadisa Jataka
Asadisa
66
Dasaratha Chuyện Đại vương
15 14 461
Jataka Dasaratha
Mahãkapi
16 XXXIII 66
15 407 Chuyện đại hầu vương
Jataka
Cammasãtaka Chuyện thầy tu mặc
17 XLI 66
1.3 324

Jataka ảo da
Migapotaka
18 XLIII 2.8 Isimigo Jataka 372 Chuyện chủ nai con
Jataka
66 Janako Rậịã Mahặịanaka Chuyện Đại vương
19 XLIV 2 539
Sivalỉ devĩ Jataka Mahặịanaka
Ẵrâmadũsaka Chuyện kẻ làm
20 XLV 5 46&268
Jataka hạỉvườn
21 7 42 Kapota Jataka Chuyện chim bồ câu

Dabbhapuppha
22 XLVI 2 Uda Jataka 400 Chuyện Dabbhapuppha
Jataka
Diibhiyamakkata Chuyện con vượn
23 66
8 Secha Jataka 174
Jataka lừa dổi
Sujato Gahuto
24 XLVII 3 352 Sụịãta Jataka Chuyện chàng Sujata
Jataka
Bidala Jataka
25 5 383 Kukkuta Jataka Chuyện kê vương
Kukuta Jataka
Ixxx KINH TIỂU Bộ

Maghãdevỉya Makhãdeva 26 XLVIII 2 9 Chuyện Vua Makhãdeva Jataka Jataka Bhỉsa Haranỉya 27 66 7 488 Bhỉsa Jataka Chuyện củ sen Jataka Vessantara Chuyện Đại vương 28 L 547 Jataka Vessantara Đất nước Ấn Độ vừa là nơi phát tích vừa là một cường quốc Jataka khi đã đưa truyền thống Jataka đến khắp nơi trong nước với những trọng điểm như Bharhut đã nói ở trên, như Sanchi, Gayã, Amaravatĩ, Ajanta, Ellora; sau đó lan tỏa ra thế giới như trường hợp Borobudur ở Java (Indonesia), Pagan (Miến Điện) và Sukhodaya (Thái Lan). Trong Bách khoa Toàn thư Tôn giáo và Đạo đức. tập VII/9 có đoạn: "Quả vậy, những câu chuyện tiền thân đã cung cấp nhiều đề tài cho điêu khắc và hội họa xuyên suốt mọi thế kỷ9 xuyên qua mọi đất nước Phật giáo. Sự thật ấy cho chúng ta thấy độ biến mãn của Jataka tại Ấn Độ như ở Bharhut, Sanchi và Bodhgaya vào thế kỷ III-IITTL, ở Amaravatĩ vào thế kỷ IITTL, sau đó là ở Ajanta. Hàng trăm phù điêu với các phân cảnh của Jataka được sử dụng để trang hoàng cho những ngôi đền thờ nổi tiếng hầu hết đều dựa trên những thần tích trong bộ chuyện Lalitavistara Sũtra (Phổ Diệu kinh.80 nhu Borobudur xứ Java vào thế kỷ IX, các ngôi chùa xứ Pagan,
đất nước Miến Điện vào thế kỷ XIII và xứ Sukhodaya ở đất nước Thái Lan vào thế kỷ

XIV” 5. Ảnh hưởng của Jataka từ Trung Á đến các nước lân cận Nhìn bao quát hơn nữa, chúng ta thấy từ đất nước Ấn Độ, truyền thống Jataka đã lan tỏa đến những khu vực địa lý rộng lớn từ Trung Á đến Đông Nam A, từ Tây Âu đến Viễn Đông.79 81 Trong đó những nước góp phần đáng 80 kê vào việc bảo tôn, truyên bá và ghi dâu ân riêng vào truyền thông Jataka là Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, và những nước, khu vực khác như Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam. Từ Trung Á đến Đông Nam A, từ Tây Âu đến Viễn Đông ngày xưa, những nơi mà Jataka đã ảnh hưởng đến, có nơi đã ảnh hưởng đến độ thấm đẫm trong lòng người dân thời ấy. Hình ảnh thường thấy là một đám đông dân chúng ngồi xung quanh một nhà Sư đang kể chuyện, câu chuyện thu hút tâm trí của họ khiến cho lòng họ đắm chìm vào thế giới linh thánh xa xưa, khi đức Phật còn là vị Bồ-tát. Những câu chuyện ấy được kể trong những đêm trăng rằm, những ngày Bố-tát và những lễ hội lớn... Nhiêu người rướm lệ khi ngồi quanh

79 James Hastings (cd.), Encyclopedia of Religion and Ethics, vol. VII (New York: Charles Scribner's Sons, 1915). 80 Một tác phẩm kinh điển bằng tiếng Sanskrit được cho là thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvastivãda). 81 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 22.

đông lửa bập bùng thâu đêm nghe câu chuyện hy sinh lay động lòng người của vị Bồ-tát. Đối với tâm hồn chất phác của những người dân sẵn tánh thiện lương, Chuyện Tiền thân không phải là một thể loại văn chương hay một câu chuyện bình phàm mà là những gì vừa hiện thực vừa thánh thiện đang xảy ra ngay trong thê gian này. Tuy việc hâp thụ có nhiêu mức độ khác nhau nhimg khi ở mức độ như vậy, những câu chuyện tiền thân có khả năng tác động vào tâm hồn, thấm vào tận căn cốt của mỗi người.82 6. Ảnh hưởng Jãtaka tại Miến Điện Ở Miến Điện, vô cùng phổ biến từ thế kỷ IV-XIII là một phiên bản hiện đại của Nãradạiãtaka. Nãradcỳãtaka được đồng nhất với câu chuyện Bậc Đại trí Nãrada Kassapa. số §545. Mặc dầu9 câu chuyện thu hút sự chú ý của những học giả ngang qua nghệ thuật điêu khắc và kiên trúc, nhưng cân ghi nhận rằng câu chuyện tiền thân này còn được các bia ký đương thời dẫn chiếu tới. Ngoài ra, về mặt văn học phải kể tới một bộ chuyện tiền thân có tên là Pannasajataka (Năm mươi Chuyện Tiền thân) phổ biến rộng rãi ở Miến Điện được xem là hoa trái của quá trình địa phương hóa.83 Lịch sử Phật giáo Miến Điện cho chúng ta biết rằng khoảng thời gian 1054-58, Vua Anuruddha (Miến Điện) chiếm được Thaton, thủ đô của người Mon, đã giải vua người Mon là Makuta về Pagan, cùng mang về các phiên bản Tam tạng Thánh điển, nhiều nhà Sư và nghệ nhân. Bản tường thuật xưa nhất của người Mon về tập Jataka lớn được đề cập trên bia ký Makuta 's Pandit được tìm thấy ở chùa Schwezagon, Thaton.8485 Di sản yăn hóa vật thể và phi vật thể liên quan đến Jãtakaờ Miến Điện bao gồm hầu hết những hình thái nghệ thuật biểu đạt cổ đại gồm có bia đá, kiến trúc, điêu khắc, tượng đất nung, bích họa. Nổi bật có khi là những pho tượng đất nung, có khi là những bức bích họa vê toàn bộ 560 Jataka. Ví dụ, "Chuyện không lỗi lầm"' (Apannakạiãtaka, số §l) và "'Chuyện bậc Hiền trí Mãtanga(Mãtangcỳãtaka. số

§497) ở chùa Ãnanda, xứ Kyanzittha; Matangajataka (số §497) ở chùa Đông Tây Petika; (íChuyện lộc vương Rohanta (Rohantamigajataka, số §501) ở chùa Gubyaukgyi xứ Myinpagan; "Chuyện vân đáp của vị thiên" (Devatãpanhcỳãtaka, sô §350) ở chùa Abeyadanã; ^Chuyện Trưởng lão Samỉddhi" (Samiddhijãtakaf số §167), ^Chuyện con vẹt Rãdha(Radhajataka, số §198) ở chùa Pyatsa Shwe và '"Chuyện lộc vương Rohanta(Rohantamiệcỳătaka, số §501) ở chùa Mingalazedi. Tập Jataka này không những được biêu đạt bằng nghệ thuật điêu khắc hay bích họa mà còn kèm theo những đoạn kinh văn? cụ thể như Samiddhịiãtaka dẫn chiếu tới câu chuyện vị Thánh giả là một ẩn sĩ; trong Rãdhạiãtaka - Ngài là một loài két, và trong Rohantamỉgcỳãtaka - vị Phật tương lai là một con nai vàng.85

82 Sđd. tr. 20.

83 Sđd. tr. 12.

84 Sđd. tr. 20.

85 Sđd. tr. 20.

7. Ảnh hưởng Jãtaka tại Tích Lan Khi Ấn Độ là vùng đất phát tích để tập Jataka dần dần hình thành và đạt đên chuân mực Thánh điên thì Tích Lan là vùng đât phong nhiêu kê thừa, góp phần cho truyền thống Jãtaka được giữ gìn và phát huy cao nhất, về phương diện văn học, như đã được trình bày, toàn bộ tập Jataka trong Thánh điển Phật giáo hiện nay vốn là tập kinh tiếng Pãli được truyền sang đất nước Tích Lan, rồi được dịch toàn bộ sang tiếng bản địa Sinhalese trừ phần kệ tụng; sau đó, lại được dịch ngược trở lại tiêng Pãli và trở thành tập Jataka mà chúng ta đang có. Vì vậy, phần kệ tụng trước và sau khi dịch, lần một và lần hai, đều không thay đôi nhưng phân văn xuôi có khác. Khả năng xảy ra gân như đương nhiên vì trong quá trình của hai lần dịch như vậy hẳn là đã có nhiều cải biến, thêm thắt, thậm chí là biên tập lại toàn bộ. về phương diện quảng bá, cũng như các nước Nam Á và Đông Nam Á khác, dưới ảnh hưởng sâu đậm của lý tưởng Bô-tát, người ta thường thây những câu chuyện tiền thân tại các ngôi chùa ở Tích Lan được biểu đạt bằng hình thức này hay hình thức khác. Không những ở các đô thị lớn, những cộng đồng dân cư tập trung đông đảo mà ngay cả ở những vùng nông thôn, làng mạc vẫn có những nhà Sư đứng ra chủ trương, dẫn dắt và tạo cảm hứng để các họa sĩ, nghệ nhân địa phương biểu đạt hình tượng những vị Bồ-tát từ truyền thống Jataka, cũng có trường hợp các Tăng sĩ tự tay thực hiện.8687 Những điều trên làm cho chúng ta không cảm thây ngạc nhiên khi biêt răng Pháp Hiên, một trong những nhà chiêm bái vượt qua cung đường ngàn dặm từ Trung Hoa đến Tích Lan vào năm 400 đã mục kích tại chùa Abhayagiri (Vô úy Sơn),87 ngôi chùa thờ Xá-lợi răng Phật, 500 thân tướng mà vị Bồ-tát từng tái sanh trong tiền kiếp. Pháp Hiển ấn tượng nhất là vị Bồ-tát trong thân tướng một tia chớp, một con voi chúa và một con nai.88 số lượng lớn những bản thảo Jataka nằm rải rác nơi này nơi kia khắp đất nước Tích Lan là một chỉ dấu cho thấy độ phổ biến của truyền thống Jataka. Ngày nay, những chùa chiền, tự viện ra công biên chép và in ấn Jataka cũng như kinh điển nói chung, đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao thói quen đọc sách của người dân.89 8. Ảnh hưởng Jãtaka tại Thái Lan Có một

khoảng cách địa lý nhất định đối với đất nước Ấn Độ so với Tích Lan và Miến Điện, cho nên việc Thái Lan phát triển Jãtaka dưới hình thức phù

86 Ngài Devaragampola Silvatanna nổi tiếng với những bức tranh vẽ tại tinh xá Malvatu và tinh xá Degaldoruwa ở Kandy (Tích Lan). 87 500 thân tướng của vị Bồ-tát có mặt trong đám rước Xá-lợi răng Phật đến tinh xá Abhayagiri vào thế kỷ V. Xem Oskar von Hinỉiber, A Handbook of Pali Literature (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 57. 88 E. B. Cowell (ed.) The Jataka or Stories of the Buddha s Former Births (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd. 1895), tr. xxii. 89 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 21.

điêu trê hơn. Tuy nhiên, truyên thông Jataka Thái Lan vân có độ phong phú đáng kể từ thế kỷ XIV. Hàng trăm bức phù điêu biểu đạt những phân cảnh của các câu chuyện tiền thân được dùng để trang trí cho những ngôi chùa nổi tiếng ở nhiều nơi,90 nổi trội là xứ Sukhodaya vào thế kỷ XIV.91 Hầu hết nội dung của những bức phù điêu ây đêu dựa vào Lalỉtavistara Sũtra. một tác phâm thiêng liêng bậc nhất viết bằng ngôn ngữ Sanskrit thuộc hệ kinh điển Phương quảng của Phật giáo Phát triển.92 Sau khi Thánh điển Phật giáo đã hoàn thành, chúng ta biết rằng văn học Jãtaka vẫn tiếp tục phát triển với những tập Jãtaka thời hậu Thánh điển, cụ thể như bộ Pannãsạiãtaka mà cả ba nước Thái Lan, Lào và Campuchia cùng nhau chia sẻ, trong đó đáng chú ý là Sudhancỳãtaka (số 2).93 Câu chuyện này được học giả Louis Finot nhăc đên trong bài viêt “Recherches sur la Littérature Laotienne" (Nghiên cứu Văn học Lào) do Viện Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội xuất bản năm 1917. ơ Đông Nam A, trong tác phâm La Version Mône du Nãrada Jataka (Bản dịch tiếng Mône của Bổn sanh Nãradă). xuất bản ở Saigon năm 1954, Pierre Dupont đã đê cập đên một phiên bản mới của Nãradcỳãtaka (phiên bản Pãli cô điên là Mahãnãradakassapcỳãtaka. sô §545), một trong io câu chuyện làm nên Mahãnipãtcỳãtaka. Đó là những câu chuyện rất phổ biến ở Miến Điện từ thế kỷ IV-XIII và được chuyên tải thông qua nghệ thuật kiên trúc và điêu khăc; chúng còn được những bia ký thời đại ấy đề cập đến. cần ghi nhận rằng Pagan, kinh đô của Miến Điện từ thế kỷ XI-XIII là nơi mà hầu hết dấu vết của Phật giáo Mon được tìm thây, cụ thê là những bia ký bên cạnh các di tích kiên trúc và điêu khắc, tượng đất nung và bích họa. 9. Ảnh hưởng Jataka tại Lào Trong nên văn học Pãli ở Lào lại có thêm một tập Jataka bản địa được xem là hoa trái của quá trình giao thoa tiêp biên thậm chí là hòa vào nhau giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa dân gian Đông Nam Á.94 Sự thật, đa phần những câu chuyện trong tập Jãtaka ấy hầu như đều do chế tác mà có nên độ chính thống tông truyền rất hạn chế khi so với tập Jãtaka trong Thánh tạng. Tuy nhiên, điều ấy không làm giảm sút giá trị của nhận thức rằng những câu chuyện ấy đã là thành tố quan ượng của nền văn học dân gian và có vai trò vô cùng mật thiết trong việc định hình phong thái sống cho người dân cũng như xây dựng một thế giới quan, vũ trụ quan cho những cộng đồng dân cư nơi mà tập Jãtaka ấy lun hành.95

90 Xứ Java (Indonesia) vào thế kỷ IX, xứ Pagan (Miến Điện) vào thế kỷ XIII. 91 Bimala Chum Law, A History ofPali Literature (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 279. 92 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 278. 93 Đó là dị bản của ^Chuyện đôi ca thần Canda" (Candakinnarĩjãtaka, số §485). 94 H. Saddhatissa đã trình bày frong bài viết: Pali Literature from Laos (Nen văn học Pali từ đất nước LàòỴ' đăng trong tuyển tập Studies in Pali and Buddhism (Nghiên cứu Pãli và Phật giảo), A Memorial Volumn in Honor of Bhikkhu Jagdish Kashyap, ed. by A. X. Narain (New Delhi: B. R. Pub. Corp., 1979). 95 G. p. Malalasekera (ed.), Encyclopaedia ofBuddhism, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 21.

10. Ảnh hưởng Jãtaka có tầm châu lục Một câu chuyện tiền thân thi vị, "Chuyện con thỏ" (Sascỳãtaka, số 316) có độ phổ biến hay độ trùng hợp đáng kinh ngạc. Một con thỏ hiền trí đã nhảy vào đống lửa để tặng thân thể của mình cho người khách: “Bdy cả hồng tôi đã gọn mang,.. Chuyện này do bậc Đạo sư kê khi Ngài trú tại Kỳ Vỉên vê sự cúng dường vật dụng cho các Tỷ-kheo. Một người chủ đất nọ tại Xá-vệ cung cấp đủ mọi thứ cần thiết cho Tăngệ đoàn, đứng đầu là đức Phật. Ông ta dựng một cải rạp ở trước cửa nhà ông rồi mời các Tỷ-kheo cùng đức Phật là vị dẫn đầu, đến ngồi vào cho trang nghiêm đã chuẩn bị sẵn và củng dường các vị đủ mọi thức ăn cao lương thượng hạng. Ông còn nói: Ngày mai, xin quý vị trở lại, X r Ong khoản đãi họ trọn một tuân và đên ngày thứ bảy, ông dâng củng đức Phật cùng năm trăm vị Tỷ-kheo của Ngài đủ mọi thứ vật dụng cân thỉêt. Vào cuối bữa tiệc, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức: Này cư sĩf ông tạo sự thỏa lòng mãn ỷ do sự bố thí này, thật là đủng lỷ. Vì đây là một truyền thống của hàng trí giả ngày xưa, những vị đã hiến cả thân mạng mình cho bất cứ kẻ hành khất nào mà họ gặp, họ còn cho những kẻ ấy ăn cả thịt của chính họ nữa, Rôi do thỉnh câu của gia chủ, Ngài kê một chuyện đời xưa. Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nạif Bô-tát sanh ra là một con thỏ sống trong một khu rừng. Một phía rừng này là chân một ngọn núif ở phỉa kỉa là một con sông và ở phía thứ ba là một ngôi làn^ biên địa. Thỏ có ba bạn: Một con khỉ, một con chó rừng và một con rái cá. Bốn con vật khôn ngoan này sổng với nhau, mỗi con săn tìm thức ăn của mình trong một khu riêng biệt và đèn chiêu tôi, chủng đên họp lại với nhau. Thỏ rât thông tuệ, có tài khuyên dụ, thường thuyết chần lý cho ba bạn kia, dạy các bạn ấy nên bổ thỉ, nên tuân hành luật đạo đức và giữ gìn ngày trai giới. Chúng đều tiếp thu lời khuyến dụ ấy và mỗi con đến trú ở cho riêng của mình trong khu rừng ấy, Thời gian trôi qua, một hôm Bô-tát quan sát bâu trời, nhìn mặt trăng và biêt rằng hôm sau là ngày trai giới liền dặn ba bạn kia: -Ngày mai là trai nhật. Cả ba bạn hãy thực hành giổỉ luật và ạiữ gìn ngày trai giới, Ai tỏ ra kiên định trong việc thực hiện đạo đức thì việc bổ thí sẽ mang lại cho vị ấy kết quả xứng đảng. Thế thì hễ có kẻ nào đến xỉn bạn, bạn hãy cho họ ăn bằng chỉnh thức ăn của bạn. Tất cả đều đổng ỷf rồi ai nấy về chỗ của mình. Tờ mờ sáng hôm sau, rải cá \ r A r r ra đi tìm môif xuông tới bờ sông Hăng. Bây giờ, có một người đảnh cả bắt được

bảy con cá hồng, xâu cá vào một sợi mây rồi đem chôn chủng dưới cát trên bờ sông. Sau đóf ông ta lại xuông sông đê băt thêm cá. Rải cá đánh hơi được mây con cá đang được chôn vùi kia, liền bới cát lênf trông thấy cả liền lôi ra và kêu lớn lên ba lần: Cá của ai đây? Không thấy chủ nhân đầuf nó liền lấy răng can xâu cá ấy mang vào rừng đem vê đê vào nơi nó ở, định sẽ ăn vào lúc thích hợp. Thê rôi nó năm xuông suy nghĩ: “Mình thật đạo hạnh quả! Con chó rừng cũng ra đi kiếm thức ăn và tìm thấy trong túp lều của một người trông coi đông ruộng hai xiên thịt nướng, một con răn môi và một lọ sữa đông. Nó kêu lớn lên ba lần: Các thứ này của ai đây? Sau đó không thây ai là chủ nhân, nó tròng dây vào cô mang cải lọ, dùng răng căn con răn môi và hai xiên thịt mang vê cât vào hang của nó. Nỏ tự nghĩ: "Vào lúc thích hợp, ta sẽ ăn các thứ này, " Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ vừa rồi nó giữ đạo hạnh thật tốt. Con khỉ cũng vào trong lùm cây, lượm một cành xoài rồi mang lên cất vào khu của nó trong rừng, định sẽ ăn các trái xoài ấy vào lúc thích hợp. Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ nó đã giữ đạo hạnh thật đủng. Còn Bô-tát vào lủc căn, ra ngoài định ăn đọt non trên bãi cỏ kusa và trong lủc năm trong rừng, ngài chợt nghĩ: “Ta chăng có dâu, chăng cỏ cơm, chăng có các thứ như thế. Nếu có ai đến đây xin taf ta đâu cỏ thể lấy cỏ mà cho họ được. Nêu có người hành khât nào đên với ta, ta sẽ cho người ây thịt của chỉnh ta vậy. " Sự biểu lộ đức hạnh sảng ngời ấy làm cho chiếc ngai bằng cẩm thạch trăng của Thiên chủ Đê-thỉch nóng lên, Đê-thích quản tưởng và khám phá ra r thử lòng con thỏ chúa này. Trước hêt, Thiên chủ giả duyên cớ, rôỉ quyêt định A

làm một Bà-la-môn đên đứng gân nơi ở của con rái cả. Rải cá hỏi tại sao ông đứng đó, ông đáp:

Này hiên giả, tôi vừa nhịn đói giữ trai giới, nêu có được thứ gì đê ăn, tôi sẽ hoàn tât mọi bôn phận của một đạo sĩ.

Rái cả nói:

r ĩ

Tôt lăm, tôi sẽ cho ngài thức ăn.

Rồi nó đọc bài kệ đầu để nói với Đế-thỉch:

Bảy cá hồng tôi đã gọn mang,

Từ dòng nước cả của sông Hằng,

Bà-ỉa-môn hỡi, ăn cho thỏa,

Và ở lại đây chôn núi ngàn.

Ixxxvi KINH TIÊU Bộ

Vị Bà-ỉa-môn bảo:

Hãy để đến ngày mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con chó rừng. Khi được hỏi vì sao ông dứng đỏ, ông cũng trả lời như trước kia. Chó rừng cũng sẵn sàng hứa tặng ông đồ ăn và nói với ông bằng bài kệ thứ hai:

Người coi đồng dành thức ăn tối,

Bình sữa kia, rắn mối nữa đây,

Và hai xiên thịt nướng nàyt
Tôi đây trót dại lây ngay ây mà.
Có bao nhiêu tôi đà tặng đấy,
Bà-ỉa-mônf xin hãy ăn thôi!
Nếu ngài hạ cổ đến noi,
* X
Rừng này ở lại cùng tôi một hôi. Vị Bà-la-môn bảo: Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tỉnh. y r Rôi ông đên với con khỉ, Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước. Khỉ sẵn sàng cho ông đồ ăn và nói với ông bài kệ thứ ba: Dòng nước lạnh với cành xoài mọngf Chốn rừng xanh rợp bóng yên lành, Để ngài vui hưởng, sẵn dành, Neu ngài thỏa ỷf rừng xanh nương mình. Vị Bà-la-môn bảo: Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tỉnh. Rồi ông đến con thỏ rừng tinh khôn. Khỉ được hỏi vì sao ông đứng đóf ông cũng trả lời như trên. Khi nghe ông ta muốn gì, Bồ-tải rất thỏa ỷf liền nói: Này Ba-la-môn t ngài đến với tôi để kiếm đồ ăn thì thật là đủng lảm. Hôm nayf tôi muốn trao tặng một thứ mà trước đây tôi chưa bao giờ trao tặng và ngài sẽ không phải phạm giới sát sinh. Này bằng hữu, khi ngài chất củi và nhóm lên một ngọn lửa xong, hãy đến báo cho tôi biết, tôi sẽ nhảy vào trong lửa để hiến mạng sổng của tôi, Khỉ thân tôi đã được nướng chín, ngài hãy ăn thịt tôi rồi hoàn thành các bổn phận đạo sĩ của ngài. Rồi thỏ nói với ông bài kệ thứ tư: Tôi chăng có thức ăn mèf đậu, Cùng gạo cơm để hậu đãi ngài, Thịt tôi hãy nướng lửa thôi, Nêu ngài sông với chủng tôi chôn này, Thiên chủ Đê-thích nghe bảo thê, liên dùng thân lực tạo nên một đông than cháy đỏ rồi đến báo cho Bồ-tắt hay, Bồ-tát từ cho nằm bằng cỏ kusa đứng lên

r ỉ r y 9 r \

và đên nơi ây, ngài lăc mình ba lân đê nêu có côn trùng vào năm trong bộ lông của ngài rơi ra mà thoát chết. Rồi để hiển dâng toàn cả thân mình, Bồ-tắt nhảy vọt lên trong một niềm hoan lạc tràn trê. Ngài rơi xuồng đông than chảy rực giông như một con thiên nga vương giả đáp xuông cụm hoa sen. Nhưng ngọn lửa tăt ngay khỉ chạm đên những lô chăn lông trên toàn thân ngài giông như ngài rơi vào vùng sương giả. Ngài liền hỏi Đế-thích: Này Bà-la-mônf ngọn lửa ngài vừa nhóm lên giá lạnh quả, nó chẳng làm nóng được các lỗ chân lông trên thân thể tôi. Tại sao thế? Đế-thỉch đáp: Thưa Hiên giả, ta chăng phải là một Bà-ỉa-môn, ta là Đê-thích, ta đên đây đế thử đức hạnh của ngài. Bồ-tắt nói: 7 r J 1 1 1 19 Ẩ Ắ \ y 9 y Thưa Đê-thích, không những chỉ riêng ngài mà nêu tất cả mọi người trên thế gian này đến đây để thử tôi về cung cách bổ thỉ như thế kia thì họ cũng sẽ không bao giờ thấy rằng tôi từ bỏ một ỷ định bổ thí nào. Nói xong, Bô-tát thốt lên tiêng reo sảng khoái như tiêng rông của sư tử. Bấy giờf Đe-thỉch nói với Bồ-tát: Này thỏ hiền trí, mong cho đức hạnh của ngài được tỏa sáng muôn đời. Rồi Thiên chủ ép một trải nủi, lấy nước tinh từ đó ra mà vẽ hình một con thỏ trên mặt trăng. Sau khỉ đặt thỏ vào chỗ nằm bằng cỏ non kusa, Thiên chủ quay về cung điện của mình ở trên trời. Bôn con vật khôn ngoan kia sông hạnh phúc hài hòa bên nhau, giữ tròn giới luật, tuân hành các ngày trai giớif rồi khi mạng chung đi theo

nghiệp của mình. Sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết bốn chân lý. Ở phần kết thủc bổn chân lỷf người gia trưởng đã cúng dường các vật dụng cần thiết cho các Tỷ-kheo kia đắc quả Dự lưu, và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: -Bây giờ Ananda là con rải cấf Mục-kiên-liên là con chó rừng, Xá-lợi-phất là con khỉ, còn Ta là con thỏ hiền trí ." Câu chuyện hào sảng này chứa đựng những chi tiết gây phấn chấn tâm hồn, vừa hoành tráng vừa thi vị. Để kỷ niệm hành động hy hiến bản thân của chú thỏ9 Vua trời Đế-thích đã nhấc một hòn núi lên làm bút và vẽ hình ảnh của chú thỏ lên vầng trăng. Những người Phật tử Kalmuks, một trong hai sắc dân lớn nhất của người Mông cổ, đã gìn giữ thần tích này với tên gọi: "Th6 ngọc vầng trng."96 Câu chuyện "Thỏ ngoe" này không chỉ phổ biến rộng khắp một vùng

96 T. w. Rhys Davids đề cập chuyện này trong tác phẩm Buddhism (London: Society for Promoting Christian Knowledge, 1890).

địa lý bao la bao gồm những đất nước và khu vực lớn nhỏ như Ấn Độ,97 Tây Tạng, Miến Điện và Nhật Bản mà còn lan tỏa sang Trung Hoa và trở thành một nét văn hóa cơ hữu, đặc sắc của đất nước tỷ dân ấy. Không dừng ở đó, chú thỏ trên vầng trăng còn lan xa đến Âu Mỵ. Chắc chăn, Phật giáo Đại thừa dưới dạng những câu chuyện sẽ tiếp tục là nguôn dưỡng chất thánh thiện, cao siêu và trác tuyệt, tạo nên tảng cho mặt băng đạo đức và lòng hy hiên nơi những tâm hôn hiền thiện và thanh lương. VI. PHIÊN BẢN JATAKA TIẾNG VIỆT 1. Đe bản của Jataka tiếng Việt Tập Chuyện Tiền thân (2 quyển) trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này, mang số hiệu 06-07, được HT. Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan dịch từ tiếng Pãli và tiếng Anh sang Việt ngữ. Các ấn bản tiếng Pãli này đều được PTS ấn hành.9899 Hòa thượng chỉ dịch 120 câu chuyện đâu từ tiêng Pãli và cư sĩ Nguyên Tâm Trân Phương Lan dịch các câu chuyện còn lại từ bản tiếng Anh. Phần dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, như Lời giới thiệu của Hòa thượng đã nói, là không dịch phần Veyyãkaranã. tức phần giải thích bài kệ hoặc các danh từ trong câu chuyện quá khứ. Cũng cần đề cập ở đây, bản Jãtaka bằng tiếng Păli của PTS do V. Fausboll biên tập đầu tiên với tựa đề: The Jataka Together with Its Commentary Bring Tales of the Anterior Births of Gotama Buddha ụãtaka kết hợp với Chú giải mang lại những câu chuyện vê tiên thân của đức Phật Gotamă) gôm 6 tập, được PTS xuất bản tại London từ năm 1877-96. Ấn bản này có sự khác biệt rất lớn với ân bản Tích Lan và CST, vì gom chung Chảnh tạng (Mũla) và Chủ giải (Atthakatha) thành một bản như chúng ta đang thấy trong TTTĐPGVN, trong khi đó, bản Jataka thuộc Chánh tạng của Tích Lan và CST chỉ có các câu kệ và các phần còn lại như câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, giảng giải các danh từ, giảng rộng nội dung bài kệ, v.v... được trình bày trong Chú giải?9 T. w. Rhys Davids đã dịch hai tập đầu sang tiếng Anh với tựa đề: Buddhist Birth Stories (Những chuyện tiên thân Phật giáo), được PTS xuất bản năm 1880. Sau đó các học giả R. Chalmers, w. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell lần lượt dịch sang tiếng Anh, và E. B. Cowell biên tập thành 6 tập với tựa đề: The Jataka or Stories of the Buddhas Former Births, được PTS xuất bản tại London từ năm 1895-1913. Trong bản tiếng Anh này, các dịch

97 Đây là câu chuyện có niên đại tiền Phật giáo. Xem Maurice Wintemitz, History ofIndian Literature, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 145. 98 Jataka, 6 vols., ed. by V. Fausboll (London: PTS, 1877-96); The Jataka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation ofthe Jataka), 6 vols., tr. by R. Chalmers, w. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell, and ed. by E. B. Cowell (London: PTS, 1895-1913). 99 Ngoại trừ câu chuyện 536, Chuyện chìm chúa Kunãla, trong bản Tích Lan và CST vừa có văn xuôi vừa có bài kệ.

giả chuyên dịch từ Pãli sang Anh ngữ cũng lược bỏ bớt phân giải thích các danh từ và nội dung của bài thi kệ, tức là bỏ phân Veyyãkaranã. 2. Ấn bản Jãtaka tiếng Việt hiện nay Trong quá trình nhuận săc lại bản dịch tiêng Việt, Ban Biên tập có tham khảo bản Jataka trong Chánh tạng và Chú giải của ân bản Tam tạng do Tăng- già Phật giáo Theravãda kết tập lần thứ 6 (Chattha Sangãyana Tipỉtakă) tại Miến Điện. Ấn bản này được Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) tại Ấn Độ biên tập và đăng tải tại tipitaka.org rất phổ biến trong giới học giả ngày nay. về bản dịch Chuyện Tiền thân trong ấn bản TTTĐPGVN, Ban Biên tập thống nhất giữ nguyên bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm Trần Phương Lan, đánh số kệ theo thứ tự mặc ước trong Chảnh tạng CST, đồng thời bổ sung trên 600 bài thi kệ (dịch trên 100 bài kệ, tách kệ đã dịch theo bản CST trên 100, và chuyển thi kệ từ văn xuôi đã dịch trên 400 bài). Một sô dữ liệu khác trong bản dịch Việt cũng được điêu chỉnh đúng theo Chánh tạng và Chú giải Jataka của CST. Tuy nhiên, tiêu đề và các chữ dùng trong bản này cũng viết theo PTS và ghi chú sự khác biệt giữa chúng với bản CST và ấn bản Tích Lan trong Phụ lục 4. Tất cả sự nỗ lực của chư vị Trưởng lão, dịch giả tiền bối yà Ban Biên tập ngày nay đều hướng đến sự hoàn thiện bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam như hàng triệu trái tim người con Phật Việt Nam trong nước và nước ngoài hằng mong đợi.

Cẩn bút,

Mùa An cư kiết hạ PL. 2565 DL. 2021

TT.TS. Thích Minh Thành

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... ix LỜI GIỚI THIỆU.....xi LỜI NÓI ĐẦU..... xvii BẢNG VIẾT TẮT..... xxiii TỒNG QUAN KINH TIÊU BỘ.....xxix TRÍCH LỜI GIÓI THIỆU.....xxxix DẢN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN..... xlv MỤC LỤC..... xci

CHUYỆN TIỀN THÂN

CHƯƠNG I - MỘT KỆ..... 3 L PHẨM KHổNG LÔI LÀM..... 3 § 1. CHUYỆN KHÔNG LỖI LẦM..... 3 §2. CHUYỆN BÃI SA MẠC.....11 §3. CHUYỆN NGƯỜI BUÔN GHÈ SERIVA..... 14 §4. CHUYỆN TIỂU TRIỆU PHÚ..... 16 §5. CHUYỆN ĐẤU GẠO..... 24 §6. CHUYỆN THIÊN PHÁP..... 27 §7. CHUYỆN NÀNG LƯỢM CỦI..... 31 §8. CHUYỆN VUA GÃMANI..... 33 §9. CHUYỆN VUA MAKHÃDEVA..... 34 §10. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SUKHAVIHẢRI ..... 36 II. PHẨM GIỚI ..... 39 §11. CHUYỆN CON NAI LAKKHANA..... 39 §12. CHUYẸN CON NAI NIGRODHA..... 41 §13. CHUYỆN MŨI TÊN..... 48 §14. CHUYỆN CON NAI GIÓ..... 49 §15. CHUYỆN CON NAI KHARÃDIYA..... 52 §16. CHUYỆN CON NAI có BA cử CHỈ..... 53 §17. CHUYỆN GIÓ THỔI..... 56 §18. CHUYỆN ĐÒ CÚNG NGƯỜI CHẾT..... 57 §19. CHUYỆN LỄ CÚNG DO CÓ LỢI..... 59 §20. CHUYỆN UỐNG NƯỚC BẰNG CỌNG LAU..... 60

III. PHẨM SƠN DƯƠNG..... 63 §21. CHUYỆN CON NAI SƠN DƯƠNG..... 63 §22. CHUYỆN CON CHÓ..... 64 §23. CHUYỆN CON NGựA THUẦN CHỦNG..... 67 §24. CHUYỆN ĐÔI NGựA NÒI TỐT..... 69 §25. CHUYỆN BẾN TẮM..... 70 §26. CHUYỆN CON VOI MAHILÃMUKHA..... 73 §27. CHUYỆN ĐÔI BẠN THÂN THIẾT..... 76 §28. CHUYỆN CON BÒ NANDIVISÃLA..... 78 §29. CHUYỆN CON BÒ ĐEN..... 80 §30. CHUYỆN CON HEO MUNIKA..... 82 IV. PHẨM TÔ CHIM CON..... 84 §31. CHUYỆN TỒ CHIM CON..... 84 §32. CHUYỆN MÚA CA..... 90 §33. CHUYỆN SỐNG HÒA HỢP..... 92 §34. CHUYẸN CON CÁ..... 94 §35. CHUYỆN CON CHIM CÚT..... 95 §36. CHUYỆN CON CHIM..... 98 §37. CHUYỆN CHIM

CÚT..... 99 §38. CHUYỆN CON CÒ.....102 §39. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ NANDA.....106 §40. CHUYỆN HỐ THAN LỬA CÂY KEO..... 108 V. PHẨM LỢI ÁI..... 116 §41. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO LOSAKA..... 116 §42. CHUYỆN CHIM BỒ CÂU.....122 §43. CHUYỆN CON RẮN TRE..... 125 §44. CHUYỆN CON MUỖI..... 126 §45. CHUYỆN NỮ TỲ ROHINI..... 128 §46. CHUYỆN KẺ LÀM HẠI VƯỜN..... 129 §47. CHUYỆN RƯỢU MẠNH.....131 §48. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN VEDABBHA.....132 §49. CHUYỆN CÁC vì SAO.....135 §50. CHUYỆN NHỮNG KẺ VÔ TRÍ.....137 VI. PHẨM HY VỌNG..... 140 §51. CHUYỆN VUA SĨLAVÃ vĩ ĐẠI..... 140 §52. CHUYỆN TIỂU JANAKA..... 145 §53. CHUYỆN BÌNH Rượu ĐÀY.....145 §54. CHUYỆN TRÁI CÂY.....147 §55. CHUYỆN NĂM vũ KHÍ..... 148

§56. CHUYỆN KHỐI VÀNG..... 151 §57. CHUYỆN KHỈ CHÚA.....153 §58. CHUYỆN BA PHÁP.....155 §59. CHUYỆN TIẾNG TRỐNG..... 157 §60. CHUYỆN THỔI TÙ VÀ..... 158 VIL PHẨM NỮ NHÂN.....159 §61. CHUYỆN CHÚ THUẬT ASĀTA.....159 §62. CHUYỆN CÔ GÁI TRÊN LẦU BẢY TẦNG..... 159 §63. CHUYỆN HIỀN sĩ CHÀ LÀ..... 165 §64. CHUYỆN NGƯỜI vợ KHÓ HIỂU.....168 §65. CHUYỆN NỖI BẤT MÃN.....169 §66. CHUYỆN HOÀNG HẬU TỪ TÂM.....171 §67. CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ THÔN QUÊ..... 174 §68. CHUYỆN THÀNH SẢKETA.....176 §69. CHUYỆN CON RẮN PHUN NỌC ĐỘC..... 178 §70. CHUYỆN HIỀN TRÍ CÁI CUỐC.....179 VIII. PHẨM CÂY VARANA..... 183 §71. CHUYỆN CÂY VARANA..... 183 §72. CHUYỆN TƯỢNG VƯƠNG ĐỨC HẠNH..... 186 §73. CHUYỆN ĐÚNG VẬY CHĂNG.....188 §74. CHUYỆN LUẬT CÂY

RỪNG.....193 §75. CHUYỆN CON CÁ.....194 §76. CHUYỆN NGƯỜI KHÔNG sợ HÃI.....197 §77. CHUYỆN GIẤC MỘNG LỚN.....199 §78. CHUYỆN VỊ TRIỆU PHÚ ILLĨSA..... 209 §79. CHUYỆN TIẾNG TRỐNG ỒN Ào..... 219 §80. CHUYỆN NGƯỜI THỢ DỆT BHĨMASENA..... 220 IX. PHẨM CHÚNG CON ĐÃ UỐNG..... 224 §81. CHUYỆN UỐNG Rượu..... 224 §82. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA..... 227 §83. CHUYỆN KALAKANNl..... 227 §84. CHUYỆN CỬA NGÕ HẠNH PHÚC..... 229 §85. CHUYỆN TRÁI CÂY KIMPAKKA..... 230 §86. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC..... 231 §87. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH..... 234 §88. CHUYỆN CON BÒ SĂRAMBHA..... 236 §89. CHUYỆN KẺ LỪA ĐẢO..... 237 §90. CHUYỆN KẺ VONG ÂN..... 238

X. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC THOA..... 241 §91. CHUYỆN ĐA Được THOA..... 241 §92. CHUYỆN ĐẠI BẢO VẬT..... 242 §93. CHUYỆN NGỘ ĐỘC DO LUYẾN ÁI..... 248 §94. CHUYỆN NỖI KINH HOÀNG..... 250 §95. CHUYỆN VUA ĐẠI THIỆN KIẾN..... 251 §96. CHUYỆN BÁT DẦU..... 253 §97. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH CỦA TÊN..... 258 §98. CHUYỆN NGƯỜI ĐI BUÔN LỪA ĐẢO..... 260 §99. CHUYỆN HƠN MỘT NGÀN NGƯỜI..... 262 §100. CHUYỆN SẮC THÂN BẤT LẠC..... 264 XI. PHẨM HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI..... 267 §101. CHUYỆN HỚN MỘT TRĂM NGƯỜI..... 267 §102. CHUYỆN NGƯỜI BÁN RAU..... 267 §103. CHUYỆN KẺ THÙ..... 268 §104. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA..... 269 §105. CHUYỆN NHÁNH CÂY YẾU ỚT..... 270 §106. CHUYỆN MÚC NƯỚC..... 271 §107. CHUYỆN NGHỀ NÉM ĐÁ..... 272 §108. CHUYỆN CÔ THÔN NỮ..... 274 §109. CHUYỆN BÁNH BỘT TRẤU ĐỎ..... 276 §110. CÂU HỎI VỀ HỖN HỢP ĐỦ LOẠI HƯƠNG..... 278 XIL PHẨM THIÊN NGA..... 279 §111. CÂU HỎI VỀ CON LỪA..... 279 §112. CÂU HỎI CỦA HOÀNG HẬU

AMARÃ..... 279 §113. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG..... 279 §114. CHUYỆN CON CÁ NGHĨ VỪA..... 281 §115. CHUYỆN CON CHIM CÁI KHUYÊN RĂN..... 282 §116. CHUYỆN NGƯỜI KHÓ DẠY BẢO..... 284 §117 CHUYỆN CHIM ĐA ĐA..... ... 285 §118. CHUYỆN CHIM CÚT..... 286 §119. CHUYỆN CON GÀ GÁY PHI THỜI..... 289 §120. CHUYỆN GIẢI THOÁT sự TRÓI BUỘC..... 290 XIII. PHẨM THẦN CÂY CỎ KUSA..... 294 §121. CHUYỆN THẦN CÂY CỎ KUSA..... 294 §122. CHUYỆN KẺ NGU..... 296 §123. CHUYỆN CÁI CÁN CÀY..... 299 §124. CHUYỆN TRÁI XOÀI..... 301

§125. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ KATÃHAKA..... 302 §126. CHUYỆN TƯỚNG CỦA KIẾM..... 305 §127. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ KALANDUKA ..... 308 §128. CHUYỆN CON MÈO .....:..... 309 §129. CHUYỆN KẺ THỜ LỬA..... 310 §130. CHUYỆN Nữ BÀ-LA-MÔN KOSIYA..... 311 XIV. PHẨM KẺ VONG ÂN..... 314 §131. CHUYỆN KẺ VONG ÂN..... 314 §132. CHUYỆN NÀM DỤC LẠC..... 317 §133. CHUYỆN LỬA CHÁY..... 318 §134. CHUYỆN Sự TỊNH HÓA CỦA THIỀN..... 320 §135. CHUYỆN ÁNH SÁNG CỦA MẶT TRÀNG..... 320 §136. CHUYỆN THIÊN NGA VÀNG..... 321 §137. CHUYỆN CON MÈO..... 323 §138. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG..... 326 §139. CHUYỆN CẢ HAI MẶT THẤT BẠI..... 328 §140. CHUYỆN CON QUẠ..... *..... 329 XV. PHẨM CON TẮC KÈ..... 332 §141. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG..... 332 §142. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG..... 333 §143. CHUYỆN Sự CHIẾU SÁNG..... 335 §144. CHUYỆN CAI ĐUÔI BÒ..... 337 §145. CHUYỆN CON VẸT RẢDHA..... 338 §146. CHUYỆN CON QUẠ..... 340 §147. CHUYỆN ÁO VẢI MÀU ĐỎ..... 342 §148. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG..... 343 §149. CHUYỆN CÂY MỘT LÁ..... 346 §150. CHUYỆN THANH NIÊN

SANJIVA..... 350 CHƯƠNG II - HAI KỆ..... 355 I. PHẨM CỨNG RAN ..... 355 §151. CHUYỆN LỜI GIÁO GIỚI CHO VUA..... 355 §152. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG..... 358 §153. CHUYỆN CON HEO RỪNG..... 361 §154. CHUYỆN CON RẮN..... 363 §155. CHUYỆN NHẢY MŨI..... 365 §156. CHUYỆN HOÀNG TỬALĨNACITTA..... 367 §157. CHUYỆN CÔNG ĐỨC..... 371 §158. CHUYỆN CON NGựA SUHANU..... 375

§159. CHUYỆN CON CÔNG..... 377 §160. CHUYỆN CON NGỖNG VINĨLAKA..... 381 II. PHẨM THẦN GIAO..... 383 §161. CHUYỆN ẨN Sĩ INDASAMÃNAGOTTA..... 383 §162. CHUYỆN MỐI THÂN GIAO..... 384 §163. CHUYỆN VUA SUSĨMA..... 386 §164. CHUYỆN CHIM DIỀU HÂU..... 389 §165. CHUYỆN CON CHUỘT RỪNG..... 391 §166. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN UPASÃLHA..... 392 §167. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SAMIDDHI..... 394 §168. CHUYỆN CHIM DIỀU HÂU..... 395 §169. CHUYỆN ĐẠO SƯARAKA..... 397 §170. CHUYỆN CON TẮC KÈ..... 398 III. PHẨM THIỆN PHÁP..... 399 §171. CHUYỆN THIỆN PHÁP..... 399 §172. CHUYỆN NÚI DADDARA..... 401 §173. CHUYỆN CON VƯỢN..... 402 §174. CHUYỆN CON VƯỢN LỪA DỐI..... 404 §175. CHUYỆN ĐẢNH LE MẶT TRỜI..... 405 §176. CHUYỆN NẮM HẠT ĐẬU..... 406 §177. CHUYỆN CÂY TINDUKA..... 408 §178. CHUYỆN CON RUA..... 409 §179. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SATADHAMMA..... 411 §180. CHUYỆN KHÓ CHO..... 413 IV. PHẨM ASADISA..... 415 §181. CHUYỆN HOÀNG TỬ ASADISA..... 415 §182. CHUYỆN CON VOI THIỆN CHIẾN..... 418 §183. CHUYỆN NƯỚC LỌC TỪ ĐỒ TÀN THỰC ..... 422 §184. CHUYỆN NGƯỜI LUYỆN NGựA GIRIDANTA..... 423 §185. CHUYỆN TÂM BẤT TỊNH..... 424 §186. CHUYỆN VUA DADHIVÃHANA..... 426 § 187. CHUYỆN BỐN VẺ

ĐẸP..... 430 §188. CHUYỆN Sư TỬ LAI CHÓ RỪNG..... 431 §189. CHUYỆN TẤM DA sư TỬ..... 432 §190. CHUYỆN LỢI ÍCH CỦA GIỮ GIỚI..... 433 V. PHẨM TẾ Sư RUHAKA.....436 §191. CHUYỆN TẾ SƯRUHAKA..... 436 § 192. CHUYỆN THIÊN NỮ SIRI VÀ KÃLAKANNỈ..... 437

§193. CHUYỆN HOÀNG TỬ CULLAPADUMA..... 437 §194. CHUYỆN KẺ TRỘM NGỌC..... 442 §195. CHUYỆN HÒN NÚI ĐẸP..... 445 §196. CHUYỆN CON NGựA BAY..... 446 §197. CHUYỆN BẠN VÀ THÙ..... 449 §198. CHUYỆN CON VẸT RÃDHA..... 450 §199. CHUYỆN NGƯỜI GIA CHỦ..... 452 §200. CHUYỆN GIỚI HẠNH TỐT LÀNH..... 453 VI. PHẨM NATAMDALHA..... 455 §201. CHUYỆN NHÀ TÙ TRÓI BUỘC..... 455 §202. CHUYỆN TÁNH NGHỊCH NGỢM..... 457 §203. CHUYỆN TU TẬP TỪ TÂM..... 459 §204. CHUYỆN CON QUẠ VĨRAKA..... 461 §205. CHUYỆN CÁ SÔNG HẰNG..... 463 §206. CHUYỆN CON NAI NÚI..... 464 §207. CHUYỆN VUA ASSAKA..... 466 §208. CHUYỆN CON CÁ SẤU..... 469 §209. CHUYỆN CON CHIM MỒI..... 471 §210. CHUYỆN CON CHIM GÕ MÕ..... 472 VIL PHẨM ĐÁM CỎ BĨRANA..... 474 §211. CHUYỆN CHÀNG TRAI SOMADATTA..... 474 §212. CHUYỆN THỨC ĂN THỪA..... 476 §213. CHUYỆN VUA BHARU..... 477 §214. CHUYỆN CON SÔNG ĐẦY NƯỚC..... 481 §215. CHUYỆN CON RÙA..... 482 §216. CHUYỆN CON CÁ..... 483 §217. CHUYỆN CON GÁI CỦA NGƯỜI BÁN RAU..... 484 §218. CHUYỆN NGƯỜI ĐI BUÔN LỪA ĐẢO..... 485 §219. CHUYỆN ĐÁNG CHỈ TRÍCH..... 488 §220. CHUYỆN TẾ sư DHAMMADDHAJA..... 490 VIII. PHẨM KÃSÃVA..... 496 §221. CHUYỆN TẤM Y VÀNG..... 496 §222. CHUYỆN CON KHỈ CULLANANDIYA..... 498 §223. CHUYỆN THỨC ĂN ĐI ĐƯỜNG..... 500 §224. CHUYỆN CON CÁ

SÁU..... 503 §225. CHUYỆN ĐỀ CAO TÍNH KHAM NHẪN..... 504 §226. CHUYỆN CON CHIM cú..... 504 §227. CHUYỆN CON BỌ ÀN PHÂN..... 505 §228. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN KÃMANĨTA..... 507

§229. CHUYỆN DU sĩ PALẢYI.....510 §230. CHUYỆN DU sĩ PALÃYI, THỨ HAI.....512 IX. PHẨM CHIẾC GIÀY.....514 §231. CHUYỆN CHIẾC GIÀY..... 514 §232. CHUYỆN CẦY ĐÀN LUÝT..... 516 §233. CHUYỆN MŨI TÊN..... 517 §234. CHUYỆN NÀNG ASITẢBHŨ..... 519 §235. CHUYỆN ẨN sĩ VACCHANAKHA..... 520 §236. CHUYỆN CON CÒ..... 522 §237. CHUYỆN THÀNH SÃKETA..... 523 §238. CHUYỆN MỘT CHỮ..... 523 §239. CHUYỆN CON NHÁI XANH..... 525 §240. CHUYỆN VUA MAHÃPINGALA..... 526 X. PHẨM CHÓ RỪNG..... 529 §241. CHUYỆN VUA CHÓ RỪNG SABBADÃTHA..... 529 §242. CHUYỆN CON CHÓ..... 532 §243. CHUYỆN NHẠC sĩ GUTTILA..... 533 §244. CHUYẸN LY DỤC..... .... 540 §245. CHUYỆN PHÁP MÔN CĂN BẢN..... 541 §246. CHUYỆN LỜI PHỈ BÁNG..... 543 §247. CHUYỆN HOÀNG TỬPÃDANJALI..... 544 §248. CHUYỆN THÍ DỤ VỀ CÂY KIMSUKA..... 546 §249. CHUYỆN CON KHỈ SÃLAKA..... 547 §250. CHUYỆN CON KHỈ..... 549 CHƯƠNG III - BA KỆ..... 551 L PHẨM Tư DUY..... 551 §251. CHUYỆN Tư DUY..... 551 §252. CHUYỆN NẮM HẠT MÈ..... 555 §253. CHUYỆN VUA RẮN MANIKANTHA.....559 §254. CHUYỆN CON NGựA QUÝ ẢN CÁM GẠO ĐỎ.....562 §255. CHUYEN CON VẸT •....[.....567 §256. CHUYẸN CÁI GIENG cũ.....568 §257. CHUYỆN NGƯỜI HẦU CẬN GAMANICANDA.....570 §258. CHUYẸN ĐẠI VƯƠNG MANDHÃTU..... :..... .... 580 §259. CHUYỆN ẨN sĩ TIRITAVACCHA..... 582 §260. CHUYỆN SỨ GIẢ..... 585 II. PHẨM KOSIYA..... 588 §261. CHUYỆN HOA

SEN..... 588 §262. CHUYỆN BÀN TAY MỀM MẠI..... 589

§263. CHUYỆN ÍT DỤC THAM..... ....592 §264. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG MAHÃPANÃDA..... 595 §265. CHUYỆN MŨI TÊN..... 598 §266. CHUYỆN CON NGựA QUÝ TỐC NHƯ PHONG..... 599 §267. CHUYỆN CON CUA .... 602 §268. CHUYỆN KẺ LÀM HẠI VƯỜN.....604 §269. CHUYỆN NÀNG SUJATA..... 606 §270. CHUYỆN CON CHIM cú..... 610 III. PHẨM KHU RỪNG..... 612 §271. CHUYỆN KẺ LÀM BẨN GIẾNG NƯỚC.....612 §272. CHUYỆN CON cọp..... 613 §273. CHUYỆN CON RÙA..... 615 §274. CHUYỆN THAM ĂN..... ..... 616 §275. CHUYỆN CON CHIM XINH XẮN..... 618 §276. CHUYỆN CHÁNH PHÁP NƯỚC KURU.....619 §277. CHUYỆN CHIM BỒ CÂU..... 631 §278. CHUYỆN CON TRÂU..... 632 §279. CHUYỆN CON HẠC..... 634 §280. CHUYỆN KẺ PHÁ Hư GIỎ.....636 IV. PHẨM CHÍNH TRUNG..... 638 §281. CHUYỆN CHÍNH TRUNG..... 638 §282. CHUYỆN ĐIỀU TỐT HƠN..... 644 §283. CHUYỆN CON HEO RỪNG CỦA NGƯỜI THỢ MỘC..... 646 §284. CHUYỆN VẬN MAY..... 651 §285. CHUYỆN HEO RỪNG TRONG HANG THỦY TINH..... 656 §286. CHUYỆN CON HEO SÃLŨKA..... 659 §287. CHUYỆN CHÊ BAI LƠI NHUẬN..... 661 §288. CHUYỆN XÂU CÁ..... 662 §289. CHUYỆN MONG ƯỚC KHÁC NHAU..... 664 §290. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC..... 667 V. PHẨM CÁI BÌNH..... 669 §291. CHUYỆN CÁI BÁT THẦN..... 669 §292. CHUYỆN VUA QUẠ SUPATTA..... 670 §293. CHUYỆN THÂN Hư HOẠI..... 673 §294. CHUYỆN CON CHIM ĂN TRÁI ĐÀO..... 674 §295. CHUYỆN LOÀI HẠ LIỆT..... 676 §296. CHUYỆN BIẾN CẢ..... 677 §297. CHUYỆN DỤC TÌNH NHẢM NHÍ..... 678

§298. CHUYỆN TRÁI SUNG..... 679 §299. CHUYỆN ẨN sĩ KOMÃYAPUTTA..... 681 §300. CHUYỆN CHÓ SÓI..... 682 CHƯƠNG IV . BỐN KỆ..... 685 L PHẨM HÃY MỞ RA..... 685 §301. CHUYỆN TIÊU VƯƠNG KÃLINGA..... 685 §302. CHUYỆN ĐẠI KỴ sĩ..... 691 §303. CHUYỆN VỊ THANH VƯƠNG..... 694 §304. CHUYỆN RẮN THẦN DADDARA..... 696 §305. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC..... 697 §306. CHUYỆN HOÀNG HẬU SUJẢTĂ..... 699 §307. CHUYỆN THẦN CÂY HỒNG ĐIỆP..... 702 §308. CHUYỆN CHIM GÕ KIẾN..... 703 §309. CHUYỆN NGƯỜI TIỆN DÂN..... 705 §310. CHUYỆN VỊ QUỐC sư SAYHA..... 707 II. PHẨM CÂY PUCIMANDA..... 709 §311. CHUYỆN CÂY PUCIMANDA..... 709 §312. CHUYỆN ẨN sĩ KASSAPA CHẬM TRỄ..... 710 §313. CHUYỆN ĐẠO LÝ KHAM NHAN..... 713 §314. CHUYỆN ĐỊA NGỤC NỒI SẮT..... 716 §315. CHUYỆN MIẾNG THỊT..... 721 §316. CHUYỆN CON THỎ..... 723 §317. CHUYỆN KHÓC NGƯỜI CHẾT..... 727 §318. CHUYỆN VÒNG HOA KANAVERA..... 729 §319. CHUYỆN CHIM ĐA ĐA ..... 732 §320. CHUYỆN DỄ CHO..... 734 III. PHẨM KẺ ĐÓT LỀU..... 739 §321. CHUYỆN KẺ ĐỐT LỀU..... 739 §322. CHUYỆN TIẾNG ĐỘNG MẠNH..... 742 §323. CHUYỆN VUA BRAHMADATTA..... 745 §324. CHUYỆN THẦY TU MẶC Áo DA..... 748 §325. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG..... 750 §326. CHUYỆN THIÊN HOA KAKKÃRU..... 751 §327. CHUYỆN HOÀNG HẬU KẢKÃTI..... 754 §328. CHUYỆN KHÔNG KHÓC NGƯỜI CHẾT..... 756 §329. CHUYỆN CON KHỈ KÃLABÃHU..... 759 §330. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC..... 761 IV. PHẨM CHIM CU..... 763 §331. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO KOKÃLIKA..... 763

§332. CHUYỆN CHIẾC GẬY THÚC XE..... 764 §333. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG..... 765 §334. CHUYỆN KHUYẾN DỤ QUỐC

VƯƠNG..... 768 §335. CHUYỆN CHÓ RỪNG..... 770 §336. CHUYỆN VƯƠNG TỬ CHATTA vĩ ĐẠI..... 771 §337. CHUYỆN CÁI SÀNG TỌA..... 774 §338. CHUYỆN VỎ TRẤU..... 776 §339. CHUYỆN XỨBÃVERU..... 779 §340. CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ VISAYHA..... 781 V. PHẨM CULLAKUNÃLA..... 785 §341. CHUYỆN VUA KANDARI..... 785 §342. CHUYỆN CON KHỈ..... .....785 §343. CHUYỆN CON HẠC..... 786 §344. CHUYỆN NGƯỜI ẢN TRỘM XOÀI..... 788 §345. CHUYỆN CON RÙA LƯỜI BIẾNG..... 790 §346. CHUYỆN ĐẠO sĩ KESAVA..... 792 §347. CHUYỆN CÁI CHÀY SẮT..... 795 §348. CHUYỆN CHỐN RỪNG HOANG..... 796 §349. CHUYỆN LỜI GIÈM PHA..... 798 §350. CHUYỆN VẤN ĐỀ CỦA VỊ THIÊN..... 800 CHƯƠNG V - NĂM KỆ..... 801 I. PHẨM BÔNG TAI bằng ngọc..... 801 §351. CHUYỆN BÔNG TAI BẰNG NGỌC..... 801 §352. CHUYỆN CHÀNG SUJATA..... ..... 802 §353. CHUYỆN CÀNH CÂY TỎA RỘNG..... 804 §354. CHUYỆN CON RẮN..... 807 §355. CHUYỆN VƯƠNG TỬ GHATA..... 811 §356. CHUYỆN NAM TỬ KÃRANDIYA..... ..... 813 §357. CHUYỆN CHIM CÚT..... 815 §358. CHUYỆN HOÀNG TỬ DHAMMAPÃLA..... 817 §359. CHUYỆN CON NAI VÀNG..... 821 §360. CHUYỆN HOÀNG HẬU SUSSONDĨ..... 824 II. PHẨM SẮC ĐẸP..... 828 §361. CHUYỆN SẮC ĐẸP..... 828 §362. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC..... 830 §363. CHUYỆN HỔ THẸN..... 832 §364. CHUYỆN CON ĐOM ĐÓM..... 834 §365. CHUYỆN NGƯỜI LUYỆN RẮN..... 834

cii KINH TIỂU Bộ

§366. CHUYỆN CON QUỶ GUMBIYA..... 835 §367. CHUYỆN CON SÁO..... 837 §368. CHUYỆN DÂY TRÓI BUỘC..... 838 §369. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA..... 840 §370. CHUYỆN CÂY HỒNG PHƯỢNG vĩ..... 841 III. PHẨM MỘT

NỬA..... 843 §371. CHUYỆN HOÀNG TỬ CON VUA DĨGHITI xứ KOSALA..... 843 §372. CHUYỆN CHÚ NAI CON..... 845 §373. CHUYỆN CON CHUỘT..... 846 §374. CHUYỆN CHÀNG TIEU XẠ THỦ..... 849 §375. CHUYỆN CHIM BỒ CÂU..... 853 CHƯƠNG VI - SÁU KỆ..... 857 I. PHẨM NGƯỜI LAI đò..... 857 §376. CHUYỆN NGƯỜI LÁI ĐÒ..... 857 §377. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SETAKETU..... 861 §378. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN DARĨMUKHA..... 863 §379. CHUYỆN NÚI NERU..... 867 §380. CHUYỆN THIÊN NỮ ẢSAMKA..... 869 §381. CHUYỆN CHIM THỨU MIGÃLOPA..... 873 §382. CHUYỆN THIÊN NỮ SIRI VÀ KÃLAKANNĨ..... 874 §383. CHUYỆN KÊ VƯƠNG..... :..... .....878 §384. CHUYỆN PHÁP ẤN..... 880 §385. CHUYỆN LỘC VƯƠNG NANDIYA..... 882 IL PHẨM SENAKA..... 886 §386. CHUYỆN CON LỪA..... 886 §387. CHUYỆN CÂY KIM..... 890 §388. CHUYỆN CON HEO TUNDILA..... 894 §389. CHUYỆN CON CUA VÀNG..... ...897 §390. CHUYỆN CHIM MAYHAKA..... 901 §391. CHUYỆN VỊ TÀ THUẬT sư..... 904 §392. CHUYỆN củ SEN VÀ HOA SEN..... 907 §393. CHUYỆN VẬT THựC CÒN THỪA..... 909 §394. CHUYỆN CHIM CUT..... 911 §395. CHUYỆN CON QUẠ..... 912 CHƯƠNG VII BẢY KỆ..... 915 I. PHẨM KUKKU.....:..... 915 §396. CHUYỆN KUKKU..... 915 §397. CHUYỆN SƯTỬMANOJA..... 917

§398. CHUYỆN HIẾU TỬ SUTANU..... 920 §399. CHUYỆN CHIM THỨU..... 924 §400. CHUYỆN DABBHAPUPPHA..... 925 §401. CHUYỆN LƯỠI KIẾM xứ DASANNAKA..... 929 §402. CHUYỆN TÚI DA ĐỰNG BÁNH..... 932 §403. CHUYỆN TRÍ GIẢ ATTHISENA..... 939 §404. CHUYỆN HẦU VƯƠNG..... 941 §405. CHUYỆN PHẠM THIÊN BAKA..... 943 II. PHẨM GANDHÃRA..... 946 §406. CHUYỆN QUỐC

VƯƠNG GANDHÃRA..... 946 §407. CHUYỆN ĐẠI HẦU VƯƠNG..... 950 §408. CHUYỆN NGƯỜI THỢ GỐM..... 954 §409. CHUYỆN VUA DALHADHAMMA..... 959 §410. CHUYỆN VOI CON SOMADATTA..... ... 963 §411. CHUYỆN VUA SUSĨMA..... 965 §412. CHUYỆN THẦN CÂY BÔNG VẢI..... 968 §413. CHUYỆN NGƯỜI CHĂN DÊ DHŨMAKẢRI..... 970 §414. CHUYỆN NGƯỜI TỈNH THỨC..... 972 §415. CHUYỆN PHẦN CHÁO SỮA CHUA..... 974 §416. CHUYỆN CẬN THẦN PARANTAPA..... 979 CHƯƠNG VIII- TÁM KỆ..... 985 I. PHẨM KACCÃNI..... 985 §417. CHUYỆN HIỀN MẪU KACCÃNI..... 985 §418. CHUYỆN TÁM TIẾNG KÊU..... 989 §419. CHUYỆN KIỀU NỮ SULASÃ..... 995 §420. CHUYỆN NGƯỜI GIỮ NGự VIÊN SUMANGALA..... 998 §421. CHUYỆN NGƯỜI HỚT TÓC GANGAMẢLA..... 1001 §422. CHUYỆN QUỐC VƯƠNG CETI..... 1009 §423. CHUYỆN CÁC CẢN..... 1015 §424. CHUYỆN NGỌN LỬA ĐỐT CHÁY..... 1020 §425. CHUYỆN NHỮNG sự KIỆN KHÔNG THỂ XẢY RA..... 1023 §426. CHUYỆN CON BÁO *.....:..... 1027

CHƯƠNG IX CHÍN KỆ..... 1031 §427. CHUYỆN CHIM THỨU..... 1031 §428. CHUYỆN Ở KOSAMBĨ..... 1033 §429. CHUYỆN ĐẠI ANH vũ..... 1037 §430. CHUYỆN TIÊU ANH VŨ..... 1039 §431. CHUYỆN NAM TỬ HÃRITA..... 1041

civ KINH TIỂU Bộ

§432. CHUYỆN CẬU BÉ CÓ TÀI NHẬN DẤU CHÂN..... 1045 CHUYỆN VŨ CÔNG PÃTALA..... 1049 CHUYỆN NGƯỜI THỢ GỐM..... 1050 CHUYỆN NGỌN LỬA..... 1051 CHUYỆN BỘI THỰC..... 1051 CHUYỆN GIÓ THOI.....1052 CHUYỆN CÀNH CÂY..... 1052 CHUYỆN GIẾT MẸ GIÀ..... 1052 CHUYỆN ĐUỔI CHA GIÀ.....1055 §433. CHUYỆN CA-DIẾP, VỊ KHỔ HẠNH NHIỀU LÔNG TÓC..... 1056 §434. CHUYỆN CHIM HONG NGA.....1060 §435. CHUYỆN ước Mơ CHÓNG PHAI TÀN..... 1063 §436. CHUYỆN CÁI

HỘP..... 1065 §437. CHUYỆN CHÓ RỪNG PŨTIMAMSA..... 1068 §438. CHUYỆN CON GÀ GÔ.....1071

PHỤ LỤC1..... 1077 PHỤ LỤC 2.....1083 PHỤ LỤC 3.....1085 PHỤ LỤC 4.....1091 PHỤ LỤC 5..... 1125 SÁCH DẢN TIẾNG VIỆT..... 1129 SÁCH DẪN PĀLI..... :.....1139

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.